

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

ĐỀ ÁN  
THÀNH LẬP THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC,  
HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

## NĂM 2021

### MỤC LỤC

<b>ĐỀ ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC .....</b>	<b>1</b>
<b>HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG .....</b>	<b>1</b>
<b>Mở đầu.....</b>	<b>1</b>
<b>Phần thứ nhất CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC .....</b>	<b>3</b>
<b>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ .....</b>	<b>3</b>
<b>II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC THUỘC HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG.....</b>	<b>4</b>
<b>1. Vị trí, vai trò chức năng đô thị.....</b>	<b>4</b>
<b>2. Vai trò giao thông vận tải trong phát triển địa phương .....</b>	<b>5</b>
<b>3. Điều kiện kinh tế - xã hội .....</b>	<b>6</b>
<b>4. Về quản lý hành chính nhà nước.....</b>	<b>7</b>
<b>5. Đáp ứng nguyện vọng của Nhân dân .....</b>	<b>7</b>
<b>Phần thứ hai LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG XÃ ĐA PHƯỚC, HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG.....</b>	<b>9</b>
<b>A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA HUYỆN AN PHÚ .....</b>	<b>9</b>
<b>I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH HUYỆN AN PHÚ .....</b>	<b>9</b>
<b>II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN .....</b>	<b>10</b>
<b>1. Vị trí địa lý .....</b>	<b>10</b>
<b>2. Điều kiện tự nhiên.....</b>	<b>10</b>
<b>III. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA HUYỆN AN PHÚ .....</b>	<b>12</b>
<b>1. Hiện trạng diện tích tự nhiên và dân số.....</b>	<b>12</b>
<b>2. Thực trạng phát triển kinh tế.....</b>	<b>12</b>
<b>3. Thực trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật.....</b>	<b>15</b>
<b>4. Thực trạng phát triển văn hóa, xã hội .....</b>	<b>17</b>
<b>B. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ ĐA PHƯỚC.....</b>	<b>20</b>
<b>I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ VAI TRÒ CỦA XÃ ĐA PHƯỚC, HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG.....</b>	<b>20</b>
<b>1. Lịch sử hình thành.....</b>	<b>20</b>
<b>2. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên.....</b>	<b>21</b>
<b>II. HIỆN TRẠNG VỀ ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ CỦA TỈNH AN GIANG, HUYỆN AN PHÚ VÀ XÃ ĐA PHƯỚC .....</b>	<b>23</b>
<b>1. Diện tích, dân số, mật độ dân số tỉnh An Giang, huyện An Phú và xã Đa Phước:.....</b>	<b>23</b>
<b>a) Tỉnh An Giang .....</b>	<b>23</b>
<b>b) Huyện An Phú .....</b>	<b>23</b>
<b>2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất xã Đa Phước .....</b>	<b>23</b>

3. Dân số, lao động và thành phần dân cư xã Đa Phước.....	24
<b>III. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ ĐA PHƯỚC .....</b>	<b>24</b>
1. Hiện trạng xây dựng, phát triển hạ tầng, chỉnh trang phát triển đô thị .....	24
2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng .....	25
3. Hệ thống các công trình hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị .....	34
4. Đánh giá chi tiết mức độ đạt được các tiêu chuẩn thành lập thị trấn Đa Phước .....	44
<b>Phần thứ ba PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC, HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG.....</b>	<b>46</b>
<b>I. HIỆN TRẠNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, DÂN SỐ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN .....</b>	<b>46</b>
1. Tỉnh An Giang .....	46
2. Huyện An Phú.....	46
3. Xã Đa Phước .....	46
<b>II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC .....</b>	<b>47</b>
1. Phương án thành lập thị trấn Đa Phước .....	47
2. Phương án thành lập ấp .....	47
<b>III. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP .....</b>	<b>47</b>
<b>Phần thứ tư ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC.....</b>	<b>48</b>
<b>I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG SAU KHI THÀNH LẬP THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC .....</b>	<b>48</b>
1. Kinh tế - xã hội.....	48
2. Quản lý hành chính .....	49
3. Tác động về môi trường .....	50
4. Tác động về Quốc phòng, An ninh, trật tự an toàn xã hội.....	50
5. Tác động đến sản xuất, kinh doanh, đời sống sinh hoạt của dân cư trên địa bàn.....	51
6. Tác động nguồn vốn đầu tư .....	52
7. Kiến trúc đô thị cảnh quan .....	52
8. Tác động về mặt văn hóa .....	52
<b>II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC .....</b>	<b>53</b>
1. Quan điểm phát triển .....	53
2. Mục tiêu phát triển .....	54
3. Định hướng phát triển.....	55
<b>III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN SAU KHI THÀNH LẬP THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC .....</b>	<b>56</b>
1. Kinh tế .....	56
2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội.....	59
3. Định hướng xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.....	62
<b>IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....</b>	<b>65</b>
1. Huy động các nguồn vốn .....	65

2. Về tổ chức bộ máy và cán bộ công chức .....	67
3. Giải pháp khác .....	68
<b>Phần thứ năm KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>1</b>
I. KẾT LUẬN.....	1
II. KIẾN NGHỊ.....	1
THUYẾT MINH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC .....	2
1. Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và xã Vĩnh Trường .....	2
<b>2. Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và xã Châu Phong, thị xã Tân Châu.....</b>	<b>2</b>
3. Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và phường Châu Phú B, TP Châu Đốc.....	3
4. Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc.....	3
5. Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc.....	4
<b>6. Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú.....</b>	<b>4</b>
<b>7. Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và thị trấn An Phú, huyện An Phú .....</b>	<b>5</b>

Số: 699/ĐA-UBND

An Giang, ngày 17 tháng 11 năm 2021

**ĐỀ ÁN  
THÀNH LẬP THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC  
HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

**Mở đầu**

An Giang là tỉnh có quy mô dân số lớn nhất và diện tích đứng thứ 4 ở miền Tây Nam Bộ; là tỉnh đầu tiên ở Đồng bằng sông Cửu Long có 2 đô thị loại II là thành phố Long Xuyên trung tâm kinh tế, chính trị văn hoá của tỉnh và Châu Đốc là thành phố biên giới, nổi tiếng với cụm di tích và thắng cảnh ở núi Sam.

Năm 2020, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên 3.536,68 km<sup>2</sup>, dân số trung bình 1.904.532 người, dân cư phân bố chủ yếu ở vùng đồng bằng, ven sông (dọc theo sông Tiền và sông Hậu), đa số các đô thị lớn của An Giang và khu vực Miền Tây Nam Bộ cũng nằm ven 02 con sông này. Tỉnh An Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, bao gồm: 02 thành phố (thành phố Long Xuyên và thành phố Châu Đốc), 01 thị xã (thị xã Tân Châu) và 8 huyện (huyện An Phú, huyện Châu Phú, huyện Châu Thành, huyện Chợ Mới, huyện Phú Tân, huyện Thoại Sơn, huyện Tịnh Biên và huyện Tri Tôn); với 156 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 21 phường, 19 thị trấn và 116 xã); trong đó thành phố Long Xuyên là trung tâm hành chính-chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội, khoa học kỹ thuật và đào tạo của tỉnh.

An Phú là huyện biên giới, có đường biên giới với Vương quốc Campuchia ở phía Tây và phía Bắc; nằm giáp các đô thị lớn của tỉnh An Giang: Phía Đông và Đông nam giáp thị xã Tân Châu, phía Nam và Tây nam giáp thành phố Châu Đốc. Địa thế của An Phú có vai trò quan trọng về chính trị và kinh tế, án ngữ nơi đầu nguồn sông Mê Kông đi từ Campuchia vào Việt Nam, nằm trên tuyến đường giao thông thủy nối liền các tỉnh miền Tây ven sông Hậu với thủ đô Phnom Pênh của Campuchia; hiện nay việc lưu thông đường bộ từ thành phố Châu Đốc đến An Phú và nước bạn Campuchia khá thuận tiện vì có cầu Cồn Tiên và cầu Long Bình tạo sự thông suốt giao thông với quốc lộ 91C đến 03 huyện của 02 tỉnh Kandal và Takeo. Nằm trên trục đô thị trung tâm của tỉnh (Long Xuyên - Châu Đốc), có hệ thống giao thông nội địa và quốc tế thuận lợi nên có thể phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hỗ trợ, làm “vệ tinh” các đô thị trên, đồng thời phát triển kinh tế biên giới, kinh tế cửa khẩu. Huyện An Phú có 226,17 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số trung bình 148.218 người; toàn huyện có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 02 thị trấn: An Phú (huyện lỵ), Long Bình và 12 xã: Đa Phước, Khánh An, Khánh Bình, Nhơn Hội, Phú Hội, Phú Hữu, Phước Hưng, Quốc Thái, Vĩnh Hậu, Vĩnh Hội Đông, Vĩnh Lộc và Vĩnh Trường.

Đa Phước là xã phía Tây của huyện An Phú giáp ranh với thành phố Châu Đốc và thị xã Tân Châu, hiện là 02 trung tâm tiểu vùng kinh tế của tỉnh An Giang; trong đó thành phố Châu Đốc nguyên là trung tâm kinh tế, chính trị của khu vực. Do có vị trí thuận lợi về điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, người dân đã đến vùng đất “Đa Phước” lập nghiệp từ lâu, nay vẫn là điểm đến không những của dân cư mà còn của các doanh nghiệp. Năm 2020, là xã có quy mô dân số lớn nhất huyện An Phú, đạt 16.610 người, chiếm 11,21% dân số toàn huyện.

**Phần thứ nhất**  
**CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT**  
**THÀNH LẬP THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC**

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Quyết định số 1581/QĐ-TTg ngày 09/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 15/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định 801/QĐ-CP ngày 27/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020;

- Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt đồ án QHXD vùng tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh định hướng phát triển hệ thống đô thị thuộc Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 27/12/2014;

- Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc công nhận xã Đa Phước, huyện An Phú là đô thị loại V;

- Công văn số 434/UBND-TH ngày 20/05/2019 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập thị trấn Đa Phước và thị trấn Hòa Lạc.

- Báo cáo số 1382/BC-SNV ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Sở Nội vụ tỉnh An Giang về việc thẩm định Đề án thành lập thị trấn Đa Phước huyện An Phú, tỉnh An Giang.

## II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC THUỘC HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Đa Phước là xã phía Tây của huyện An Phú, giáp ranh với thành phố Châu Đốc và thị xã Tân Châu, là cửa ngõ giao thông quan trọng nhất cả đường bộ lẫn đường thủy của huyện An Phú với cả nước và cũng là cửa ngõ quan trọng của tỉnh An Giang, Đồng bằng sông Cửu Long, TP. Hồ Chí Minh với vùng Campuchia. Đa Phước có đầy đủ các điều kiện để phát triển và đang phát triển đúng theo định hướng phát triển của tiểu vùng: Phát triển đô thị; phát triển công nghiệp; phát triển thương mại dịch vụ; phát triển du lịch văn hóa tín ngưỡng, du lịch sinh thái, du lịch tham quan mua sắm, phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Do có vị trí thuận lợi về điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, nên nơi đây từ lâu đời đã thu hút dân cư đến sinh sống; xã có quy mô dân số lớn nhất huyện An Phú. Năm 2020, dân số trung bình 16.610 người, chiếm 11,21% dân số toàn huyện, tổng diện tích đất tự nhiên (15,76 km<sup>2</sup>) đứng thứ 05 và chiếm 6,98% diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của các cấp, các ngành cùng với hệ thống chính trị và Nhân dân trên địa bàn xã đã tập trung mọi nguồn lực đầu tư, nâng cấp về hạ tầng văn hóa - xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn. Đến nay, xã đã có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội; cơ sở hạ tầng ngày càng được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh và đồng bộ. Cơ cấu kinh tế dịch chuyển tích cực theo hướng tăng tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp, đặc biệt với vị trí địa lý thuận lợi và tiềm năng sẵn có đã duy trì đà phát triển các ngành nghề kinh doanh, thương mại - dịch vụ và du lịch; giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã ngày càng cao, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống rõ rệt.

Thực hiện định hướng phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa xã hội. Công tác văn hóa - xã hội trên địa bàn đã có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất, tinh thần không ngừng được nâng cao; các chính sách, phương án giảm nghèo được quan tâm chú trọng; công tác vệ sinh môi trường được triển khai đồng bộ với mục tiêu vì môi trường xanh, sạch và bền vững; giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao được quan tâm phát triển đầu tư phát triển, cơ sở hạ tầng xã hội được xây dựng mới và tu sửa, bổ sung trang thiết bị thường xuyên, bảo đảm công năng sử dụng. Sau nhiều năm xây dựng và phát triển, cùng với sự nỗ lực, cố gắng của Đảng ủy, chính quyền và Nhân dân, xã Đa Phước đã được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang công nhận là đô thị loại V tại Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 23/11/2018; vì vậy, việc thành lập thị trấn Đa Phước là yêu cầu khách quan, thể hiện trên những mặt sau:

### 1. Vị trí, vai trò chức năng đô thị

Đa Phước là xã phía Tây của huyện An Phú; sông Hậu và sông Châu Đốc là ranh giới tự nhiên của xã Đa Phước cũng như huyện An Phú với thành phố Châu Đốc. Cầu Còn Tiên nối hai bờ sông Châu Đốc đồng thời nối hai tuyến giao thông chính trên địa bàn huyện An Phú là Quốc lộ 91C và Tỉnh lộ 957 với Quốc lộ 91 tại thành phố Châu Đốc tạo thành cửa ngõ quan trọng của huyện An Phú về đường bộ với các đô thị lớn phía Nam sông Hậu. Không những thuận lợi về giao thông đường bộ mà còn thuận lợi về giao thông đường thủy vì khu vực Đa Phước là nơi hợp lưu của hai nhánh sông đầu nguồn sông Hậu cùng với kênh đào Vĩnh Tế, đây là những tuyến vận tải huyết mạch kết nối các trung tâm kinh tế, khu công nghiệp lớn, khu du lịch thương mại của khu vực và cả nước với các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh An Giang; ngoài ra còn có hệ thống kênh



rach đáp ứng hầu hết nhu cầu giao thông và vận chuyển hàng hóa tới từng khu dân cư. Với lợi thế là cửa ngõ giao thương, tỉnh An Giang đã định hướng phát triển trên địa bàn khu đô thị Đa Phước thành đầu mối giao thông bao gồm: Bến xe tải Cồn Tiên bên cạnh QL.91C nhằm phục vụ cảng hàng hóa Châu Đốc với diện tích 1,3ha; Cảng Châu Đốc nằm gần ngã 3 sông Hậu và sông Châu Đốc, thuộc xã Đa Phước, huyện An Phú, đảm bảo hoạt động của tàu có trọng tải đến 1.000T, công suất đạt 300.000T/năm. Công tác bảo trì, nâng cấp đường bộ, nạo vét lòng sông tiến hành theo kế hoạch nhằm đảm bảo lưu thông, vận chuyển hàng hoá như: bảo trì quốc lộ 91C, nâng cấp đường tỉnh 957 có bề mặt nhựa rộng 7m, nền 9m, điểm đầu tại xã Đa Phước huyện An Phú, điểm cuối giao QL.91C tại thị trấn Long Bình (An Phú). Cải tạo, nâng cấp các tuyến thủy nội địa đạt tiêu chuẩn, như: sông Hậu đạt cấp I, chiều rộng đáy >125m, chiều sâu luồng >4,0m. Sông Bình Di: nâng cấp đạt cấp III, chiều rộng đáy >50m, chiều sâu luồng >2,8m. Sông Châu Đốc đạt cấp III, chiều rộng đáy >50m, chiều sâu luồng >2,8m. Kênh Vĩnh Tế đang được đầu tư mở rộng luồng để đảm bảo giao thông thuận lợi và thoát lũ cho khu vực đầu nguồn.

Làng Chăm Đa Phước (An Phú) hình thành trên 120 năm, tập trung tại ấp Hà Bao 2, dọc Quốc lộ 91C và nằm cặp theo dòng sông Hậu, tiếp giáp từ cầu Cồn Tiên hướng về trung tâm huyện An Phú. Nằm bên cạnh những địa điểm du lịch nổi tiếng của thành phố Châu Đốc, nhờ giao thông thuận lợi, làng Chăm Đa Phước đã phát triển du lịch, trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước. Nơi đây có Thánh đường Ehsan và Thánh đường Sunnah là 2 công trình kiến trúc độc đáo, được xây dựng và trùng tu rất khang trang; là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của cộng đồng dân tộc Chăm. Người Chăm ở Đa Phước là những “bậc thầy” dệt thổ cẩm nổi tiếng khắp nơi với những sản phẩm may, đan, thêu, kết cườm trên trang phục truyền thống của phụ nữ Hồi giáo với những hoa văn, họa tiết tinh xảo. Sản phẩm luôn thu hút được khách hàng bởi có nét đẹp rất riêng. Đây là địa điểm tham quan hấp dẫn của du khách khi đã đến du lịch Châu Đốc. Đình Đa Phước là Di tích kiến trúc nghệ thuật đã được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 05/1999/QĐ-BVHTT, ngày 12 tháng 02 năm 1999 của Bộ Văn hóa – Thông tin; đây là công trình có giá trị tiêu biểu về kiến trúc, nghệ thuật của nhiều giai đoạn lịch sử từ khi người dân đất Việt đến đây lập cư trên vùng đất mới.

Có điều kiện thuận lợi về giao thương, nằm khu vực lan tỏa, chịu ảnh hưởng lớn sự phát triển thành phố Châu Đốc; để phát huy tiềm năng, các cấp Đảng, chính quyền quan tâm đầu tư và định hướng phát triển Đa Phước với động lực phát triển của tiểu vùng là phát triển đô thị, chế biến nông sản và phát triển du lịch tâm linh, du lịch làng nghề, sinh thái cộng đồng và phát triển đầu mối giao thông có vai trò thúc đẩy kinh tế của huyện.

## **2. Vai trò giao thông vận tải trong phát triển địa phương**

Giao thông và vận tải đường thủy có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với địa phương, đảm bảo luân chuyển hàng hóa, con người trong phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng. Trong những năm gần đây, doanh thu vận tải có tốc độ tăng hai con số và luôn tăng nhanh hơn so với tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh An Giang nói chung và của huyện An Phú nói riêng. Đầu tư vào vận tải luôn hiệu quả kinh tế cao so với các ngành kinh tế khác, bình quân 5 năm gần đây, tỷ lệ vốn đầu tư so với sản phẩm

tạo ra đạt trên 30%; lợi nhuận của các doanh nghiệp hoạt động trong vận tải đường thủy bình quân chiếm trên 50% giá trị lợi nhuận tạo ra mỗi năm của ngành vận tải, kho bãi, có năm đạt trên 70%. Riêng khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển đường sông của huyện An Phú chiếm trên 99%.

Việc quy hoạch và phát triển đầu mối giao thông trên địa bàn đô thị Đa Phước sẽ là tiền đề thực hiện các quy hoạch khác trên địa bàn, như cụm công nghiệp, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, phát triển du lịch cũng như thương mại và dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, văn hóa cũng như cơ sở hạ tầng chất lượng cao làm nền tảng cho sự phát triển.

### **3. Điều kiện kinh tế - xã hội**

Cùng với nguồn lực hỗ trợ của Tỉnh, Huyện, được sự lãnh đạo sâu sát và kịp thời của Đảng ủy – HĐND xã cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, Mặt trận, đoàn thể từ xã đến ấp; UBND xã đã phát huy thế mạnh vị trí địa lý, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, tiềm năng về đất đai, đặc biệt là sự đồng thuận cao của quần chúng Nhân dân, đóng góp sức người, sức của thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra; công tác tuyên truyền, vận động, xã hội hóa ở địa phương luôn được quan tâm sâu sắc; do vậy, trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của thành phố Châu Đốc, hoạt động kinh tế biên mậu khu vực cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên ở phía Tây nam và cửa khẩu Khánh Bình, Vĩnh Hội Đông phía Tây bắc, hoạt động du lịch tuyến Hà Tiên – Châu Đốc, Cần Thơ – Châu Đốc thì kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng của xã Đa Phước có những bước phát triển mạnh, đời sống vật chất tinh thần của Nhân dân ngày được cải thiện, diện mạo đô thị có nhiều khởi sắc trở thành khu vực phát triển năng động của huyện, từng bước trở thành khu đô thị chia sẻ chức năng của thành phố Châu Đốc liên kết.

Kinh tế đô thị Đa Phước tăng trưởng liên tục đạt mức cao, đạt 10,36%/năm giai đoạn 2018-2020; cơ cấu kinh tế chuyển biến theo hướng tích cực, đúng định hướng là tăng tỷ trọng ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Trong năm 2020, tổng sản phẩm đạt 996,6 tỷ đồng, trong đó Nông nghiệp – Thủy sản chiếm 27,48%, công nghiệp - xây dựng chiếm 24,59%, thương mại - dịch vụ chiếm 47,92%. Tổng thu ngân sách hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu của huyện giao, góp phần bổ sung ngân sách cho huyện.

Thu nhập bình quân đầu người năm tăng nhanh cùng với chuyển biến tích cực của kinh tế và tăng nhanh hơn thu nhập bình quân đầu người năm của cả nước, năm 2018 là 50,88 triệu đồng, bằng 0,87 lần so với cả nước, năm 2019 là 55,61 triệu đồng và năm 2020 là 60 triệu đồng, bằng 0,94 lần thu nhập bình quân đầu người cả nước.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm dần qua các năm, trung bình 3 năm gần nhất (2018-2020) chỉ còn 2,43%, thấp hơn bình quân của huyện An phú (6,38%). Riêng năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo còn 1,98% (giảm 0,41% so với năm 2019 và 0,94% với năm 2018).

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp năm 2020 đạt 65,5%. Cơ giới hóa nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp phát triển nhanh đã giải phóng sức lao động và tăng năng suất lao động dẫn tới nhu cầu lao động trong nông nghiệp giảm đồng thời chuyển dịch lao động sang ngành Thương mại – dịch vụ và Công nghiệp – xây dựng đang có nhu cầu tăng nhanh.

#### **4. Về quản lý hành chính nhà nước**

Hoạt động của Hội đồng nhân xã ngày càng hiệu quả hơn, phát huy nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định; hiệu quả điều hành của Ủy ban nhân dân và bộ máy giúp việc được phát huy theo hướng chuẩn hóa, nâng cao hiệu quả công tác, đáp ứng nhiệm vụ được giao. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý nhà nước trên địa bàn cũng phát sinh nhiều vấn đề bất cập; là chính quyền nông thôn, nhưng hiện nay việc quản lý nhà nước trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ của chính quyền đô thị. Mặt khác, Đa Phước là địa bàn giáp ranh và chịu ảnh hưởng rất lớn của thành phố Châu Đốc cả về tích cực và tiêu cực, nên quản lý về an ninh - trật tự an toàn xã hội, tội phạm, tệ nạn xã hội,... phải đa chiều, xử lý trên nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau. Hơn nữa, Đa Phước là đô thị loại V cùng với định hướng thành lập thị trấn cũng như thực hiện các quy hoạch trên địa bàn thì công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, như quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc, giao thông, điện, cấp thoát nước, chiếu sáng công cộng, vệ sinh môi trường, nhà ở, dịch vụ, thương mại, du lịch, thể dục thể thao, ăn uống, giải trí,.. là vấn đề bức xúc hàng ngày, đa dạng, phức tạp của đô thị không còn phù hợp với mô hình quản lý hiện nay. Do vậy, việc thành lập thị trấn Đa Phước trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số xã Đa Phước hiện nay là cần thiết, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền; bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn bản sắc văn hóa của các dân tộc, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống Nhân dân trên địa bàn, đáp ứng với tâm tư nguyện vọng của Nhân dân và định hướng phát triển của chính quyền các cấp.

#### **5. Đáp ứng nguyện vọng của Nhân dân**

Xã Đa Phước đã được công nhận đô thị loại V từ năm 2018, thời gian qua được sự đầu tư của Nhà nước, cùng với nỗ lực của Nhân dân trên địa bàn trong phát triển kinh tế và xây dựng cơ sở hạ tầng; cũng nhờ sự phấn đấu, mong mỏi của các tầng lớp Nhân dân để sớm trở thành công dân đô thị, được hưởng các tiện ích của đô thị mang lại; thành lập thị trấn Đa Phước xuất phát từ thực tế khách quan sẽ tạo ra sự thay đổi về vật chất, tinh thần của người dân, vì sẽ được cung cấp các dịch vụ một cách đầy đủ hơn, với tiêu chuẩn cao hơn và đa dạng hơn. Sự phát triển của thị trấn Đa Phước trong tương lai sẽ tạo bước chuyển biến tích cực tác động đến mọi mặt về phát triển kinh tế, đời sống của Nhân dân trên địa bàn, nhờ phát triển kinh doanh thương mại-dịch vụ, công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp sẽ tạo ra nhiều việc làm với mức thu nhập cao hơn. Thành lập thị trấn “Đa Phước” từ lâu đã trở thành tâm tư nguyện vọng thiết tha của người dân trong xã, địa danh gắn liền với vùng đất từ thời kỳ đi mở đất, lập cư, các cuộc đấu tranh tự vệ giữ đất với các đế quốc phong kiến và đế quốc thời hiện đại của nhiều thế hệ với chiều dài lịch sử trải qua 03 thế kỷ.

Một đô thị cửa ngõ nằm trên các tuyến giao thông huyết mạch của huyện được thành lập sẽ là tiền đề, là động lực để xã Đa Phước nói riêng và huyện An Phú nói chung mở ra nhiều cơ hội phát triển về mọi lĩnh vực, qua đó sẽ mang lại bộ mặt đô thị văn minh, hiện đại. Đồng thời, tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò chức năng là trung tâm chuyên ngành của huyện, tác động tích cực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa của huyện An Phú và tỉnh An Giang.

*\* Về điều kiện thành lập thị trấn*

Việc thành lập thị trấn Đa Phước thuộc huyện An Phú, tỉnh An Giang đã bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 128 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, đó là:

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các cấp; phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân.

- Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: Việc thành lập thị trấn Đa Phước sẽ tạo điều kiện củng cố tốt hơn về quốc phòng an ninh, tình hình an ninh chính trị và các hoạt động quản lý, phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực này được củng cố và kiện toàn bảo đảm phù hợp với chức năng nhiệm vụ của địa phương.

- Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương; tạo sự thuận tiện cho Nhân dân; quá trình xây dựng Đề án thành lập thị trấn Đa Phước đã được sự đồng thuận cao của Nhân dân.

*\* Về tiêu chuẩn thành lập thị trấn*

Việc thành lập thị trấn Đa Phước trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Đa Phước đã bảo đảm đạt các tiêu chuẩn thành lập thị trấn quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

**Phần thứ hai**  
**LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG XÃ ĐA PHƯỚC,**  
**HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

**A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA HUYỆN AN PHÚ**

**I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH HUYỆN AN PHÚ**

Vào năm 1832, khi tỉnh An Giang ra đời thì đất An Phú thuộc về tổng Châu Phú, huyện Tây Xuyên, phủ Tuy Biên - một trong hai phủ của tỉnh An Giang lúc bấy giờ.

Năm 1868, thực dân Pháp chiếm An Giang. Thời Pháp thuộc, vùng đất An Phú đa phần nằm trong khu vực tổng An Lương và tổng Châu Phú thuộc quận Châu Thành, tỉnh Châu Đốc.

Năm 1870 và 1873, Pháp cắt một số làng ven biên giới thuộc tổng An Lương và Châu Phú giao cho Cam-Bốt quản lý (Bắc Nam, Lý Nhơn,...).

Đến năm 1956, chính quyền Việt Nam Cộng hòa quyết định đổi tên quận Châu Thành thành quận Châu Phú thuộc tỉnh An Giang vừa mới thành lập. Quận Châu Phú khi đó vẫn gồm 3 tổng: Châu Phú, An Phú và An Lương.

Ngày 06 tháng 8 năm 1957, chính quyền Việt Nam Cộng hòa tách một phần phía Bắc quận Châu Phú để thành lập quận An Phú thuộc tỉnh An Giang, bao gồm 09 xã tổng An Phú và 4 xã của tổng Châu Phú. Quận An Phú gồm 02 tổng, 13 xã là: Đa Phước, Nhơn Hội, Phú Hữu, Khánh An, Khánh Bình, Phước Hưng, Phú Hội, Phũm Soài, Vĩnh Hội Đông, Vĩnh Lộc thuộc tổng An Phú; Vĩnh Hậu, Vĩnh Phong, Vĩnh Trường thuộc tổng Châu Phú. Quận lỵ đặt tại xã Phước Hưng.

Ngày 08-9-1964, chính quyền Việt Nam Cộng hòa quyết định tái lập tỉnh Châu Đốc. Quận An Phú thuộc về tỉnh Châu Đốc, gồm 11 xã là: Đa Phước, Khánh An, Khánh Bình, Nhơn Hội, Phước Hưng, Vĩnh Hội Đông, Phú Hội, Vĩnh Trường, Vĩnh Hậu, Vĩnh Lộc và Phú Hữu. Địa giới này tồn tại đến năm 1975.

Về phía chính quyền Cách mạng, sau năm 1945, địa bàn An Phú ngày nay thuộc tỉnh Châu Đốc. Ngày 06 tháng 3 năm 1948, vùng đất này được đặt thành huyện Châu Phú B, thuộc tỉnh Long Châu Tiền. Ngày 27 tháng 6 năm 1951, huyện Châu Phú B thuộc tỉnh Long Châu Sa. Tháng 10 năm 1954, vùng đất An Phú trở lại thuộc quận Châu Thành, tỉnh Châu Đốc.

Giữa năm 1957, chính quyền Cách mạng cũng quyết định thành lập huyện An Phú thuộc tỉnh An Giang. Tháng 10 năm 1961, tỉnh ủy An Giang hợp nhất hai huyện Tân Châu và An Phú thành liên huyện Tân Châu - An Phú. Tháng 02 năm 1972, lại tách thành hai huyện như cũ. Tháng 05 năm 1974, huyện An Phú thuộc tỉnh Long Châu Tiền.

Tháng 12-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết sáp nhập hai huyện Tân Châu và An Phú thành huyện Phú Châu, thuộc tỉnh An Giang.

Năm 1978, Khơ-Me Đỏ tấn công và đánh chiếm nhiều mục tiêu ở An Giang, trong đó có huyện Phú Châu. Nhân dân khu vực huyện An Phú hiện nay đa số phải

tấn công về các địa phương ở sâu bên trong lãnh thổ Việt Nam. Quân đội Việt Nam tấn công giành lại các mục tiêu ở Phú Châu, giao tranh ở cấp sư đoàn.

Năm 1979, quân đội Việt Nam đánh đuổi Khor-Me Đỏ ra khỏi huyện Phú Châu, tiếp tục truy kích Khor-Me Đỏ trong biên giới Campuchia.

Ngày 13-11-1991, Quyết định số 373-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng chia huyện Phú Châu thành hai huyện An Phú và Tân Châu. Huyện An Phú có thị trấn An Phú và 12 xã: Đa Phước, Khánh An, Khánh Bình, Nhơn Hội, Phú Hội, Phú Hữu, Phước Hưng, Quốc Thái, Vĩnh Hậu, Vĩnh Hội Đông, Vĩnh Lộc, Vĩnh Trường.

Nghị định số 52/2005/NĐ-CP ngày 12/4/2005 của Chính phủ về việc thành lập thị trấn Long Bình trên cơ sở 174 ha diện tích tự nhiên và 4.054 nhân khẩu của xã Khánh Bình, 248 ha diện tích tự nhiên và 3.738 nhân khẩu của xã Khánh An.

Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 24/8/2009 của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính xã thuộc huyện Tân Châu, huyện An Phú, huyện Phú Tân, thành lập thị xã Tân Châu, thành lập các phường thuộc thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

- Điều chỉnh 347 ha diện tích tự nhiên và 1.062 nhân khẩu của xã Phú Lộc, huyện Tân Châu vào xã Phú Hữu thuộc huyện An Phú quản lý.

- Điều chỉnh 513 ha diện tích tự nhiên và 1.415 nhân khẩu của xã Phú Lộc, huyện Tân Châu vào xã Vĩnh Lộc thuộc huyện An Phú quản lý.

- Huyện An Phú có 22.629,76 ha diện tích tự nhiên và 191.328 nhân khẩu, có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm: Thị trấn An Phú, thị trấn Long Bình, xã Đa Phước, xã Khánh An, xã Khánh Bình, xã Quốc Thái, xã Nhơn Hội, xã Phú Hội, xã Phú Hữu, xã Phước Hưng, xã Vĩnh Hậu, xã Vĩnh Hội Đông, xã Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Trường.

## **II. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**

### **1. Vị trí địa lí**

An Phú là huyện biên giới và tiếp giáp với các đô thị lớn của tỉnh An Giang, có cửa khẩu quốc gia Khánh Bình, cửa khẩu chính Vĩnh Hội Đông<sup>1</sup> và hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy thuận lợi, ranh giới hành chính huyện được xác định như sau:

- Phía Đông và Đông Nam giáp thị xã Tân Châu;
- Phía Tây và phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia. Có đường biên giới khoảng 43 km.
- Phía Nam và Tây Nam giáp thành phố Châu Đốc.

### **2. Điều kiện tự nhiên**

#### *2.1. Địa hình*

Hầu hết diện tích huyện An Phú đều là đồng bằng; có địa thế tằm chia làm 3 phần. Sông Hậu, sông Bình Di và sông Châu Đốc chạy song song tạo nên cù lao An Phú ở giữa. Hai bên là các xã bờ Tây sông Châu Đốc và bờ Đông sông Hậu. Ngoài ra còn có cù lao Vĩnh Trường (xưa gọi là cù lao Ba - do tiếng Chăm nghĩa là 3 cù

<sup>1</sup> Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 06 tháng 03 năm 2009 của Thủ Tướng Chính phủ

lao) ở phía Nam. Hệ thống sông Sông Hậu, nhánh sông Hậu, sông Bình Di, sông Châu Đốc, và kênh đào tạo lên hệ thống giao thông đường thủy rất thuận tiện cho phát triển giao thông đường thủy.

## 2.2. Khí hậu

Huyện An Phú nói riêng và tỉnh An Giang nói chung đều nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới gió mùa, có nền nhiệt cao và đều quanh năm. Một năm được chia thành hai mùa rõ rệt: Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

## 2.3. Thủy văn

Hàng năm, An Phú chịu ảnh hưởng của mùa lũ hay còn gọi là mùa nước nổi, từ tháng 7, mực nước trên sông Mê Kông dâng cao, mưa nhiều kết hợp với lượng nước tích tụ tại Biển Hồ của Campuchia tràn xuống hạ lưu làm gần như toàn bộ khu vực An Phú chìm trong biển nước, độ ngập trung bình khoảng 2-3 mét. Thời gian ngập lụt kéo dài khá lâu, thường là khoảng từ 4 đến 5 tháng nên có ảnh hưởng rất lớn đến tập quán sinh hoạt, sản xuất của người dân.

Hồ nước ngọt Búng Bình Thiên ở An Phú được đánh giá là hồ nước ngọt tự nhiên rộng nhất miền Tây và có giá trị du lịch nhờ cảnh quan đẹp.

## 2.4. Các nguồn tài nguyên

a) *Tài nguyên đất*: Huyện An Phú có 03 nhóm đất như sau: Đất glây, tầng mặt dày, dinh dưỡng khá, có dấu tích phù sa bồi 10.177,68 ha (44,95 %); Đất phù sa bồi phát triển khá, có dấu tích đường nứt dọc, dinh dưỡng kém 11.000,19 ha (48,58 %); còn lại 1.463,84 ha là đất sông, mặt nước chuyên dùng.

b) *Tài nguyên nước*: Nguồn nước mặt được cung cấp chủ yếu từ sông Hậu, sông Bình Di và sông Châu Đốc chảy từ Bắc xuống Nam, với lưu lượng khá lớn đủ cung cấp nước cho các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân kể cả trong mùa khô. Huyện An Phú có mùa nước nổi hàng năm được xem là một nguồn tài nguyên vì mang lại nguồn thủy sản phong phú, lượng phù sa dồi dào. Tuy nhiên trong những năm gần đây lượng nước giảm dần do biến đổi khí hậu và sự hình thành các đập ở thượng nguồn sông Mê Kông làm ảnh hưởng rất lớn đến nguồn lợi thủy sản và sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, nguồn nước ngầm ở An Phú được khai thác không đáng kể, chủ yếu từ các giếng khoan tự phát, giếng phục vụ cho sinh hoạt.

c) *Tài nguyên khoáng sản*: Tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện An Phú chủ yếu là sét gạch ngói (tập trung ở thị trấn An Phú, xã Đa Phước, Vĩnh Hội Đông với trữ lượng khoảng 3,8 triệu m<sup>3</sup>). Khoáng sản được hình thành do trầm tích trên sông tích tụ dọc theo các bờ sông, phục vụ chính cho xây dựng. Các vùng quy hoạch khai thác sét gạch ngói đã được xác định: Vùng Vĩnh Hội Đông (quy mô 76,0 ha, trữ lượng 1,5 triệu m<sup>3</sup>); vùng thị trấn An Phú (quy mô 31,0 ha, trữ lượng 0,62 triệu m<sup>3</sup>); vùng Đa Phước (quy mô 83 ha, trữ lượng 1,66 triệu m<sup>3</sup>). Bên cạnh đó, cát sông được xem là tài nguyên khoáng sản của huyện An Phú (xã Vĩnh Trường với trữ lượng khoảng 1,18 triệu m<sup>3</sup>). Thời gian qua, việc khai thác tài nguyên cát sông đã góp phần đáng kể cho yêu cầu xây dựng và san lấp mặt bằng.

*d) Tài nguyên văn hóa cho phát triển du lịch:*

Về dân tộc và tín ngưỡng: An Phú là huyện vùng biên, nơi có nhiều dân tộc sinh sống, trong đó người Kinh chiếm đa số. Ngoài ra còn có người Chăm và người Hoa, số người Chăm khoảng 3,89% dân số của huyện và gần một nửa cộng đồng người Chăm tại tỉnh An Giang. Người dân trên địa bàn huyện theo đạo Hồi, đạo Phật, đạo Phật giáo Hòa Hảo, một số khác theo đạo Cao Đài, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Mỗi tôn giáo có những nét văn hóa riêng đi kèm với các lễ hội truyền thống độc đáo.

Trên địa bàn huyện có Khu du lịch sinh thái Búng Bình Thiên với sự kiện lễ hội mùa nước nổi hàng năm rất phong phú và đa dạng, cùng với các công trình kiến trúc văn hoá Chăm ở xã Đa Phước, Vĩnh Trường, Nhơn Hội là những địa điểm du lịch hấp dẫn của huyện. Hàng năm đến những ngày lễ hội thu hút trên 10 ngàn du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan.

Nhìn chung, sự đa dạng về văn hóa, tín ngưỡng, cùng với khu sinh thái Búng Bình Thiên sẽ tạo điều kiện cho du lịch phát triển trong thời gian tới. Sự phát triển kết hợp các tour, tuyến du lịch sinh thái kết hợp với du lịch miệt vườn sông nước.

### **III. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA HUYỆN AN PHÚ**

#### **1. Hiện trạng diện tích tự nhiên và dân số**

*a) Hiện trạng diện tích tự nhiên*

Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 226,17 km<sup>2</sup>, chiếm 6,39% DTTN toàn tỉnh. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 187,28km<sup>2</sup>, chiếm 82,8% DTTN; đất sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp 38,89 km<sup>2</sup>, chiếm 17,2% DTTN, toàn bộ diện tích đất tự nhiên đã đưa vào sử dụng.

*b) Dân số và phân bố dân cư*

Năm 2020, dân số trung bình của huyện An Phú là 148.218 người, chiếm khoảng 6,86% dân số tỉnh An Giang.

Mật độ dân số của huyện là 655 người/km<sup>2</sup> cao hơn so với mức trung bình toàn tỉnh (539 người/km<sup>2</sup>), dân cư phân bố không đều giữa các xã, thị trấn, tập trung chủ yếu ở trung tâm thị trấn, các trung tâm xã, các khu dân cư dọc theo các tuyến giao thông chính. Cụ thể dân cư tập trung nhiều ở thị trấn Long Bình, xã Khánh An, thị trấn An Phú, xã Vĩnh Hội Đông, xã Đa Phước; các xã còn lại mật độ phân bố rất thấp, thấp nhất là tại xã Vĩnh Lộc.

*c) Các đơn vị hành chính trực thuộc*

Huyện An Phú có 14 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: Thị trấn An Phú, thị trấn Long Bình và 12 xã: Khánh An, Khánh Bình, Quốc Thái, Nhơn Hội, Phú Hữu, Phú Hội, Phước Hưng, Vĩnh Lộc, Vĩnh Hậu, Vĩnh Trường, Vĩnh Hội Đông, Đa Phước.

#### **2. Thực trạng phát triển kinh tế**

*a) Thương mại - dịch vụ*

Thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế với 59,5%. Hoạt động thương mại - dịch vụ đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế cũng



như thu ngân sách trên địa bàn huyện. Tổng mức hàng hóa bán ra và doanh thu dịch vụ hàng năm tăng qua các năm. Năm 2020, kết quả thu thuế trên địa bàn huyện tăng 173,91% so với năm 2015.

Hiện nay, toàn huyện có trên 8,3 ngàn hộ thương nghiệp - dịch vụ cá thể, hơn 120 doanh nghiệp thương nghiệp – dịch vụ; cùng mạng lưới cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ và mạng lưới các chợ phân bố đều trên các địa bàn góp phần lưu thông hàng hóa và thúc đẩy phát triển sản xuất.

Trong thời gian qua có nhiều dự án tầm quốc gia được đầu tư trên địa bàn, như cửa khẩu Khánh Bình - Chrey Thom thuộc địa bàn xã Khánh Bình, huyện An Phú, An Giang, đối diện là xã Chrey Thom, huyện Koh Thum, tỉnh Kandal, Campuchia. Hiện nay đang được định hướng thành cửa khẩu quốc tế. Việc nâng cấp lên cửa khẩu quốc tế đồng nghĩa với việc nâng cấp các trang thiết bị, quy trình quản lý, kiểm soát được nâng lên cao hơn giúp đảm bảo giữ gìn ổn định an ninh trật tự khu vực biên giới. Đồng thời, sẽ tạo ra cơ hội thu hút các nguồn lực đầu tư vào khu vực cửa khẩu Khánh Bình, đưa khu vực này phát triển nhanh, bền vững. Cửa khẩu chính Khánh Bình nằm trong vị trí chiến lược tăng trưởng giữa TPHCM - TP Cần Thơ và Thủ đô Phnong Pênh (Campuchia), cách TP Châu Đốc khoảng 30km đường bộ và Thủ đô Phnong Pênh khoảng 76km. Đây là vị trí thuận lợi để hàng hóa từ Campuchia vào lãnh thổ Việt Nam thông qua cửa khẩu Khánh Bình. Đặc biệt khi cầu Long Bình - Chrey Thum được khánh thành đưa vào sử dụng đã giúp hoạt động trao đổi hàng hóa giữa 02 bên trở nên nhộn nhịp hơn. Số lượng người và phương tiện xuất - nhập cảnh qua cửa khẩu Khánh Bình tăng nhanh. Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan tỉnh An Giang, năm 2019 lưu lượng, phương tiện qua lại cửa khẩu Khánh Bình bằng đường bộ và đường thủy gấp 3 lần so với cửa khẩu Tịnh Biên. Thành lập Khu kinh tế cửa khẩu Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang bao gồm 5 xã Khánh Bình, Khánh An, Quốc Thái, Nhơn Hội và Phú Hữu thuộc huyện An Phú, tỉnh An Giang<sup>2</sup>. Tại khu vực này đã thu hút khá nhiều vốn đầu tư phục vụ cho phát triển kinh tế và xuất nhập khẩu, các hạng mục công trình trong khu vực cửa khẩu cũng được đầu tư xây dựng khang trang như: Trụ sở làm việc của các cơ quan: Hải quan, Ban quản lý cửa khẩu, nhà kiểm soát liên hợp, kho bãi, bãi kiểm hóa. Ngoài ra, UBND tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đầu tư với nguồn vốn 291 tỷ đồng để thực hiện khu du lịch, kho ngoại quan, kho dự trữ nguyên liệu, bãi đỗ xe trung chuyển hàng hóa,... Đây chính là cơ sở tạo tiền đề quan trọng để cửa khẩu Khánh Bình được nâng cấp lên cửa khẩu quốc tế cả về đường bộ và đường thủy.

Ngoài ra, vị trí nằm bên cạnh thành phố du lịch (TP. Châu Đốc) và có nhiều tài nguyên phát triển du lịch cũng như giao thông thuận lợi nên huyện An Phú hàng năm đã thu hút một lượng lớn khách du lịch. Thời gian qua, huyện đã phát huy tổng hợp các nguồn lực xây dựng và phát triển du lịch theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh liên doanh, liên kết với các đơn vị làm du lịch. An Phú có những địa điểm nổi tiếng nằm trên bản đồ du lịch An Giang như Khu du lịch sinh thái Búng Bình Thiên (gắn với nhiều huyền thoại), Làng Chăm Đa Phước có Thánh đường Ehsan và Thánh đường Sunnah là nơi sinh hoạt tôn giáo mỗi ngày với kiến trúc cũng khang trang, hoành tráng

<sup>2</sup>Quyết định số 35/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

cách cầu Cồn Tiên nối với TP. Châu Đốc trên dưới 2km. Khu dân cư dân tộc Chăm Đa Phước đang được đầu tư xây dựng với tổng mức đầu tư 46,1 tỷ đồng, đến năm 2020 đã giải ngân trên 29 tỷ đồng.

Dịch vụ vận tải phát triển khá ổn định cả về vận tải đường bộ và đường thủy. Đường bộ có quốc lộ 91C, tuyến đường tỉnh 957; đường thủy có sông Hậu, nhánh sông Hậu, sông Bình Di, sông Châu Đốc chảy dài từ Bắc xuống Nam nối liền các xã, thị trấn của huyện với nhau, ngoài ra còn đi cửa khẩu Tịnh Biên và đi Hà Tiên bằng kênh Vĩnh Tế. Năm 2020 khối lượng hàng hoá luân chuyển đạt 82.000 ngàn tấn.km. Trong đó luân chuyển bằng đường bộ đạt 69 ngàn tấn.km, bằng đường thủy đạt 81.931 ngàn tấn.km. Doanh thu vận tải đạt 102 tỷ đồng năm 2020, tăng 6 tỷ đồng so với năm 2015.

Ngoài ra, còn có các hoạt động dịch vụ khác như: Buu chính viễn thông, tài chính tín dụng phát triển, đáp ứng được yêu cầu về thông tin liên lạc, về vốn cho nhu cầu phát triển sản xuất các tổ chức kinh tế, Nhân dân.

#### *b) Công nghiệp - xây dựng*

Tỷ trọng của ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm khá thấp chỉ có 9,5% trong cơ cấu kinh tế của huyện. Sản xuất công nghiệp có sự tham gia tích cực của các thành phần kinh tế, bao gồm Nhà nước, Doanh nghiệp tư nhân và cá thể, trong đó Nhà nước hoạt động chủ yếu trong ngành sản xuất và phân phối điện nước, các doanh nghiệp tư nhân và cá thể trong ngành chế biến. Năm 2020, giá trị sản xuất khu vực Nhà nước tạo ra chiếm 31,43% trong cơ cấu, doanh nghiệp tư nhân và cá thể chiếm 68,57%.

Trong công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu công nghiệp (72,74%). Hiện nay, toàn huyện có gần 570 doanh nghiệp và cơ sở sản xuất công nghiệp; trong đó công nghiệp chế biến 573 cơ sở, sản xuất và phân phối điện, nước 5 cơ sở.

Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch xây dựng đã có những bước tiến quan trọng, phát triển đô thị và nhà ở, năng lực xây dựng công trình có nhiều tiến bộ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển. Triển khai chương trình đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo kế hoạch phân kỳ đầu tư hàng năm và trung hạn 5 năm về các lĩnh vực thủy lợi, giao thông, y tế, giáo dục, văn hóa - thể dục thể thao,... Nhiều công trình trọng điểm được đưa vào sử dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và dân sinh góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của địa phương.

#### *c) Sản xuất nông nghiệp:*

Khu vực kinh tế nông nghiệp trong những năm qua phát triển khá ổn định và giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế huyện, chỉ chiếm 31,0% trong cơ cấu kinh tế năm 2020, giá trị sản xuất đạt 3.720 tỷ đồng, tăng 399 tỷ đồng so với năm 2015 và tăng không đều qua các năm trong giai đoạn 2016-2020. Trong đó:

- Đối với ngành trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng toàn huyện năm 2020 đạt 39.500 ha, giảm 3.050 ha so với năm 2015. Trong đó, diện tích lúa 34.200 ha (chiếm 86,58% tổng diện tích gieo trồng), giảm 363 ha với sản lượng 210.000 tấn, giảm 5.900 tấn so với năm 2015, việc giảm diện tích là do chuyển diện tích sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn, tuy giảm sản lượng nhưng giá trị tăng lên do sử dụng giống lúa có chất lượng cao (các giống ST24, ST25) đáp ứng nhu cầu gạo ngon cho tiêu dùng và

xuất khẩu. Sản lượng thóc đầu người bình quân toàn huyện 1.413kg/người/năm. Toàn huyện thực hiện điều tiết nước bằng hệ thống trạm bơm điện trên 80% tổng diện tích gieo trồng. Ngành nông nghiệp vận động nông dân tham gia và ứng dụng các chương trình chuyển giao khoa học - kỹ thuật trong sản xuất.

- Đối với ngành chăn nuôi: Tình hình chăn nuôi gia súc trên địa bàn huyện trong thời gian qua biến động giảm; nguyên nhân là do biến động lớn về giá, hiệu quả kinh tế so sánh với kinh doanh thương mại – dịch vụ cũng như tham gia sản xuất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp; bên cạnh việc phát triển cơ giới hóa trên đồng ruộng dẫn đến sự sụt giảm sức kéo của đàn trâu, người dân chuyển sang nuôi bò. Số lượng đàn trâu giảm trên 2/3, năm 675 con, đến năm 2020 còn lại 210 con, giảm 465 con, ngược lại đàn bò tăng 221 con. Đàn lợn (heo) sụt giảm nghiêm trọng, trong 5 năm, số lượng giảm 2.929 con, nguyên nhân chủ yếu do dịch tả lợn châu Phi. Người dân cố gắng chăn nuôi đàn bò, gà, vịt... để gia tăng nguồn thu nhập. Tuy nhiên, số lượng biến động ít, không ổn định và có khuynh hướng gia tăng nhưng không đáng kể.

- Đối với ngành thủy sản: UBND Huyện chú trọng quan tâm và có điều kiện phát triển do có nhiều sông, rạch, nguồn nước thích hợp với mùa nước nổi hàng năm mang về một lượng lớn nguồn lợi thủy sản tự nhiên. Trong đó được quan tâm nhất là cá nuôi bè, nuôi hầm và nguồn đánh bắt từ sông rạch vào mùa nước nổi. Sản lượng cá tăng tương đối ổn định, bình quân mỗi năm tăng 2.582,5 tấn.

*d) Thu chi ngân sách:* Công tác thu chi ngân sách luôn được cân đối dư. Công tác thu đạt nhiều kết quả tích cực nhờ thực hiện các biện pháp cải tiến thu, quản lý nguồn thu hiệu quả, tăng cường chống thất thu. Công tác chi được điều hành chặt chẽ, hợp lý, tiết kiệm, bảo đảm ổn định chi thường xuyên và chi phát triển.

Thu ngân sách hàng năm tăng bình quân 10,85%; chi ngân sách tăng bình quân năm 10,37%, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản tăng bình quân 21,93%/năm, đảm bảo cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng nhu cầu phát triển.

### **3. Thực trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật**

#### *a) Giao thông:*

Mạng lưới giao thông của huyện An Phú bao gồm: Giao thông đường bộ và đường thủy, kết nối với toàn bộ các xã và thị trấn trên địa bàn.

- Đường bộ: Giao thông đường bộ của huyện được phân bố đồng đều với hai trục chính là quốc lộ 91C (dài 35,5 km) và tỉnh lộ 957 (dài 32,5 km), cùng với 200,35 km đường huyện, đường nội thị, đường xã đóng vai trò kết nối giao thương hàng hóa và đáp ứng yêu cầu đi lại của người dân.

Các tuyến đường được xây dựng theo cấp đường theo quy hoạch, riêng quốc lộ và đường tỉnh được nâng cấp có mặt đường 7m, nền đường 9m, độ cao vượt lũ đảm bảo giao thông thuận tiện quanh năm; đây là những tuyến đường còn đảm bảo chức năng là đê bao chắn lũ.

- Đường thủy: Huyện An Phú có các tuyến giao thông đường thủy quan trọng như: Sông Hậu, nhánh sông Hậu, sông Bình Di, sông Châu Đốc phục vụ cho nhu cầu vận chuyển hàng hóa trong huyện với khu vực bên ngoài. Bên cạnh đó, có bốn

xe khách tọa lạc ở thị trấn Long Bình, đạt tiêu chuẩn bến loại IV, 33 bến đò ngang sông với quy mô vừa và nhỏ.

Mạng lưới giao thông đường thủy tương đối thuận lợi qua sông Hậu, sông Bình Di, sông Châu Đốc. Về mùa nước nổi các phương tiện thủy tải trọng từ 3.000 tấn trở xuống đi qua khá dễ dàng. Còn mùa khô phương tiện có tải trọng 1.500 tấn có thể đi lại bình thường. Cùng với đó, hệ thống sông Hậu (03 sông kể trên) có chế độ dòng chảy vừa phải phù hợp với nhiều phương tiện vận tải khác nhau.

*b) Thủy lợi:*

- Trên địa bàn huyện có 118 tuyến kênh (từ cấp II trở xuống). Trong đó, kênh cấp II: Có 8 tuyến, dài 34 km, năng lực phục vụ 4.459 ha; kênh cấp III: Có 36 tuyến, dài 96 km, năng lực phục vụ 2.237 ha; kênh nội đồng: Có 74 tuyến, dài 111 km, năng lực phục vụ 3.765 ha. Trong thời gian qua huyện tiến hành nâng cấp trên chục nghìn mét đê bao, kiên cố hóa trên 80km kênh cấp II và kênh cấp III, trên 66 km kênh nội đồng. Toàn huyện có 96 trạm bơm điện với 157 máy bơm điện và trên 3.800 máy bơm các loại. Số lượng cống trên địa bàn huyện hiện có khoảng trên 200 cái, cơ bản đáp ứng tốt cho nhu cầu về chống lũ, tưới tiêu, phục vụ giao thông thủy bộ.

*c) Cấp điện:* Hệ thống lưới điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật ngành điện, huyện đã thực hiện chương trình điện khí hóa nông thôn, hiện tại có 14/14 xã, thị trấn có điện lưới quốc gia và 58/58 ấp có điện. Đến năm 2020 tỷ lệ hộ sử dụng điện hộ đạt 99,91% so với tổng số hộ trên toàn huyện.

*d) Cấp nước:* Trong những năm qua huyện đã đầu tư xây dựng và cải tạo nhiều công trình cấp nước, nâng tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 88,05%. Các hộ ở trung tâm xã, thị trấn, các khu dân cư tập trung và ven trục giao thông chính đã được sử dụng nước sạch; tuy vậy, các hộ không ở ven trục giao thông chính sử dụng nguồn nước từ kênh mương, nước mưa hoặc nước ngầm chưa đảm bảo về chất lượng nước sinh hoạt, khả năng cung cấp nước sạch sinh hoạt trong thời gian tới cần đầu tư thêm một số tuyến.

*e) Thoát nước:* Chủ yếu ở các chợ, khu vực đô thị trung tâm huyện và một số khu vực dân cư nông thôn tập trung đã được đầu tư hệ thống thoát nước mưa. Tuy nhiên, hệ thống thoát nước chưa hoàn chỉnh và đầy đủ, do đó dẫn đến hiện tượng chảy tràn, ngập úng, sinh lây cục bộ vào mùa mưa.

*f) Bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình:*

- Hạ tầng bưu chính, viễn thông được đầu tư xây dựng hiện đại với mạng lưới rộng khắp, phát triển dịch vụ nhanh chóng, tiện lợi và đa dạng. Hiện nay, trên địa bàn huyện, hầu hết các xã đều có điểm phục vụ bưu chính viễn thông, mạng lưới dịch vụ bưu chính viễn thông cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu thông tin liên lạc trong nước và quốc tế.

- Hệ thống phát thanh truyền hình đã được quan tâm đầu tư phát triển. Huyện An Phú hiện đã có Đài phát thanh truyền hình riêng để phục vụ cho người dân. Về truyền thanh cơ sở, đã có 14 đài xã, thị trấn cơ bản đã hoàn thiện cơ sở vật chất, thực hiện tốt chức năng tuyên truyền tại địa phương.

#### **4. Thực trạng phát triển văn hóa, xã hội**

##### *a) Giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp*

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực cả về chất và lượng; chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao. Hiện nay toàn huyện có 64 trường, trong đó có 16 trường mầm non và mẫu giáo (02 trường tư thục), 32 trường tiểu học, 12 trường THCS, 02 trường THPT, 02 Trường THCS-THPT. Cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng được củng cố và theo hướng chuẩn hóa, đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh. Đội ngũ giáo viên có chất lượng ngày càng tăng, đảm bảo số lượng giáo viên trên học sinh theo từng cấp học.

Công tác phổ cập giáo dục được quan tâm trong chỉ đạo thực hiện. Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi ngày càng tăng vượt chỉ tiêu đề ra, mẫu giáo 5 tuổi đạt 99,65%, tiểu học 83,20%, trung học cơ sở 84,46%.

Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, số học sinh khá giỏi ngày càng tăng, số học sinh yếu kém giảm dần. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông được củng cố và phát triển theo từng năm. Tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng và trung cấp ngày càng tăng. Các hoạt động phong trào được duy trì và phát triển ngày đa dạng góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh.

##### *b) Phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe*

Toàn huyện có 1 bệnh viện ở thị trấn An Phú, 1 phòng khám khu vực ở xã Quốc Thái và 14 trạm y tế xã, thị trấn. Tổng số giường bệnh có 320 giường. Toàn huyện có 335 cán bộ y tế. Trong đó cán bộ y tế có trình độ bác sỹ, cử nhân điều dưỡng là 89 người, y sỹ, dược sỹ trung cấp 176 người, còn lại là y tá, hộ sinh, dược sỹ.

Mạng lưới y tế cơ sở được điều chỉnh, sắp xếp từng bước phù hợp về quy mô, đều khắp các địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân khám chữa bệnh tại địa phương, hạn chế khám chữa bệnh vượt tuyến, góp phần duy trì công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân ngày một tốt hơn. Các chương trình y tế quốc gia và chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em được thực hiện tốt, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng ngày càng giảm dần, đến năm 2020 còn 10%. Công tác phòng chống dịch bệnh luôn được quan tâm của các cấp, các ngành và được sự hưởng ứng của Nhân dân nên tình hình dịch bệnh được khống chế có hiệu quả.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2020 là 91,8%. Người nghèo, người cao tuổi và trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế. Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế ngày càng được quan tâm. Các hoạt động xã hội từ thiện được các tổ chức và cá nhân tích cực hưởng ứng.

##### *c) Văn hoá, thể dục thể thao*

Cơ sở vật chất phục vụ phát triển văn hóa được quan tâm, đến nay trên địa bàn huyện có 9 nhà văn hóa và 18 thư viện; hàng năm tổ chức 220 buổi sinh hoạt văn hóa và học tập; bổ sung trên 540 sách mới hàng năm, phục vụ trên 10 nghìn lượt người đọc. Hoạt động văn hóa chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện tốt việc tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách Đảng, Nhà nước. Các hoạt động văn học, nghệ thuật đã phát triển sâu rộng và bám sát cuộc sống, đáp ứng đầy đủ nhu cầu giải trí, hưởng thụ văn hóa của Nhân dân.

Triển khai thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể và toàn xã hội về phong trào tập luyện TDTT được nâng lên. Các cấp ủy, chính quyền đã có sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo phong trào toàn diện và thường xuyên hơn, đưa nội dung công tác phát triển TDTT vào chương trình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, tăng cường đầu tư ngân sách; xây dựng các thiết chế TDTT, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xã hội hoá các hoạt động TDTT; tạo không khí mới, thu hút đông đảo mọi tầng lớp Nhân dân tự nguyện tham gia hoạt động TDTT.

Để phong trào luyện tập TDTT phát triển toàn diện, đạt hiệu quả, công tác xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật TDTT trên địa bàn huyện đã được đầu tư nâng cấp và xây dựng mới, hiện nay, toàn huyện có 21 sân bóng đá, 37 sân bóng chuyền, 31 sân cầu lông, 6 sân quần vợt, 4 phòng thể dục thẩm mỹ. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội, đời sống Nhân dân huyện An Phú, tinh thần, trong đó có thể dục thể thao ngày càng được nâng cao. Số người tham gia luyện tập thể dục thể thao không còn giới hạn ở thành thị mà đã mở rộng đến nông thôn. Hiện toàn huyện có số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 47,09%, và số Câu lạc bộ thể dục thể thao, đội TDTT cơ sở trên địa bàn huyện đạt tới con số gần 200. Đây là con số ấn tượng đối với một huyện biên giới như An Phú. Kết quả trên cũng phần nào thể hiện sự nỗ lực không nhỏ của các cấp chính quyền cũng như người dân nơi đây đối với công tác phát triển Thể dục thể thao theo yêu cầu, nhiệm vụ mà Chiến lược phát triển Thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020 đã đặt ra. Công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa và dịch vụ văn hóa được tăng cường; các thiết chế văn hóa tiếp tục được củng cố, hoàn thiện; chuyên môn hướng tới thành tích cao cũng được quan tâm, đến nay đã có trên 10 huấn luyện viên TDTT có trình độ đại học được trọng dụng.

#### *d) An ninh, quốc phòng*

Là huyện biên giới vì vậy, thời gian qua, cả hệ thống chính trị từ huyện đến các xã, thị trấn đều đặc biệt quan tâm đến phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh, từng bước bổ sung và hoàn chỉnh đề án xây dựng khu vực phòng thủ huyện.

Công tác phối hợp giữa 2 lực lượng công an - quân sự với các ngành chức năng tiếp tục được duy trì, góp phần thực hiện tốt công tác nắm tình hình, quản lý địa bàn, đối tượng, tập trung công tác tấn công trấn áp các loại tội phạm; phối hợp giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ các sự kiện và các ngày lễ lớn; quán triệt và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng khu vực phòng thủ.

Công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh được chú trọng. Lực lượng vũ trang địa phương được tổ chức vững mạnh, toàn diện và đi vào chiều sâu, là động lực để xây dựng và nâng cao chất lượng tổng hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác tuyển chọn thanh niên nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Tổ chức thành công các hoạt động diễn tập chiến đấu trị an và phòng chống lụt bão các địa phương.

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn trong những năm qua tiếp tục được giữ vững ổn định. Chủ động nắm chắc tình hình và đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, bọn phản động và các loại tội phạm, đảm bảo tốt các sự kiện chính trị, các ngày lễ, tết, không để xảy ra tình huống xấu, bị động, bất ngờ; phạm pháp hình sự, trật tự an toàn giao thông được kiểm chế. Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc từng bước chuyển biến tích cực.

*e) Môi trường và biến đổi khí hậu*

Hiện huyện có 03 trung tâm chính là thị trấn An Phú, thị trấn Long Bình và đô thị Đa Phước với mức phát triển vừa và nhỏ do đó mức độ tác động về môi trường không đáng kể lên các mặt như: Xây dựng, nguồn nước, tiếng ồn, chất thải rắn, .... Với đặc thù dân cư sống cặp các tuyến giao thông và các sông, kênh rạch; sản xuất ngành nông nghiệp bao phủ hầu hết địa bàn, do đó việc chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản khá phổ biến. Đồng thời, chất thải rắn sinh hoạt chưa qua xử lý cũng làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường sống.

Môi trường tại khu vực sản xuất cụm công nghiệp tập trung gây ảnh hưởng không khí, khói bụi, nguồn nước, tiếng ồn có chiều hướng ngày càng tăng điển hình sản xuất gạch ngói ở cụm công nghiệp thuộc thị trấn An Phú.

Trước đây việc xây dựng đê bao bảo vệ sản xuất nông nghiệp là một giải pháp quan trọng đối với đặc thù mùa nước nổi của tỉnh An Giang. Qua nhiều năm khảo sát, quan trắc đã cho những kết quả không khả quan về chất lượng môi trường. Chất lượng đất suy giảm dẫn đến năng suất cây trồng suy giảm nhưng chi phí sản xuất tăng cao. Bên cạnh đó, nền đất An Phú còn yếu, rất dễ bị xâm thực và bào mòn nhanh bởi sự tác động của dòng nước, biên độ chênh lệch của đỉnh triều và nhiều dòng sông giao nhau tạo ra dòng nước xoáy là nguyên nhân dẫn đến sạt lở đất ven sông.

Nguồn nước hiện nay dần cạn kiệt do biến đổi khí hậu và việc ngăn các đập ở thượng nguồn sông Mê Kông. Bên cạnh làm mất đi mùa nước nổi hàng năm cho người dân thì việc bồi đắp phù sa, tháo chua, rửa phèn, diệt dịch bệnh không còn nữa; chính yếu tố này đã tác động to lớn đến sản xuất nông nghiệp. Diện tích đất nông nghiệp dần bị thoái hóa, sử dụng nhiều phân, thuốc bảo vệ thực vật làm chi phí sản xuất nhiều hơn tạo nên gánh nặng lớn cho người dân. Những tác động do biến đổi khí hậu nêu trên sẽ ảnh hưởng đến nơi cư trú và sức khỏe con người, đến phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, việc ảnh hưởng của triều cường dẫn tới xâm nhập mặn không xảy ra, nên vẫn là điều kiện tốt để phát triển nông nghiệp.

*f) Đánh giá thuận lợi, khó khăn*

- Thuận lợi:

Huyện An Phú có vị trí địa lý thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt là lĩnh vực giao thương hàng hóa do tiếp giáp với Vương quốc Campuchia, thành phố Châu Đốc và thị xã Tân Châu với sự phát triển kinh tế biên mậu; bên cạnh đó các tuyến đường thủy (sông Hậu, sông Châu Đốc, sông Bình Di), đường bộ (quốc lộ 91C, tỉnh lộ 957), cửa khẩu nằm ở vị trí tốt có ý nghĩa thúc đẩy nền kinh tế huyện phát triển.

Huyện An Phú nằm ở thượng nguồn sông Mê Kông thuộc tỉnh An Giang và trong khu vực khí hậu nhiệt đới, địa hình tương đối bằng phẳng, phần lớn đất đai là đất phù sa được bồi đắp hàng năm, thích hợp cho phát triển sản xuất nông nghiệp và phù hợp với nhiều loại cây trồng, từ trồng các loại cây lương thực năng suất, chất lượng cao đến khai thác và nuôi trồng thủy sản, phục vụ xuất khẩu.

Tình hình kinh tế - xã hội của huyện trong những năm qua tiếp tục phát triển, thu nhập bình quân đầu người tăng theo từng năm, kết cấu hạ tầng như giao thông, thủy lợi, điện, nước, ... được đầu tư quan tâm xây dựng, các mặt văn hóa - xã hội đều có bước phát triển, đời sống Nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng lên.

Nguồn lao động trẻ và dồi dào, đặc biệt ở khu vực nông thôn. Đây sẽ là lực lượng lao động cần thiết của huyện trong giai đoạn tăng tốc thực hiện công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

- Khó khăn:

Địa hình bị chia cắt bởi sông Hậu và nhánh sông Hậu và các kênh nên việc đầu tư cho giao thông bộ nối liền giữa các xã với nhau gặp nhiều khó khăn. Đầu tư hạ tầng chưa đồng bộ, nhất là về cầu, đường giao thông, hệ thống điện, nước, hạ tầng cụm tuyến dân cư làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, người dân và công tác mời gọi đầu tư.

Chịu tác động của quá trình biến đổi khí hậu với những hiện tượng thời tiết bất thường, ảnh hưởng lớn đến sản xuất, sinh hoạt của Nhân dân.

Kinh tế có bước phát triển nhưng chưa bền vững, mức chênh lệch giàu nghèo còn khá lớn, cơ cấu kinh tế phát triển chưa đồng đều ở các lĩnh vực, chưa tương xứng với tiềm năng của huyện. Nền kinh tế của huyện vẫn phụ thuộc vào nông nghiệp, dễ bị tác động bởi cơ chế thị trường. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm; kinh tế nông nghiệp, nông thôn còn manh tính tự phát, sản xuất chưa hoàn toàn theo đúng quy hoạch, chưa đảm bảo tính bền vững.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, số lao động có kỹ thuật đang làm việc về năng lực trình độ chuyên môn không theo kịp yêu cầu phát triển, khả năng cạnh tranh thấp.

## **B. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ ĐA PHƯỚC**

### **I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ VAI TRÒ CỦA XÃ ĐA PHƯỚC, HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

#### **1. Lịch sử hình thành**

Lịch sử xã Đa Phước gắn liền với lịch sử huyện An Phú và tỉnh An Giang. Vào năm 1832, khi tỉnh An Giang ra đời đất An Phú thuộc về tổng Châu Phú, huyện Tây Xuyên, phủ Tuy Biên - một trong hai phủ của tỉnh An Giang lúc bấy giờ. Cũng trong năm này, Đình Đa Phước được khởi công xây dựng bằng vật liệu đơn sơ.

Tháng 9 năm 1841, vì thấy việc binh bị tổn kém, vua Thiệu Trị sai bỏ Trấn Tây thành, rút binh về An Giang. Nhiều người Chăm ở Chân Lạp đã đi theo khâm sai đại thần Lê Văn Đức, Phó khâm sai Doãn Uẩn cùng Trấn Tây đại tướng quân



Trương Minh Giảng từ Trấn Tây Thành rút về Châu Đốc. Đa số người Chăm là binh lính, thân binh, cận vệ của nhà Nguyễn. Họ theo đoàn quân người Việt cư trú dọc đầu nguồn sông Hậu thuộc tỉnh An Giang từ đó đến bây giờ.

Bản đồ Nam Kỳ năm 1878. Có thể thấy rõ địa danh một số làng ở An Phú như Đa Phước, Lý Nhơn (nay là Prek Chrey), Bắc Nam (nay là Prek Chrey), Benghi (Bình Di), Khánh Hội, Khánh Bình, Vĩnh Hội. Đến năm 1890, trên bản đồ tỉnh Châu Đốc, các làng xã ở An Phú đã được định danh rõ ràng như: Đa Phước, Hà Bao, La Ma, Sa Bâu, Vĩnh Hội, Phú Hội, Phú Hữu,..

Ngày 06 tháng 8 năm 1957, chính quyền Việt Nam Cộng hòa tách một phần phía Bắc quận Châu Phú để thành lập quận An Phú thuộc tỉnh An Giang, bao gồm tổng An Phú với 9 xã và 4 xã của tổng Châu Phú. Quận An Phú gồm 2 tổng, 13 xã là: Đa Phước, Nhơn Hội, Phú Hữu, Khánh An, Khánh Bình, Phước Hưng, Phú Hội, Phũm Soài, Vĩnh Hội Đông, Vĩnh Lộc thuộc tổng An Phú; Vĩnh Hậu, Vĩnh Phong, Vĩnh Trường thuộc tổng Châu Phú. Quận lỵ đặt tại xã Phước Hưng.

Ngày 08 tháng 9 năm 1964, chính quyền Việt Nam Cộng hòa quyết định tái lập tỉnh Châu Đốc. Quận An Phú thuộc về tỉnh Châu Đốc, gồm 11 xã là: Đa Phước, Khánh An, Khánh Bình, Nhơn Hội, Phước Hưng, Vĩnh Hội Đông, Phú Hội, Vĩnh Trường, Vĩnh Hậu, Vĩnh Lộc và Phú Hữu. Địa giới này tồn tại đến năm 1975.

Ngày 12 tháng 01 năm 1984, Quyết định 8-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng: Thành lập xã Lê Chánh trên cơ sở tách ấp Vĩnh Thạnh của xã Châu Phong và ấp Phú Hữu của xã Phú Vĩnh. Thành lập xã Quốc Thái trên cơ sở tách ấp 4 của xã Nhơn Hội, ấp 1 của xã Phước Hưng và các cồn Bắc, cồn Nam, cồn Liệt sĩ của xã Phú Hữu. Thành lập thị trấn An Phú trên cơ sở tách ấp Phước Thạnh của xã Đa Phước và một phần ấp 4 của xã Phước Hưng. Sáp nhập một phần ấp 1 của xã Vĩnh Lộc vào xã Phú Hữu cùng huyện. Địa giới xã Đa Phước tồn tại đến nay.

Ngày 13-11-1991, Quyết định số 373-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng chia huyện Phú Châu thành hai huyện An Phú và Tân Châu. Huyện An Phú có thị trấn An Phú và 12 xã: Đa Phước, Khánh An, Khánh Bình, Nhơn Hội, Phú Hội, Phú Hữu, Phước Hưng, Quốc Thái, Vĩnh Hậu, Vĩnh Hội Đông, Vĩnh Lộc, Vĩnh Trường.

Trong quá khứ cũng như hiện tại, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã Đa Phước, chính quyền và các tầng lớp Nhân dân đã tiến hành công cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc giành thắng lợi trọn vẹn, cùng với cả nước phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân, bảo vệ vững các thành quả cách mạng của Việt Nam.

## **2. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên**

### **2.1. Vị trí địa lý:**

Xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang có vị trí địa lý nằm ở phía Tây của huyện An Phú, tỉnh An Giang:

- Phía Đông giáp xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.
- Phía Tây giáp phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.
- Phía Tây nam giáp phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Phía Tây bắc giáp xã Vĩnh Hội Đông và thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Phía Nam giáp phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Phía Bắc giáp xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

## **2.2. Điều kiện tự nhiên:**

### *a) Địa hình và địa chất:*

Hiện trạng nền: Xã Đa Phước có địa hình khá bằng phẳng, đất xây dựng chủ yếu tập trung dọc theo Quốc lộ 91C và đường tỉnh 957. Cao độ nền từ 3,5–5,2 m, đối với khu dân cư quy hoạch mới độ cao nền  $\geq 5,1$ m.

Địa chất của xã mang nét đặc trưng chung của vùng Đồng bằng sông Cửu Long với cường độ chịu tải nền khoảng 0,2 - 0,4 kg/cm<sup>2</sup>; vì vậy, khi xây dựng công trình phải có biện pháp gia cố nền móng. Mực nước ngầm xuất hiện ổn định từ độ sâu 1,2 - 1,5m so với mặt đất tự nhiên.

### *b) Khí hậu:*

Khí hậu ở xã Đa Phước là khí hậu đặc trưng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long với chế độ nhiệt đới gió mùa, có hai mùa rõ rệt: Mùa mưa và mùa khô, với nền nhiệt cao và ổn định, lượng mưa nhiều và phân bố theo mùa.

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình hàng năm vào khoảng 27,7<sup>0</sup>C. Biên độ nhiệt giữa các tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất không cao (khoảng 3 - 4<sup>0</sup>C), tổng tích ôn lớn, đây là một điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Năng: Xã Đa Phước nằm trong vùng giàu ánh sáng với tổng số giờ nắng bình quân hàng năm tương đối cao, khoảng 2.464 giờ/năm.

- Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình năm không cao, đạt 1.415mm. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 12, với lượng mưa chiếm khoảng 94% lượng mưa cả năm. Mùa khô kéo dài từ tháng 1 đến tháng 4 với lượng mưa chiếm khoảng 6% lượng mưa của cả năm.

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm không khí thay đổi theo mùa, độ ẩm bình quân trong khu vực là 80,96%, tháng thấp nhất bình quân 76%, tháng cao nhất bình quân 85%.

- Mực nước thấp nhất và cao nhất: Theo số liệu tại Trạm quan trắc Châu Đốc, mực nước cao nhất trên sông Hậu đạt 3,72m, thấp nhất -0,45m.

### *c) Tài nguyên nước:*

- Nguồn nước mặt: Xã Đa Phước có sông Châu Đốc và sông Hậu bao bọc phía Đông, phía Tây và phía Nam. Chất lượng nguồn nước mặt tương đối tốt, ít ô nhiễm, phục vụ tốt cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

- Nguồn nước ngầm: Trên địa bàn xã có nguồn nước ngầm tương đối dồi dào, đến nay việc quản lý nguồn nước ngầm đảm bảo, đa số các hộ sử dụng nước sạch từ nguồn cấp nước tập trung.

### *d) Tài nguyên đất:*

Phần lớn diện tích canh tác trên địa bàn là đất phù sa được bồi hàng năm, có

độ phì nhiêu và hàm lượng chất dinh dưỡng cao, thích hợp với nhiều loại cây trồng, cây lúa cũng như cây ăn quả...

*e) Tài nguyên khoáng sản:*

Theo các tài liệu thăm dò địa chất, khoáng sản của xã Đa Phước chủ yếu là sét gạch ngói (quy mô 83ha, trữ lượng dự báo 1,66 triệu m<sup>3</sup>).

*f) Tài nguyên thủy sản:* Địa bàn xã tiếp giáp với Châu Đốc và sông Hậu ở 3 mặt và nên nguồn lợi thủy sản khá đa dạng và phong phú, đặc biệt trong mùa lũ.

*g) Tài nguyên nhân văn:*

Về dân tộc và tín ngưỡng: Xã Đa Phước là một trong địa phương có nhiều người dân tộc Chăm sinh sống, 100% theo đạo Hồi, họ đã định cư ở đây từ lâu đời, có lịch sử trên 120 năm, nhưng vẫn giữ được các nét đặc trưng của dân tộc và tôn giáo, nhiều du khách chọn Làng Chăm Đa Phước là nơi dừng chân để khám phá các công trình kiến trúc và tín ngưỡng tiêu biểu của người theo đạo Hồi ở Việt Nam. Ngoài ra, trên địa bàn xã có nhiều công trình kiến trúc tín ngưỡng như Đình, Chùa cổ, thu hút hàng nghìn du khách đến tham quan mỗi năm.

## **II. HIỆN TRẠNG VỀ ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ CỦA TỈNH AN GIANG, HUYỆN AN PHÚ VÀ XÃ ĐA PHƯỚC**

### **1. Diện tích, dân số, mật độ dân số tỉnh An Giang, huyện An Phú và xã Đa Phước:**

**a) Tỉnh An Giang**

- Theo số liệu của Cục Thống kê An Giang năm 2020:

Diện tích tự nhiên của tỉnh An Giang là 3.536,7 km<sup>2</sup>, dân số trung bình 1.904,53 nghìn người, mật độ dân số 539 người/km<sup>2</sup>.

**b) Huyện An Phú**

Diện tích tự nhiên của huyện An Phú 226,17 km<sup>2</sup>, dân số trung bình 148.218 người, mật độ dân số 655 người/km<sup>2</sup>.

**c) Xã Đa Phước**

- Theo số liệu thống kê của Chi cục Thống kê huyện An Phú, năm 2020

Diện tích tự nhiên của xã Đa Phước là 15,76 km<sup>2</sup>, dân số trung bình 16.610 người, mật độ dân số 1.054 người/km<sup>2</sup>.

### **2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất xã Đa Phước**

Xã Đa Phước có tổng diện tích tự nhiên 15,76 km<sup>2</sup>, trong đó:

- Đất nông nghiệp 11,71km<sup>2</sup>, chiếm trên 74,27% diện tích tự nhiên; gồm: Đất sản xuất nông nghiệp: 11,40 km<sup>2</sup>, chiếm 72,30% diện tích tự nhiên và đất nuôi trồng thủy sản: 0,31 km<sup>2</sup>, chiếm 1,97% diện tích tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp 4,06km<sup>2</sup>, chiếm 25,73 % diện tích tự nhiên; gồm: Đất ở 1,37km<sup>2</sup>; đất chuyên dùng 1,05km<sup>2</sup>; đất cơ sở tôn giáo 0,02km<sup>2</sup>; đất cơ sở tín ngưỡng 0,01 km<sup>2</sup>; đất nghĩa trang, nghĩa địa 0,05 km<sup>2</sup>; đất sông, ngòi, kênh, rạch 1,56km<sup>2</sup>.

### **3. Dân số, lao động và thành phần dân cư xã Đa Phước**

#### *a) Dân số, mật độ dân số*

- Năm 2020, dân số trung bình của xã Đa Phước là 16.610 người, 4.727 hộ; trong đó có khoảng 3.500 người khách tham quan, du lịch, liên hệ công việc, lưu trú đến địa bàn xã được tính qui đổi theo qui định. Mật độ dân số: 1.054 người/km<sup>2</sup>.

Dân số phân bố ở 04 ấp:

Ấp Hà Bao 1: 1.332 hộ, 4.833 người;

Ấp Hà Bao 2: 1.227 hộ, 4.367 người;

Ấp Phước Thọ: 1.108 hộ, 3.755 người;

Ấp Phước Quản: 1.080 hộ, 3.655 người.

- Thành phần dân tộc:

Dân tộc Chăm: 360 hộ; 1.591 người, chiếm 9,58% tổng số dân;

Dân tộc Khơ-Me: 25 hộ; 91 người, chiếm 0,55% tổng số dân;

Dân tộc Kinh: 4.342 hộ; 14.928 người. chiếm 89,87% tổng số dân.

- Thành phần tôn giáo:

100% người dân tộc Chăm theo đạo Hồi;

100% người dân tộc Khơ-Me theo đạo Phật;

Đa số người cao tuổi dân tộc Kinh là tín đồ chính thức và chưa chính thức của đạo Phật.

#### *b) Lao động*

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: 65,50%.

Dân số trong độ tuổi lao động của xã 9.997 người, trong đó số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 9.802 người, với số lao động đang làm việc trong các ngành phi nông nghiệp (thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng) là 6.420 người, chiếm 65,50% tổng số lao động đang làm việc.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm của xã luôn được các cấp chính quyền địa phương quan tâm, bình quân hàng năm đào tạo nghề cho 150 lao động và giải quyết việc làm cho hơn 200 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 là 65,4%. Hầu hết lao động sau khi học nghề tự kiếm việc làm, với tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề ở lĩnh vực nông nghiệp có việc làm trên 90%, còn ở lĩnh vực phi nông nghiệp có việc làm trên 82%, đây là những lao động có thu nhập ổn định.

### **III. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ ĐA PHƯỚC**

#### **1. Hiện trạng xây dựng, phát triển hạ tầng, chỉnh trang phát triển đô thị**

Chỉnh trang và phát triển đô thị là chủ trương đúng đắn, được thực hiện nhất quán và xuyên suốt trong thời gian qua, đây là một bước phát triển mới, từ quá trình tổng kết thực tiễn, có kế thừa kinh nghiệm và kết quả thực hiện của các giai đoạn trước đây của các đô thị trên địa bàn; từ sự lãnh đạo kiên quyết của các cấp ủy Đảng

đến giải pháp tổ chức thực hiện đồng bộ và quyết liệt của chính quyền; sự kiên trì tuyên truyền, vận động của UB Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đặc biệt là sự đồng thuận của Nhân dân. Chính vì vậy, chỉnh trang và phát triển đô thị là cần thiết, thể hiện sự tiếp nối không mệt mỏi, sự kiên trì và quyết tâm chính trị về chăm lo cuộc sống Nhân dân. Trong thời gian qua các cấp đã quan tâm đến quy hoạch và quản lý quy hoạch, xây dựng cơ chế thu hút nguồn lực đầu tư, nhằm huy động mọi nguồn lực, các thành phần kinh tế cùng tham gia. Song song với việc thực hiện quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới tiến tới nông thôn mới nâng cao là tiến hành quy hoạch chi tiết khu đô thị, khu dân cư mới. Thực hiện quy hoạch theo hướng tăng chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, nhằm tăng giá trị sử dụng đất. Tăng cường hợp tác với các đô thị xung quanh trong việc nâng cao năng lực quản lý, thu hút các nguồn lực trong việc đầu tư phát triển hạ tầng đô thị.

Thực tiễn quá trình chỉnh trang và phát triển đô thị đã nhìn nhận một cách cơ bản nhu cầu chỉnh trang đô thị là một phần của quá trình phát triển đô thị, là cơ sở để phát triển đô thị theo đúng định hướng phát triển đô thị của tỉnh An Giang và huyện An Phú. Qua đó, tổ chức lại cuộc sống của Nhân dân, cải thiện điều kiện sống, tăng mức độ tiếp cận của Nhân dân với các dịch vụ công; tăng diện tích mảng xanh và cây xanh, tạo môi trường sống tốt hơn, hợp lý, hài hòa với không gian kiến trúc, cảnh quan xung quanh; phù hợp với sự phát triển chung của đô thị.

Từ khi được lập Đề án công nhận là đô thị loại V đến nay (năm 2016), các công trình trọng điểm đã và đang được thi công, hoàn thiện và đưa vào sử dụng thúc đẩy giao thương, liên kết vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, mang lại diện mạo đô thị khang trang, hiện đại, nâng cao đời sống người dân. Các công trình giai đoạn 2017-2020: Nâng cấp 2,7km đường nối Quốc lộ 91C với đường tỉnh 957, Nâng cấp nhà máy nước, Hồ sinh học xử lý nước thải khu dân cư ấp Hà Bao 1, Hồ sinh học xử lý nước thải khu dân cư ấp Phước Quán, phân hiệu Trường THCS Đa Phước, Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng xã Đa Phước, Trạm y tế xã Đa Phước, Trường Mẫu giáo xã Đa Phước, Trường Tiểu học A Đa Phước, Trường Tiểu học B Đa Phước, Trường Tiểu học C Đa Phước, Văn phòng ấp Hà Bao 1, Văn phòng ấp Phước Quán, Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã...

Với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đang từng bước được nâng cấp, cải tạo mang lại cho Khu đô thị Đa Phước bộ mặt đô thị ngày một khang trang hơn, nhà ở từng bước được người dân xây dựng kiên cố đảm bảo công năng và cảnh quan đô thị, các công trình hạ tầng dịch vụ - thương mại, công nghiệp, nông nghiệp được Nhà nước và Nhân dân tích cực đầu tư đã nâng cao các yếu tố tổng hợp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đến nay, đa số các tiêu chuẩn đánh giá đô thị được nâng cao, như: Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp; các tiêu chuẩn về công trình công cộng; các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện và chiếu sáng công cộng, cấp nước sạch,...), các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường (thoát nước mưa và chống ngập úng, thu gom và xử lý chất thải, nước thải); các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị.

## **2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng**

### **2.1. Tình hình phát triển kinh tế**

### a) Vị trí địa lý kinh tế

Khu đô thị Đa Phước nằm ở phía Tây tỉnh An Giang, theo Quy hoạch vùng tỉnh An Giang đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định Đa Phước nằm trong tiểu vùng phát triển kinh tế phía Tây tỉnh An Giang với động lực phát triển của tiểu vùng là phát triển đô thị, chế biến nông sản và phát triển du lịch tâm linh, du lịch sinh thái cộng đồng và tham quan di tích lịch sử, đây là điều kiện thuận lợi để Đa Phước đẩy mạnh phát triển kinh tế.

Khu đô thị Đa Phước nằm trên trục Long Xuyên - Châu Đốc - Cửa khẩu chính Khánh Bình, Vĩnh Hội Đông và cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên với cửa ngõ ra vào bằng hệ thống đường bộ như Quốc lộ 91C, đường tỉnh 957 và hệ thống đường thủy như sông Hậu, sông Châu Đốc, kênh Vĩnh Tế là điều kiện để giao thương với thị trường trong khu vực; qua đó, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội địa phương.

### b) Hiện trạng phát triển kinh tế

Những năm qua, được sự hỗ trợ trung ương, tỉnh, huyện cùng với sự nỗ lực của chính quyền địa phương, Đa Phước đã tập trung được nhiều nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng. Năm 2018 xã đã được công nhận đạt chuẩn “Xã nông thôn mới” và công nhận là đô thị loại V, qua trên 2 năm tiếp tục xây dựng Xã nông thôn mới nâng cao cùng với chỉnh trang phát triển đô thị hướng tới được công nhận là thị trấn, kết quả đạt được như sau:

- *Tăng trưởng kinh tế:* Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm theo giá so sánh 2010 của xã giai đoạn 2018-2020 đạt bình quân là 10,36%/năm. Trong đó: Các ngành phi nông nghiệp tăng 12,92%/năm; ngành nông nghiệp - thủy sản tăng 3,29%/năm.

- *Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế:* Cơ cấu kinh tế chuyển biến theo hướng tích cực, có sự dịch chuyển tăng dần tỷ trọng giá trị phi nông nghiệp, giảm dần tỷ trọng giá trị ngành nông nghiệp. Năm 2020, tổng sản phẩm các ngành phi nông nghiệp theo giá hiện hành chiếm 72,52%, nông nghiệp chiếm 27,48% trong cơ cấu kinh tế. Đây là sự dịch chuyển hoàn toàn phù hợp nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của trung tâm tiểu vùng. Đến năm 2020, tổng sản phẩm theo giá hiện hành của xã là 996,6 tỷ đồng; trong đó ngành nông nghiệp, thủy sản: 273,9 tỷ đồng và các ngành phi nông nghiệp 722,7 tỷ đồng.

- Kinh tế tăng trưởng, do vậy thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh, lần lượt qua các năm 2018, 2019, 2020 là 50,88 triệu đồng, 55,61 triệu đồng và 60 triệu đồng (năm 2020 thu nhập bình quân đầu người bằng 0,94 lần thu nhập bình quân đầu người cả nước 60/63,61 triệu đồng).

#### - *Thu, chi ngân sách:*

Công tác quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã thực hiện đúng theo quy định; đảm bảo phạm vi thu, chi và nguyên tắc cân đối ngân sách xã. Trong 3 năm gần đây, thu chi ngân sách cân đối dư, tổng dư 2.148 triệu đồng, bình quân mỗi năm 716 triệu đồng. Năm 2020, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã là 13.345 triệu đồng và tổng chi ngân sách 12.406 triệu đồng. Cân đối dư 939 triệu đồng.

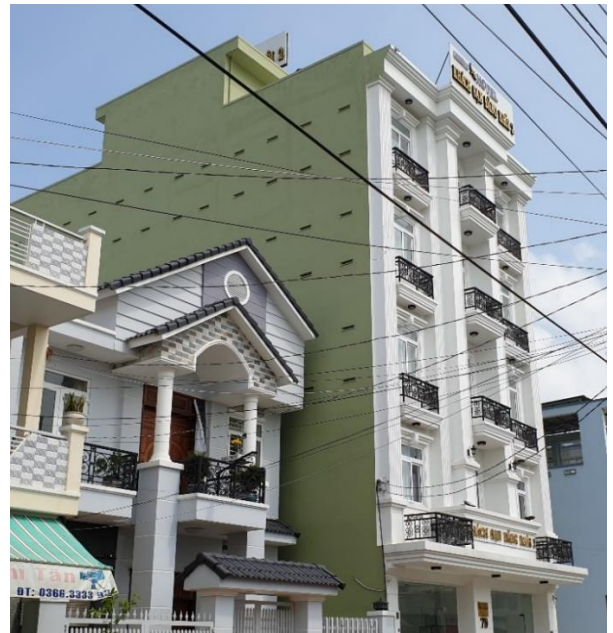
### c) Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

*\* Thương mại - dịch vụ*

Với lợi thế có quốc lộ 91C và đường tỉnh 957, sông Hậu và sông Châu Đốc là những tuyến giao thông kết nối trung tâm kinh tế lớn của tỉnh và của vùng với cửa khẩu Khánh Bình, các bên phà loại vừa kết nối với thị xã Tân Châu đã biến thách thức thành cơ hội, đây cũng là con đường kết nối các điểm du lịch của thành phố Châu Đốc với điểm du lịch trên địa bàn tỉnh. Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn phát triển khá mạnh, đảm bảo lưu thông hàng hóa, vật tư phục vụ sản xuất, xây dựng và tiêu dùng của dân cư trong khu vực. Toàn xã có trên 900 cơ sở kinh doanh lớn nhỏ phát triển rộng khắp địa bàn xã, đáp ứng nhu cầu về mọi mặt: Lưu trú, vật tư, hàng hóa, vật liệu xây dựng và tiêu thụ sản phẩm nông sản, thủy sản cho người dân. Ngoài ra, trên địa bàn còn có Làng Chăm là địa điểm du lịch về tâm linh, văn hóa cũng như khám phá kiến trúc độc đáo của các công trình hoạt động tín ngưỡng người theo đạo Hồi nơi đây.

Trong 02 năm gần đây, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tăng trưởng ngành dịch vụ – thương mại có chậm lại, nhưng vẫn duy trì ở 11,20%/năm, đóng góp vào cơ cấu kinh tế giảm nhẹ, nhưng vẫn đạt 47,92% trong cơ cấu kinh tế vào năm 2020.

Hoạt động thương mại – dịch vụ thu hút khá nhiều lao động tham gia. Đến nay có gần 2.000 hộ có nguồn thu nhập chính từ thương mại – dịch vụ với trên 5.000 lao động.



**Hình 1: Một số công trình dịch vụ tiêu biểu tại xã Đa Phước**

*Hoạt động dịch vụ vận tải:* Dịch vụ vận tải phát triển khá ổn định cả về vận tải đường bộ và đường thủy. Các phương tiện vận tải đường bộ và đường thủy đáp ứng hầu hết nhu cầu vận chuyển hàng hóa, con người; đến nay có 200 phương tiện vận tải, trong đó có 139 phương tiện vận tải đường bộ và 60 phương tiện vận tải đường sông.

Các hoạt động khác: Các loại hình dịch vụ như bưu chính viễn thông, tài chính tín dụng phát triển, đáp ứng được yêu cầu về thông tin liên lạc, về vốn cho nhu cầu phát triển sản xuất các tổ chức kinh tế, Nhân dân.

Công tác quản lý Nhà nước về thương mại, kiểm tra thị trường được tăng cường nhằm hạn chế tình trạng hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng. Người dân đồng tình hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

*\* Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng*

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá và ổn định, với tốc độ tăng trưởng bình quân theo giá so sánh 2010 giai đoạn 2018-2020 là 15,70%. Đến năm 2020, tổng sản phẩm công nghiệp, xây dựng trên địa bàn xã Đa Phước theo giá hiện hành là 245,1 tỷ đồng, chiếm 24,59% cơ cấu kinh tế của xã.

Sản phẩm công nghiệp chủ yếu trên địa bàn là chế biến lương thực, nước máy, nước đá, đóng mới và sửa chữa tàu, thuyền và sản xuất nông cụ cầm tay, chiết nạp ga (khí hóa lỏng). Hoạt động xây dựng của lao động trong xã cơ bản đáp ứng xây dựng nhà cửa, các công trình cơ bản trên địa bàn xã như đường giao thông nông thôn, hệ thống thủy lợi,..

Theo kết quả điều tra nông thôn - nông nghiệp và thủy sản, trên địa bàn xã số hộ có nguồn thu nhập chính từ công nghiệp - xây dựng cơ bản trên 750 hộ, với số lao động trên 1.900 người; có gần 60 cơ sở, doanh nghiệp tư nhân hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp.



**Hình 2: Một số cơ sở công nghiệp**



### \* Nông nghiệp

Những năm qua, hoạt động sản xuất nông nghiệp ở xã Đa Phước, huyện An Phú đạt được nhiều kết quả tốt, cho thấy sự chuyển dịch đúng hướng, tái cơ cấu đi vào trọng tâm, nhận thức của nông dân có nhiều thay đổi, tiến bộ khoa học - công nghệ được áp dụng vào sản xuất. Cùng với đó, các cơ chế, chính sách của Trung ương và tỉnh được triển khai thực hiện tốt, góp phần tái cơ cấu nền nông nghiệp của huyện và xã, tạo tiền đề nâng cao năng suất và chất lượng hàng nông sản địa phương, tăng giá trị nông sản trên đơn vị diện tích đất. Ngoài ra trên địa bàn đã và đang hình thành các tổ chức phù hợp như thúc đẩy phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác và các doanh nghiệp nông nghiệp.

Cùng với đó, địa phương tập trung đầu tư nhằm hoàn chỉnh hạ tầng để phát triển vùng nguyên liệu hàng hóa chất lượng cao, như: hệ thống thủy lợi, hạ tầng giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, đồng bộ cơ giới hóa các khâu, ứng dụng công nghệ, giảm tổn thất sau thu hoạch... hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của hàng nông sản trên thị trường, nâng cao nguồn thu nhập cho người nông dân. Đặc biệt, hệ thống thủy lợi được đầu tư khá hoàn chỉnh, trong những năm gần đây, hệ thống đê bao được củng cố cùng với hệ thống các trạm bơm điện đủ năng lực tưới và tiêu nước kịp thời, không còn bị thiệt hại do lũ lụt và hạn hán gây ra.

Thực hiện tổng hợp, đồng bộ các giải pháp để phát triển nông nghiệp, do vậy trong những năm gần đây thu nhập bình quân đầu người/năm tăng nhanh hơn thu nhập bình quân đầu người lao động trong các ngành phi nông nghiệp, nguyên nhân cơ bản là năng suất lao động tăng và tăng nhanh giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích; ngoài ra còn có sự liên kết tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt trong tiêu thụ lúa là sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương.

- Trồng trọt: Chủ yếu là cây lúa, với diện tích đất 976 ha, chiếm 85,65% diện tích đất sản xuất nông nghiệp; diện tích gieo trồng 2.889,6 ha, năng suất 57,94 tạ/ha, sản lượng 16.724 tấn. Trong những năm gần đây, ngoài áp dụng những biện pháp khoa học vào sản xuất như “3 giảm 3 tăng”,... các giống lúa chất lượng cao như ST24, ST25 đã dần nhân ra diện rộng phục vụ nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng và cung cấp cho thị trường; đặc biệt hiệu quả đem lại cao hơn các giống lúa khác từ 5 đến 10 triệu đồng/ha.

Cây ăn quả: Trong 02 năm gần đây, thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đã chuyển 59 ha đất trồng lúa, màu sang cây lâu năm, nâng tổng diện tích lên gần 103 ha; diện tích chủ yếu là cây ăn trái như mít Thái, cây có múi,.. Do có đất đai màu mỡ, kỹ thuật canh tác hiện đại, chất lượng sản phẩm được người tiêu dùng đánh giá cao.

- Chăn nuôi: Chăn nuôi trên địa bàn xã kém phát triển so với các địa phương khác trong huyện; trong những năm gần đây tổng đàn gia súc lại sụt giảm nhiều. Đàn trâu bò hiện có trên 205 con, đàn lợn 98 con, vịt đàn xấp xỉ 10.300 con. Việc chăn nuôi trên địa bàn gây ảnh hưởng môi trường và không phù hợp với lối sống đô thị, chăn nuôi chủ yếu ở một vài hộ sống biệt lập, xa khu tập trung dân cư.

- Thủy sản: Trong những năm gần đây nuôi cá có chuyển đổi nhiều từ nuôi cá bè sang nuôi cá hầm do quản lý dịch bệnh tốt và hiệu quả bền vững hơn; so với năm

2018, diện tích nuôi cá hầm năm 2020 tăng lên 4,13 ha, tăng 1.175 tấn, sản lượng đạt 3.300 tấn; sản lượng cá bè giảm xấp xỉ 20 tấn/năm.

## **2.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội**

### *a) Về giáo dục và đào tạo:*

Công tác giáo dục tiếp tục nhận được sự chỉ đạo kịp thời về công tác chuyên môn của Phòng GDĐT; sự quan tâm sâu sát của Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân xã cũng như quan tâm của Phụ huynh đã tạo điều kiện cho ngành thực hiện các nhiệm vụ giáo dục tại địa phương. Đội ngũ cán bộ, công chức và viên chức không ngừng được tăng cường về số lượng, nâng lên về chất lượng; đa số nhiệt tình, có tâm huyết với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, có ý thức tự học tập, nghiên cứu để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và tay nghề, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu công tác đặt ra. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư bổ sung từ nguồn ngân sách Nhà nước và xã hội hóa, là điều kiện quan trọng để góp phần từng bước nâng cao chất lượng giáo dục. Công tác khuyến học, khuyến tài tiếp tục được đẩy mạnh và hỗ trợ kịp thời. Kết quả đến năm 2020: xã có 05 trường học từ bậc học mẫu giáo đến trung học cơ sở, trong đó 04 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (Mẫu giáo Đa Phước, Tiểu học A Đa Phước, Tiểu học C Đa Phước và THCS Đa Phước).

Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, chiếm tỷ lệ 91,74%; phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3, chiếm tỷ lệ 94,89%; phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt mức độ 2, chiếm tỷ lệ 91,94%. Công tác đào tạo nghề nông thôn chuyển biến tích cực, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 65,5%.

### *b) Về y tế:*

Trạm y tế được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đảm bảo chất lượng dịch vụ y tế tuyến cơ sở, được công nhận đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

Công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao hiểu biết, nhận thức trách nhiệm của mọi người về tham gia bảo hiểm y tế; thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia; vận động các doanh nghiệp đóng bảo hiểm y tế cho người lao động, vận động mạnh thường quân trong và ngoài địa phương hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm y tế cho học sinh, hộ có hoàn cảnh khó khăn. Phát động cán bộ đảng viên, công chức, viên chức gương mẫu vận động gia đình, người thân tham gia bảo hiểm y tế, kết quả tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% số nhân khẩu toàn xã.

Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm, bệnh gây dịch và chăm sóc sức khỏe Nhân dân, không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm; kiểm tra các hộ sản xuất chế biến, kinh doanh thực phẩm; không ngừng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác y tế và kế hoạch hóa gia đình; nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh, thực hiện tốt công tác y tế cộng đồng, y tế dự phòng; tăng cường công tác kiểm tra an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường, làm tốt công tác truyền thông dân số, phòng chống bệnh đảm bảo sức khỏe cho Nhân dân. Thực hiện tốt công tác tiêm phòng, tiêm chủng cho các cháu trong độ tuổi và chương trình tiêm chủng mở rộng cho người dân.

Thực hiện nghiêm các quy định của ngành và cơ quan chức năng về công tác phòng chống dịch bệnh, sử dụng phần mềm quản lý dịch bệnh, các ổ dịch được xử lý kịp thời trong 48 giờ từ khi phát hiện; 96,9% trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin theo qui định; 80% hộ gia đình tiếp cận thông tin cơ bản về phòng chống dịch bệnh; xử lý đúng qui định về các trường hợp bệnh truyền nhiễm, như bệnh sốt xuất huyết, bệnh tay, chân, miệng,.. đặc biệt tham mưu cho UBND về phòng chống bệnh Covid 19, không để xảy ra trường hợp nào làm trái qui định.

*c) Về văn hóa, thể dục thể thao và du lịch*

Công tác quản lý Nhà nước về văn hóa ngày càng được tăng cường với nhiều biện pháp phù hợp; công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống luôn được quan tâm. Các thiết chế văn hóa được đổi mới về phương thức tổ chức và hoạt động. Đội ngũ cán bộ được quan tâm đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực, cơ sở vật chất được tăng cường. Nhiều công trình văn hóa được xây dựng, các hoạt động văn hóa, văn nghệ ở cơ sở diễn ra sôi nổi, thu hút đông đảo quần chúng Nhân dân tham gia, góp phần tạo sân chơi lành mạnh, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho Nhân dân.

Trung tâm Văn hóa – cộng đồng được đầu tư xây dựng khang trang với diện tích 2.542m<sup>2</sup>, thường xuyên được duy tu, sửa chữa, trang thiết bị đảm bảo, hoạt động ổn định có hiệu quả.

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp với các nội dung: mừng Đảng - mừng Xuân; chào mừng ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam và các ngày lễ lớn trong năm.

Mô hình điểm trong sinh hoạt văn hóa, thể thao được nhân rộng và phát huy có hiệu quả. Vận động, khuyến khích các hộ có điều kiện phát triển các dịch vụ sân, bãi tập thể dục thể thao, phát huy cơ sở vật chất của trường học, trụ sở UBND xã, các văn phòng ấp,.. để hình thành nhiều điểm sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, vui chơi, giải trí, luyện tập thể dục, thể thao của người dân.

Luôn duy trì hoạt động thường xuyên 03 câu lạc bộ (Bóng đá, bóng chuyền, đờn ca tài tử), riêng CLB Đờn ca tài tử được xã tổ chức giao lưu hàng quý và hoạt động trong các lễ hội. Cả 04 ấp có 14 câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa và 07 câu lạc bộ thể thao, thường xuyên hoạt động với nội dung và hình thức luôn được đổi mới tạo niềm vui và hứng khởi, tăng cường sức khỏe tinh thần và thể chất cho cộng đồng dân cư.

Đặc biệt, Văn hóa Chăm được định hướng, khuyến khích phát triển ở các cấp chính quyền từ Tỉnh đến Xã nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hoá. Xử lý hài hoà giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá các dân tộc với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững ở các địa phương, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người An Giang. Qua 13 năm, 04/04 ấp giữ vững danh hiệu “Ấp văn hóa”, luôn duy trì tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn ở mức 98,5% trở lên, “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”.

*d) Thực hiện các chính sách xã hội*

Những năm qua, cùng với đẩy mạnh phát triển kinh tế, công tác đảm bảo an sinh xã hội được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm. Từ chương trình Cụm, tuyến dân cư vượt lũ của Chính phủ, trong những năm 2003 -2007 xã Đa Phước được đầu tư xây dựng 3 tuyến dân cư, với diện tích hơn 15 ha, giải quyết trên 700 nền nhà cho Nhân dân trong xã vào ở ổn định cuộc sống, đồng thời góp phần hình thành đô thị của Đa Phước

Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh đối với hộ nghèo, gia đình chính sách, người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, giải quyết việc làm; giúp người dân tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, văn hóa để họ vươn lên trong cuộc sống.

Thực hiện kế hoạch giảm nghèo của Ban Thường vụ Đảng ủy về công tác giảm nghèo bền vững và phương án giảm nghèo của UBND xã Đa Phước, Đảng ủy ban hành quyết định phân công phụ trách từng hộ nghèo để tìm hiểu rõ tâm tư nguyện vọng, động viên tinh thần vượt lên chính mình để thoát nghèo cũng như các khó khăn vướng mắc của từng hộ để có phương án hỗ trợ.

Ngoài ra, các chính sách của Nhà nước hỗ trợ cho hộ nghèo như: cho vay vốn lãi suất ưu đãi, hỗ trợ về nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền điện thấp sáng,... hàng năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam xã phát động cuộc vận động quỹ “Vì người nghèo và xã hội từ thiện” đã huy động trên 500 triệu đồng cho hàng chục lượt hộ nghèo và cận nghèo. Đa số các hộ gia đình đã sử dụng hiệu quả nguồn vốn, do vậy, số hộ nghèo ngày càng giảm, cụ thể năm 2018 xã có 139 hộ nghèo, chiếm 2,92% tổng số hộ; năm 2019 còn 109 hộ nghèo, chiếm 2,39% tổng số hộ và đến năm 2020 toàn xã chỉ còn 94 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,98% tổng số hộ. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 03 năm 2018, 2019, 2020 của xã Đa Phước là 2,43% thấp hơn mức trung bình của huyện An Phú (6,38%).

### **2.3. Tổ chức bộ máy và biên chế**

Hệ thống chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể của xã đã được thiết lập và hoàn chỉnh từ xã đến ấp. Công tác điều hành của chính quyền có nhiều chuyển biến, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, ngăn chặn các dấu hiệu tham nhũng, quan liêu. Cán bộ, công chức của xã sắp xếp đúng theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 20/10/2009 của Chính phủ và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền cấp trên.

Cụ thể cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế của xã nhiệm kỳ 2016-2021 như sau:

#### **a) Hội đồng Nhân dân xã**

- Tổng số Đại biểu HĐND của xã là 32 người; trong đó, về trình độ chuyên môn có 21 người được đào tạo đại học và trên đại học, 02 người trung cấp, 09 người chưa qua đào tạo; về lý luận chính trị có 03 người cao cấp, 16 người trung cấp, 03 người sơ cấp và 10 người chưa qua đào tạo.

- Thường trực HĐND xã, gồm: Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch; Các ban của HĐND xã có Ban pháp chế và Ban kinh tế - xã hội, trong đó Ban pháp chế có Trưởng ban, 01 Phó trưởng ban và các ủy viên; Ban kinh tế - xã hội: Trưởng ban, 01 Phó trưởng ban và các ủy viên.

b) Ủy ban Nhân dân xã: Cơ cấu tổ chức của UBND xã gồm: Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND xã, 02 Phó Chủ tịch UBND xã và Ủy viên phụ trách quân sự (công chức Chỉ huy trưởng Quân sự), Ủy viên phụ trách công an (công chức Trưởng Công an xã).

c) Tổng số cán bộ công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã

- Cán bộ chuyên trách có 11 người, cơ cấu như sau: Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND, 01 Phó BT Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND, 01 Phó BT Thường trực Đảng ủy, 01 Phó Chủ tịch HĐND, 02 Phó Chủ tịch UBND, Chủ tịch UBMTTQVN, Chủ tịch Hội CCB, Chủ tịch Hội LHPN, Chủ tịch HND và Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Trong đó, về trình độ chuyên môn có 11 người được đào tạo đại học và trên đại học; về lí luận chính trị có 04 người cao cấp, 7 người trung cấp.

- Công chức có 12 người, cơ cấu như sau: 01 Trưởng Công an xã, 01 Chỉ huy trưởng Quân sự xã, 02 Văn phòng - thống kê, 02 Địa chính NN-XD&MT, 02 Văn hóa - XH, 02 Tài chính - Kế toán, 02 Tư pháp - Hộ tịch. Trong đó, về trình độ chuyên môn có 10 người được đào tạo đại học và trên đại học, 01 người trung cấp; về lí luận chính trị có 09 người trung cấp, 02 người sơ cấp.

- Người hoạt động không chuyên trách ở xã là 14 người. Trong đó, về trình độ chuyên môn có 10 người được đào tạo đại học và trên đại học, 01 người cao đẳng, 02 người trung cấp, 01 người chưa qua đào tạo; về lí luận chính trị có 10 người trung cấp, 03 người sơ cấp và 01 người chưa qua đào tạo.

- Lực lượng quân sự, công an có 38 người. Trong đó, trưởng, phó trưởng Công an và 1 công an viên là Công an chính quy.

d) Tổ chức công đồng tự quản Ấp,

- Xã Đa Phước có 04 ấp: Hà Bao 1, Hà Bao 2, Phước Quán, Phước Thọ.

- Số người hoạt động không chuyên trách ở ấp là 08 người; gồm các chức danh: 04 trưởng ấp kiêm Bí thư chi bộ và 04 trưởng ban công tác Mặt trận. Trong đó, về trình độ chuyên môn có 02 người được đào tạo đại học và trên đại học, 06 người chưa qua đào tạo; về lí luận chính trị có 02 người trung cấp, 04 người sơ cấp và 02 người chưa qua đào tạo.

#### **2.4. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội**

Tình hình quốc phòng an ninh trên địa bàn luôn được giữ vững, các nhiệm vụ an ninh quốc phòng được tổ chức thực hiện có hiệu quả. Duy trì các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu phối hợp cùng công an xã tuần tra bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu quan trọng trong các đợt cao điểm, các ngày lễ, tết, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được chú trọng, đảm bảo về số lượng, chất lượng. Công tác huấn luyện, giáo dục chính trị, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng hàng năm đạt yêu cầu. Thường xuyên củng cố lực lượng Quốc phòng và An ninh đủ về số lượng, mạnh về chất lượng; hoàn thành việc bố trí lực lượng công an chính quy về xã (01 Trưởng Công an, 01 Phó Công an và 03 Công an viên).

Nổi bật trong thời gian qua là phối hợp với Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh Covid-19; tuyên truyền, vận động Nhân dân chủ động phòng, chống dịch bệnh góp phần giữ gìn an ninh chính trị, chú trọng giám sát việc tạm ngưng khách du lịch đến thăm Làng

Chăm và 02 Thánh đường Hồi giáo. Tổ chức tuần tra đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn, kịp thời nhắc nhở các thanh niên tụ tập chơi khuya gây mất trật tự; xử phạt nghiêm, đúng pháp luật đối với các trường hợp đánh bạc; lập biên bản vi phạm hành chính và lập hồ sơ các đối tượng đi cai nghiện ma túy. Hàng năm hoàn thành và hoàn thành vượt mức công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ. Tổ chức huấn luyện các đối tượng dân quân đạt 100% kế hoạch và chỉ tiêu huyện giao.

Tuy nhiên, ngoài kết quả đạt được, hiện nay do điều kiện dân cư của xã quá đông cùng với một lượng lớn dân tạm trú và vãng lai vượt tầm kiểm soát nên tình hình an ninh trật tự khá phức tạp, trong khi lực lượng công an chính quy còn hạn chế.

### **3. Hệ thống các công trình hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị**

#### **3.1. Nhà ở**

Trong thời gian gần đây, chất lượng sống đô thị ngày một nâng cao, một số khu nhà ở và công trình nhà dân trong khu vực Khu đô thị Đa Phước được xây dựng mới với hình thức kiến trúc hiện đại, đẹp mắt, đảm bảo công năng và tiện nghi sống góp phần làm tăng tính thẩm mỹ công trình, bộ mặt đô thị và chất lượng cuộc sống người dân từng bước được nâng cao. Nhìn chung nhà ở tại đây xây dựng theo dạng nhà liên kế bám sát theo các trục đường giao thông chính, theo quy hoạch và dạng nhà ở có sân và vườn. Riêng nhà ở người dân tộc Chăm có kiến trúc kết cấu bằng gỗ, nhà sàn, được khuyến khích bảo tồn và có nhiều hộ sống trong 01 nhà nên diện tích sử dụng bình quân đầu người thấp.

Trên địa bàn xã có 4.562 căn nhà, 336.734m<sup>2</sup> sàn. Diện tích sàn nhà ở bình quân là 20,2 m<sup>2</sup> sàn/người. Trong đó, tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố ngày càng tăng cao, đến hết năm 2020 đạt 90,97% (4.150/4.650 căn nhà).

Tính đến tháng 12/2020, trên địa bàn Khu đô thị Đa Phước có 3 dự án Khu dân cư đã hoàn thành và 01 khu dân cư đang thi công, bao gồm: Khu dân cư đô thị Cồn Tiên (4,0ha), Khu dân cư Cồn Tiên 1 (12,0ha) do DNTN Toàn Thắng và Khu tái định cư với trên 1.000 nền bố trí dân cư, hiện đang thi công tuyển dân cư dân tộc Chăm 4,641 ha, với 160 nền bố trí giãn hộ.



*Nhà cổ truyền thống dân tộc Chăm*



*Nhà ở dân cư*



*Khu đô thị Cồn Tiên*

### 3.2. Công trình công cộng, dịch vụ đô thị

Hệ thống công trình công cộng, dịch vụ đô thị gồm các công trình trụ sở cơ quan, cơ sở giáo dục, cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, điểm bưu điện văn hóa... được đầu tư khá khang trang và hiện đại.

- Cơ quan, trụ sở hành chính: Hiện tại, Đa Phước có hệ thống công trình công cộng khá hoàn chỉnh bao gồm: Trụ sở HĐND và UBND xã đã được xây dựng các công trình công cộng phục vụ các ấp. Hệ thống công trình cơ quan hành chính đã được xây dựng, nâng cấp cải tạo ổn định và tương đối đầy đủ.



- Hệ thống công trình giáo dục có 01 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 01 trường THCS. Hầu hết các trường trên địa bàn Đa Phước được xây dựng với quy mô lớn, đúng quy chuẩn, có đầy đủ các phòng chức năng.



### *Trường THCS và trường Tiểu học*

- Hệ thống y tế cơ bản đã được đầu tư hoàn thiện theo 2 tuyến: tuyến huyện và tuyến xã. Trên địa bàn xã hiện có Trạm Y tế xã Đa Phước đã được xây dựng và một số các cơ sở y tế tư nhân phục vụ cho người dân trong khu vực, bên cạnh đó Bệnh viện Đa khoa huyện An Phú nằm tại thị trấn An Phú với quy mô 150 giường cách Đa Phước khoảng 6km. Bệnh viện đa khoa khu vực Châu Đốc 500 giường cách Đa Phước khoảng 6km,.. phục vụ cho toàn bộ dân số thành phố Châu Đốc và huyện An Phú. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được chú trọng đầu tư nâng cấp cho các tuyến cơ sở đáp ứng nhu cầu khám và điều trị của người dân.





*Trạm y tế xã*

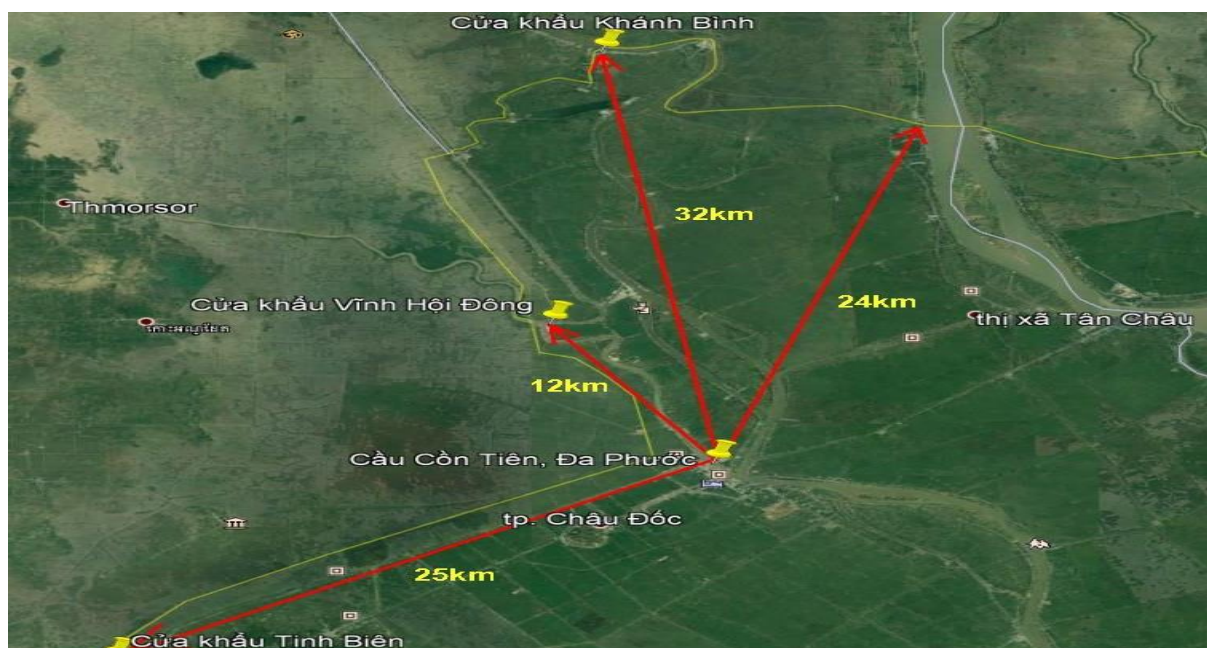
- Hệ thống công trình văn hóa, thể dục - thể thao, gồm: trung tâm văn hóa - thể thao - học tập cộng đồng, 7 sân bóng đá, bóng chuyền.



*Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng*

### 3.3. Giao thông

Xã Đa Phước có điều kiện để phát triển cả giao thông đường bộ và đường thủy có vai trò là cửa ngõ giao thông liên huyện và của tỉnh An Giang.



*Khoảng cách từ Đa Phước đến các cửa khẩu Việt Nam - Campuchia*

- *Đường bộ*: Hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn xã khá phong phú và đa dạng với nhiều chủng loại đường giao thông khác nhau từ quốc lộ đến đường tỉnh và giao thông nông thôn. Tất cả đã tạo nên mạng lưới giao thông liên hoàn đáp ứng yêu cầu cơ bản về vận chuyển hàng hóa và hành khách.

Quốc lộ 91C và đường tỉnh 957, đây là 2 trục giao thông huyết mạch quan trọng của xã cũng như huyện, chạy dọc từ điểm cực Bắc đến điểm cực Nam của huyện; đồng thời là đê bao án ngữ sông Hậu và sông Châu Đốc phía Đông phía Nam và phía Tây của Xã.

+ Quốc lộ 91C: Đoạn trên địa bàn huyện, điểm đầu tại cầu Cồn Tiên, điểm cuối là thị trấn Long Bình, chiều dài tuyến 35,50 km (đoạn qua địa bàn xã Đa Phước 7,80 km); nền đường 12,0 m, mặt đường láng nhựa, rộng 7,0 m. Quốc lộ 91C là tuyến giao thông kết nối với Quốc lộ 91 tại thành phố Châu Đốc.

+ Đường tỉnh 957: Điểm đầu tại bến phà Cồn Tiên cũ, điểm cuối gặp Quốc lộ 91C tại thị trấn Long Bình, chiều dài tuyến 32,5 km (đoạn qua địa bàn xã Đa Phước dài 7,1 km), nền đường 12 m, mặt đường, láng nhựa, rộng 7m.



*Cầu Cồn Tiên qua sông Châu Đốc*

Xã có 03 đường giao thông nông thôn, kết nối các ấp, bao gồm:

+ Đường Bờ nam kênh xã Đới: điểm đầu tại QL.91 Cấp Hà Bao 1, điểm cuối ĐT.957 ấp Phước Quán, chiều dài 2,85km, nền đường 6-7m, mặt đường 5,0m, 100% láng nhựa.

+ Đường Bãi Phước Thọ: Điểm đầu Bãi Phước Thọ, điểm cuối Mương Chả, chiều dài 1,20km, nền đường 3,0m, mặt đường 2,0m, 100% bê tông xi măng.

+ Đường Phước Quảng: điểm đầu tại Ban chỉ huy Quân sự xã Đa Phước, điểm cuối Bến phà Côn Tiên cũ, chiều dài 2,5 km, nền đường 5,0 m, mặt đường 4,0m, bê tông xi măng 2,4 km, đường đất 0,1 km.

- Các tuyến nội vùng khu dân cư: Trên địa bàn xã có các tuyến của các cụm, tuyến dân cư, khu tái định cư, khu đô thị Côn Tiên và đường từ đường ấp với đường tỉnh 957, tổng chiều dài 4,8 km, 100% được cứng hóa, sạch, không lầy lội vào mùa mưa.

Đường vào khu sản xuất: Toàn bộ 17,54km đường trục chính nội đồng được cứng hóa theo tiêu chuẩn đường cấp C, xe cơ giới đi lại thuận tiện.



*Vận tải đường thủy trên sông Châu Đốc*

- Đường thủy:

+ Tuyến đảm nhận chức năng giao thông thủy thứ nhất là sông Hậu, đây là tuyến giao thông thủy quan trọng trong hệ thống đường thủy huyện An Phú, đoạn chảy qua địa phận Khu đô thị Đa Phước dài khoảng 8 km, chiều rộng trung bình từ 300 m đến 500 m, vận tải chủ yếu tàu, thuyền, sà lan tải trọng đến 3.000 tấn.

+ Tuyến đảm nhận chức năng giao thông thủy thứ 2 là sông Châu Đốc, đây là tuyến giao thông thủy quan trọng trong hệ thống đường thủy huyện An Phú, đoạn chảy qua địa phận xã Đa Phước dài khoảng 7 km, chiều rộng trung bình trên 100 m, vận tải chủ yếu tàu, thuyền, sà lan kết nối sông Bình Di, kênh Nhung Thăng đến Campuchia hoặc kênh Vĩnh Tế ra Hà Tiên và cửa khẩu Quốc tế Tịnh Biên.

- *Giao thông công cộng*: Để phục vụ cho nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa, trên địa bàn Khu Đô thị Đa Phước, các loại hình vận tải hành khách công cộng cũng từng bước hình thành phục vụ được một phần nhu cầu người dân trong Đô thị, bao gồm:

- Đối ngoại:

+ Xe khách, xe tải: của các hãng xe Hùng Cường, Huệ Nghĩa khoảng 30 phút có 01 chuyến qua Khu Đô thị Cồn Tiên và xe của các hãng khách nối Long Bình với Đồng bằng sông Cửu Long.

- Đối nội:

+ Xe Bus (buýt): Tuyến Châu Đốc – Cồn Tiên (Đa Phước), QL91C – Long Bình đang vận hành tốt. Khoảng 15 phút có 1 chuyến.

+ Xe taxi: các hãng Mai Linh, Sao Đỏ đáp ứng mọi lúc mọi nơi.

Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng (xe buýt, xe khách, taxi) đạt trên 10%.

+ Bến vận tải đường thủy: Trên địa bàn có các bến đò qua sông Hậu, quy mô vừa, đảm bảo an toàn cho người, phương tiện giao thông,.. qua lại với thị xã Tân Châu khá thuận tiện.



*Bến đò Đa Phước - Châu Phong, thị xã Tân Châu*

### 3.4. Hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng

- Khu đô thị Đa Phước sử dụng nguồn cấp điện là tuyến trung thế 35kV từ thành

phố Châu Đốc. Các tuyến trung thế sử dụng dây nhôm lõi thép đi trên trụ bê tông ly tâm cao 12 mét hoặc 14 mét. Tuyến chính là tuyến kép, đi theo đường Tỉnh 957, Quốc lộ 91C, các nhánh rẽ đều là tuyến đơn, các trạm hạ thế đều là trạm ngoài trời, là loại trạm treo hoặc trạm giàn, được đấu nối theo sơ đồ bảo vệ bằng FCO và LA.

- Hiện tại 100% dân số được sử dụng lưới điện quốc gia; điện năng tiêu thụ bình quân đầu người đạt 480 kwh/người/năm.

- Hệ thống điện chiếu sáng đã được quan tâm và đầu tư trong những năm qua, góp phần tạo cảnh quan chung, đảm bảo an toàn giao thông và an ninh cho đô thị.

- + Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%.

- + Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng trên địa bàn đạt 95%.

### 3.5. Cấp nước sinh hoạt

Hệ thống cấp nước xã Đa Phước sớm được đầu tư, xây dựng, nâng cấp, góp phần nâng cao đời sống dân cư. Hiện tại trên địa bàn có công trình cấp nước sinh hoạt tập trung đặt tại ấp Hà Bao 1, công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày. Đem cấp nước sạch cho trên 4.600 hộ, đạt tỷ lệ 98,66%, số hộ còn lại sử dụng công trình cấp nước của gia đình. 100% số hộ sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh.

### 3.6. Hệ thống thông tin, bưu chính viễn thông

- Hệ thống bưu chính viễn thông trên địa bàn Khu đô thị Đa Phước được trang bị hiện đại, công nghệ cao và chất lượng tương đối đồng bộ, nối mạng hoàn chỉnh, thông suốt trong nước và quốc tế.

- Mạng bưu chính hiện nay đã được phát triển rộng khắp trong toàn tỉnh đáp ứng các dịch vụ bưu chính cơ bản.

- Tổng dung lượng tăng rất cao, tổng số thuê bao internet bao gồm cả cố định và di động trên địa bàn Đa Phước đạt mật độ cao, trên 50% dân số sử dụng mạng internet.

- Ngoài ra, hệ thống chuyển phát nhanh của các hãng xe qua đô thị đã tăng cường dịch vụ với chất lượng và thời gian tốt nhất.

- Xã ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ công tác quản lý và điều hành, đảm bảo quản lý văn bản trên môi trường mạng và phát hành văn bản điện tử đến các ngành chuyên môn của Trung ương, Tỉnh, Huyện; sử dụng an toàn hệ thống thư điện tử của tỉnh An Giang và địa chỉ của UBND xã; ứng dụng hiệu quả phần mềm một cửa điện tử (cổng dịch vụ công trực tuyến) và liên thông với các cơ quan cấp huyện, tỉnh; xử lý hồ sơ trực tuyến đạt hiệu quả và tỷ lệ cao.

### 3.7. Về thoát nước và vệ sinh môi trường

- Hiện trạng thoát nước thải:

- + Khu đô thị Đa Phước đang sử dụng hệ thống công chung cho thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt cho các cụm tuyến dân cư, sau khi xử lý bằng bể tự hoại được thu gom qua hố lọc sinh học vi sinh đưa về hệ thống thoát nước chung dọc theo các trục giao thông, các khu vực dân tập trung xử lý nước thải bằng hệ thống bể tự hoại và xử lý tập trung. Có 02 hố sinh học xử lý nước thải khu dân cư tại ấp Hà Bao

1 và ấp Phước Quán; có thể tiếp nhận và xử lý 720m<sup>3</sup> nước thải mỗi ngày, bằng 50% tổng lượng nước bẩn trên địa bàn đô thị hiện nay.

Hệ thống thoát nước khu dân cư mới được đầu tư khá hoàn chỉnh, tổng chiều dài trên 10km.

+ Nước thải công nghiệp – tiêu thụ công nghiệp được xử lý theo quy định sau đó xả ra hệ thống mương thoát nước bên ngoài. Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới xử lý nước thải yêu cầu đạt 100%.

- Hiện trạng thu gom chất thải rắn: Theo số liệu tổng hợp, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn Khu đô thị Đa Phước khoảng 6 tấn/ngày. Công tác thu gom do Xí nghiệp Môi trường và Đô thị huyện đảm nhận. 75,97% các hộ sử dụng dịch vụ công, còn 24,3% số hộ tự xử lý bằng các hình thức chôn, đốt.

- Nghĩa trang, nghĩa địa: Trên địa bàn nghĩa địa được quy hoạch và đưa vào sử dụng 4,99 ha. Xã đã thành lập Ban Quản lý và ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang. Tỷ lệ người dân sử dụng hỏa táng khoảng 5% (chủ yếu tập trung ở đồng bào dân tộc Chăm và Khơ-Me).

### 3.8. Cây xanh

Trên địa bàn xã Đa Phước chưa có khu công viên cây xanh tập trung; tuy vậy, với hệ thống sông bao quanh 3 mặt xã và vườn cây ăn quả, ao hồ (hầm) gắn liền với khu ở tạo ra môi trường thân thiện với thiên nhiên và có tác dụng điều hòa nhiệt độ, cải tạo môi trường tốt.

### 3.9. Kiến trúc cảnh quan

- Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Hiện nay trên địa bàn đã có Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị để quản lý quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan trên phạm vi toàn đô thị; kiểm soát việc xây dựng, chỉnh trang, phát triển toàn đô thị; quy định cụ thể trách nhiệm quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng đối với chính quyền; các tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến không gian, kiến trúc, cảnh quan trong đô thị. UBND xã thường xuyên phối hợp với phòng Kinh tế - Hạ tầng thực hiện tốt Quy chế, tổ chức kiểm tra, lập biên bản nhắc nhở đối với những trường hợp vi phạm.

- Tuyến phố văn minh đô thị: Với tiêu chí tuyến đường phải đảm bảo văn minh - an toàn - sạch đẹp - thân thiện, không có rác trên mặt đường, không có chợ tự phát và hoạt động lấn chiếm lòng lề đường, không có tình trạng quảng cáo, rao vặt,... UBND xã phát động phong trào thi đua xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, trách nhiệm được giao cho Đoàn Thanh niên, Cựu Chiến binh, Hội Phụ nữ, Hội nông dân kết hợp với 12 Tổ công tác ở 04 ấp vận động Nhân dân xây dựng tuyến đường hoa, trồng 10.000 chậu hoa Chiêu tím, hoa Dừa, 3.000 cây Bằng lăng, 5000 chậu hoa Trang, hoa Mười giờ,... Đầu tư xây mới vỉa hè, cây xanh trước UBND xã, vỉa hè, cây xanh, bồn hoa khu dân cư Cồn Tiên, đường tỉnh 957, đến nay đã hình thành tuyến đường hoa, tạo cảnh quan. Hàng tháng tổ chức ra quân tổng vệ sinh, thu gom rác vỉa hè, giải tỏa chướng ngại vật lấn chiếm hành lang an toàn giao thông; chặt mé cây che khuất tầm nhìn, chỉnh trang, làm mới hàng rào và trồng cây xanh dọc tuyến đường giao thông. Đến nay tỷ lệ tuyến phố văn minh đạt 30%.



*Công viên trung tâm*



*Nhà truyền thống dân tộc Chăm An Giang*

- Dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị: Thực hiện quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, các quy hoạch chi tiết khác; đến nay trên địa bàn đô thị Đa Phước có 03 dự án dân cư đưa vào sử dụng (Khu đô thị Cồn Tiên, Khu Tái định cư, Khu dân cư Cồn Tiên), 01 Tuyến dân cư dân tộc Chăm đang được đầu tư xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp các tuyến giao thông;

xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia; cơ sở y tế, văn hóa,...xóa bỏ nhà tạm, nhà dột nát.

- Không gian công cộng của đô thị: Đến nay trên địa bàn có 02 không gian công cộng chính là Trung tâm Văn hóa – Học tập cộng đồng và vườn hoa bùng binh. Ngoài ra, còn Nhà Truyền thống dân tộc Chăm An Giang; Đình Đa Phước...

#### **4. Đánh giá chi tiết mức độ đạt được các tiêu chuẩn thành lập thị trấn Đa Phước**

Với nhiều lợi thế để phát triển đô thị lại được các cấp chính quyền quan tâm quy hoạch trở thành trung tâm chuyên ngành cấp Huyện về Thương mại dịch vụ, đầu mối giao thông liên huyện; trong những năm qua bên cạnh việc tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả đầu tư từ ngân sách Nhà nước, Đảng bộ và Nhân dân xã Đa Phước luôn nêu cao tinh thần tự lực, tự cường phát huy các thế mạnh sẵn có, khơi dậy mọi nguồn lực để phát triển toàn diện về cơ sở hạ tầng, kinh tế xã hội, mạnh về an ninh quốc phòng, đưa xã Đa Phước ngày càng có điều kiện sống tốt hơn. Hiện nay, khu đô thị Đa Phước đã hoàn toàn đủ tiêu chuẩn thành lập thị trấn quy định tại Điều 9, Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

##### **4.1. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập thị trấn Đa Phước**

###### **4.1.1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số**

- Quy định đạt từ 8.000 người trở lên.

- Dân số xã Đa Phước: 16.610 người.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, xã Đa Phước đạt tiêu chuẩn về dân số để thành lập thị trấn.

Đánh giá: Đạt.

###### **4.1.2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên**

- Quy định từ 14 km<sup>2</sup> trở lên.

- Diện tích tự nhiên của xã Đa Phước: 15,76 km<sup>2</sup>;

Đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2, Điều 9, Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

Đánh giá: Đạt.

###### **4.1.3. Tiêu chuẩn 3: Đã được công nhận là đô thị loại IV hoặc loại V**

Xã Đa Phước đã được công nhận là đô thị loại V tại Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang.

Đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3, Điều 9, Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

Đánh giá: Đạt.

**4.1.4. Tiêu chuẩn 4: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đã đạt quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13.**

- Cân đối thu chi ngân sách: Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã năm 2020 là 13,345 tỷ đồng và tổng chi ngân sách 12,406 tỷ đồng; cân đối dư 0,939 tỷ đồng.



Đánh giá: Đạt

- Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 03 năm 2018, 2019, 2020 của xã Đa Phước là 2,43%, thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo bình quân 03 năm 2018, 2019, 2020 của huyện An Phú (6,38%).

Đánh giá: Đạt.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp năm 2020 của xã 65,50%.

Đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

Đánh giá: Đạt.

Qua đánh giá các tiêu chuẩn về quy mô dân số, đất đai, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng, công nhận loại đô thị, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội xã Đa Phước đến cuối năm 2020, đã hoàn toàn đáp ứng các quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, cụ thể như bảng sau:

### Tổng hợp các tiêu chuẩn thành lập thị trấn

TT	Tiêu chuẩn	Mức đạt được của xã	Đánh giá
1	Quy mô dân số từ 8.000 người trở lên	16.610 người	Đạt
2	Diện tích tự nhiên từ 14 km <sup>2</sup> trở lên	15,76 km <sup>2</sup>	Đạt
3	Đã được công nhận là đô thị loại IV hoặc loại V	Xã Đa Phước đã được công nhận là đô thị loại V tại Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Đạt
4	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		Đạt
-	Cân đối thu chi ngân sách đủ	Dư	Đạt
-	Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm gần nhất đạt bình quân của huyện	Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 03 năm 2018, 2019, 2020 của xã là 2,43% (của huyện An Phú 6,38%)	Đạt
-	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt từ 65% trở lên	65,50%	Đạt

**Phần thứ ba**  
**PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC,**  
**HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

**I. HIỆN TRẠNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, DÂN SỐ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP LIÊN QUAN**

**1. Tỉnh An Giang**

Theo số liệu thống kê tính đến ngày 31/12/2020, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên 3.536,68km<sup>2</sup>, dân số trung bình năm 2020 là 1.904.532 người, với 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 02 thành phố (thành phố Long Xuyên và thành phố Châu Đốc), 01 thị xã (thị xã Tân Châu) và 8 huyện (huyện Châu Phú, huyện An Phú, huyện Châu Thành, huyện Chợ Mới, huyện Phú Tân, huyện Thoại Sơn, huyện Tịnh Biên, huyện Tri Tôn); có 156 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 21 phường, 19 thị trấn và 116 xã).

Địa giới hành chính tỉnh An Giang: Phía Đông và Đông bắc giáp tỉnh Đồng Tháp; phía Nam giáp thành phố Cần Thơ, phía Nam và Tây nam giáp tỉnh Kiên Giang, phía Tây bắc giáp Campuchia.

**2. Huyện An Phú**

Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 31/12/2020 huyện An Phú có 226,17 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và dân số trung bình năm 2020 là 148.218 người; có 14 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: Thị trấn An Phú, thị trấn Long Bình 12 xã: Đa Phước, Khánh An, Khánh Bình, Nhơn Hội, Phú Hội, Phú Hữu, Phước Hưng, Quốc Thái, Vĩnh Hậu, Vĩnh Hội Đông, Vĩnh Lộc, Vĩnh Trường.

Địa giới hành chính huyện An Phú: Phía Đông và Đông nam giáp thị xã Tân Châu; phía Tây và phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia; phía Nam và Tây nam giáp thành phố Châu Đốc.

**3. Xã Đa Phước**

Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 31/12/2020 xã Đa Phước có 15,76km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và dân số trung bình năm 2020 là 16.610 người. Toàn xã có 04 ấp, gồm: Hà Bao 1; Hà Bao 2; Phước Thọ và Phước Quán.

**Địa giới hành chính xã Đa Phước:**

- Phía Đông giáp xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.
- Phía Tây giáp phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.
- Phía Tây nam giáp phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.
- Phía Tây bắc giáp xã Vĩnh Hội Đông và thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.
- Phía Nam giáp phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.
- Phía Bắc giáp xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

## II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC

### 1. Phương án thành lập thị trấn Đa Phước

Thành lập thị trấn Đa Phước thuộc huyện An Phú, tỉnh An Giang trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Đa Phước hiện nay. Sau khi thành lập, thị trấn Đa Phước có 15,76km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và dân số là 16.610 người.

### 2. Phương án thành lập ấp

Sau khi thành lập Thị trấn, cơ bản các ấp vẫn giữ nguyên như hiện trạng; cụ thể thị trấn Đa Phước sẽ có 04 ấp, gồm: Hà Bao 1, Hà Bao 2, Phước Thọ và Phước Quản.

## III. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP

### 1. Tên gọi: Thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

“Đa Phước” là địa danh có lịch sử ít nhất 142 năm gắn liền với vùng đất này (Có địa danh “Đa Phước” gắn với xã Đa Phước hiện nay từ năm 1878).

2. Diện tích tự nhiên: Thị trấn Đa Phước có tổng diện tích tự nhiên 15,76km<sup>2</sup>, trong đó đất nông nghiệp 11,70km<sup>2</sup>, chiếm 74,27% diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp 4,06km<sup>2</sup>, chiếm 25,73% diện tích tự nhiên.

3. Dân số: Thị trấn Đa Phước có quy mô dân số là 16.610 người.

4. Đơn vị ấp: Toàn Thị trấn có 04 ấp, gồm: Hà Bao 1, Hà Bao 2, Phước Thọ và Phước Quản.

### 5. Địa giới hành chính:

- Phía Đông giáp xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.
- Phía Tây giáp phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.
- Phía Tây nam giáp phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.
- Phía Tây bắc giáp xã Vĩnh Hội Đông và thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.
- Phía Nam giáp phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.
- Phía Bắc giáp xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

6. Trụ sở làm việc: Trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND và Ủy ban Nhân dân thị trấn Đa Phước giữ nguyên vị trí hiện nay; đây là vị trí thuận tiện cho việc đi lại, liên hệ công việc của người dân và có cơ sở vật chất được đầu tư khá khang trang, với các khối nhà làm việc 2 tầng kiên cố.

**Huyện An Phú** không thay đổi diện tích, dân số và số lượng đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc; với diện tích tự nhiên 226,17 km<sup>2</sup>, dân số 148.218 người; có 14 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: thị trấn An Phú, thị trấn Long Bình, thị trấn Đa Phước và 11 xã: Khánh An, Khánh Bình, Nhơn Hội, Phú Hội, Phú Hữu, Phước Hưng, Quốc Thái, Vĩnh Hậu, Vĩnh Hội Đông, Vĩnh Lộc, Vĩnh Trường (tăng 01 thị trấn, giảm 01 xã).

**Tỉnh An Giang** không thay đổi diện tích, dân số và số lượng đơn vị hành chính các cấp; có diện tích tự nhiên 3.536,68 km<sup>2</sup>, dân số 1.904.532 người, với 11 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: 02 thành phố (thành phố Long Xuyên và thành phố Châu Đốc), 01 thị xã (thị xã Tân Châu) và 8 huyện; có 156 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 21 phường, 20 thị trấn (tăng 01 thị trấn) và 115 xã (giảm 01 xã).

**Phần thứ tư**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**  
**THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC**

**I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG SAU KHI THÀNH LẬP THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC**

Thành lập thị trấn Đa Phước ngoài yếu tố tất yếu khách quan đáp ứng sự phát triển kinh tế, xã hội và tốc độ đô thị hóa còn nhằm tạo động lực, môi trường thuận lợi đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố an ninh quốc phòng; đáp ứng nguyện vọng và là nguồn động viên, cổ vũ Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân địa phương phấn đấu vươn lên nâng cao chất lượng đời sống. Thị trấn Đa Phước được thành lập cùng với việc tổ chức bộ máy quản lý đô thị mới góp phần nhanh chóng khắc phục được những tồn tại, bất cập trong quản lý, thực hiện đúng chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về vấn đề dân tộc cũng như định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang hướng thương mại dịch vụ, công nghiệp đang diễn ra mạnh mẽ trên địa bàn, tạo điều kiện để địa phương phát triển nhanh và bền vững trong quan hệ tổng thể với huyện và tỉnh cũng như khu vực lân cận. Cụ thể tác động của việc thành lập thị trấn thể hiện ở một số nét cơ bản sau:

**1. Kinh tế - xã hội**

*a) Tác động tích cực*

Việc thành lập thị trấn Đa Phước tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương thực hiện tốt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện An Phú đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2030. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ được hưởng đầy đủ, kịp thời các cơ chế ưu đãi theo Pháp luật; thu hút các doanh nghiệp mới, nguồn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, như cụm công nghiệp, cảng sông, bến xe, chợ, lấp đầy nhà ở các khu dân cư đã được hoàn thiện cơ sở hạ tầng... đồng chuyển dịch được một số lượng lớn lao động nông nghiệp sang làm việc ở lĩnh vực công nghiệp, thương mại - dịch vụ; tiếp tục duy trì và nâng tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm do nâng cấp và chỉnh trang đô thị với các công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội tạo sức mạnh tổng hợp để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Về mặt quản lý Nhà nước, chính quyền đô thị cấp thị trấn ngoài một số các nhiệm vụ như chính quyền nông thôn cấp xã hiện nay, sẽ có điều kiện đáp ứng tốt hơn những nhiệm vụ quan trọng khác như quản lý, thực hiện các quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai theo quy hoạch, quản lý cơ sở hạ tầng đô thị, quản lý dân cư, quản lý địa bàn về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...

Thành lập thị trấn, cùng với chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, là tác động tích cực lớn đến cân đối thu chi Ngân sách, thu nhập bình quân đầu người, thu hút và chuyển dịch cơ cấu lao động... tăng các chức năng của đô thị, tác động không nhỏ về mục tiêu phát triển cơ cấu kinh tế của địa phương theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp và từng bước giảm tỷ trọng nông nghiệp; vì vậy phải điều chỉnh lại mục tiêu tăng trưởng và cơ cấu kinh tế địa phương.

*b) Tác động tiêu cực và tồn tại khó khăn, hạn chế*

Việc thành lập các thị trấn Đa Phước cũng có những khó khăn nhất định.

Kinh tế có mức tăng trưởng khá nhưng còn chậm và chưa tương xứng với vị thế, tiềm năng hiện có. Cơ sở hạ tầng đô thị đã được đầu tư xây dựng trên một số lĩnh vực chưa đồng bộ; thói quen, lối sống về bảo vệ môi trường, trật tự đô thị một số người dân còn hạn chế. Một số chế độ chính sách còn nhiều bất cập; việc huy động các nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Sự phát triển nhanh về kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa trong thời gian tới sẽ dẫn đến nhiều vấn đề bất cập mới nảy sinh như tình trạng gia tăng dân số, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu, thành phần dân cư; quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; trật tự, an toàn, tệ nạn xã hội, An ninh - Quốc phòng.

Trước mắt, công tác quản lý đô thị bước đầu gặp không ít khó khăn thách thức như: thay đổi tên đơn vị hành chính, quản lý đất đai, cấp giấy phép xây dựng nhà ở, giấy phép kinh doanh, đặc biệt là quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội.

## **2. Quản lý hành chính**

### **a) Tác động tích cực**

Thành lập thị trấn Đa Phước trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Đa Phước là yêu cầu tất yếu, phù hợp với Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và quá trình đô thị hóa đang diễn ra trên địa bàn; do vậy về nguyên tắc không làm tác động bất lợi đến quá trình phát triển kinh tế, xã hội, đời sống Nhân dân, không làm phát sinh kinh phí hành chính hay tăng chi ngân sách. Việc thành lập thị trấn trên cơ sở toàn bộ diện tích, dân số của xã hiện hữu nên về tổ chức bộ máy của thị trấn sau khi thành lập hoạt động ổn định không gây xáo trộn đội ngũ cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách. Ngoài ra, sẽ tăng cường một số chức danh phụ trách lĩnh vực quản lý đô thị; lực lượng công an thị trấn tăng cường chiến sĩ công an chính quy sẽ giúp công tác quản lý xã hội, quản lý an ninh, trật tự trên địa bàn ngày càng tốt hơn.

Chính quyền đô thị thị trấn ngoài một số các nhiệm vụ như chính quyền nông thôn cấp xã hiện nay, sẽ có điều kiện đáp ứng tốt hơn những nhiệm vụ quan trọng khác như quản lý, thực hiện các quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai theo quy hoạch, quản lý cơ sở hạ tầng đô thị, quản lý dân cư, quản lý địa bàn về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bộ máy hành chính Nhà nước ở cơ sở sẽ phải phù hợp với phát triển đô thị, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao đặt ra, góp phần nâng cao trình độ quản lý Nhà nước của cán bộ, công chức và cả bộ máy hành chính cơ sở.

### **b) Tác động tiêu cực và tồn tại, hạn chế**

Việc thay đổi đơn vị hành chính từ xã lên thị trấn sẽ ảnh hưởng đến công tác giải quyết các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân; các doanh nghiệp, tổ chức và người dân trên địa bàn phải kê khai thay đổi lại địa chỉ đơn vị, gia đình cho phù hợp; các giấy tờ sở hữu liên quan cũng phải thay đổi...

Công tác quản lý Nhà nước từ mô hình chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị, bước đầu cần phải có thời gian để ổn định; đội ngũ cán bộ công chức sẽ lúng túng ban đầu do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý.

### **3. Tác động về môi trường**

#### **a) Tác động tích cực**

Quá trình xây dựng và phát triển thị trấn sau khi được thành lập sẽ tạo nên diện mạo mới gắn liền với quá trình phát triển kinh tế dịch vụ và công nghiệp, tăng quy mô, mật độ dân số, tăng trưởng kinh tế. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch được tăng cường, nhờ bộ máy quản lý chuyên nghiệp hơn, các nguồn tài nguyên sẽ được khai thác hợp lý, hiệu quả hơn theo kế hoạch; trách nhiệm quản lý chất thải được phân cấp rõ rệt hơn.

#### **b) Tác động tiêu cực và tồn tại, hạn chế**

Môi trường (thiên nhiên) đô thị sẽ bị ảnh hưởng dưới áp lực cuộc sống đô thị với mật độ dân số cao, hoạt động kinh tế quy mô lớn trong dịch vụ và công nghiệp tạo ra nguy cơ xuống cấp về môi trường.

Sự tăng trưởng nhanh chóng của các ngành công nghiệp sẽ làm tăng khí thải, bụi, rác thải, nước thải làm biến đổi các thành phần của môi trường không khí, đất, nước... Khối lượng rác thải rắn tăng lên cùng quá trình đô thị hóa, quá trình phát triển kinh tế, tăng quy mô dân số, tăng mức sống, tăng thu nhập. Rác thải từ các ngành công nghiệp, xây dựng, thương mại, từ các cơ y tế, hộ gia đình. Khi ngành công nghiệp tăng trưởng cả về số lượng, chất lượng và quy mô các nhà máy thì lượng nhiên liệu tiêu dùng tăng làm lượng khí thải ra môi trường tăng... nếu không được kiểm soát chặt chẽ sẽ làm môi trường bị ô nhiễm ngày càng cao. Dân số tăng nhanh do gia tăng dân số cơ học từ các ngành công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn sẽ gây ra nhiều vấn đề phải giải quyết như nhà ở, dịch vụ, thông tin, giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng, việc làm, ô nhiễm môi trường, cùng với đó số lượng phương tiện giao thông cá nhân sẽ tăng nhanh làm gia tăng khói bụi, gây ô nhiễm môi trường không khí. Do vậy, sau khi thành lập thị trấn, các cấp chính quyền địa phương cần phải định hướng phát triển đô thị theo hướng phát triển bền vững, cần giải quyết đồng bộ các vấn đề môi trường, tự nhiên, kinh tế - xã hội.

### **4. Tác động về Quốc phòng, An ninh, trật tự an toàn xã hội**

#### **a) Tác động tích cực**

- Với việc sắp xếp, điều chỉnh bộ máy Nhà nước từ cấp xã thành thị trấn sẽ góp phần nâng hiệu quả công tác quản lý Nhà nước nói chung, trong đó có công tác quản lý Nhà nước về quốc phòng - an ninh. Công tác phối hợp giữa lực lượng Quân sự - Công an theo Nghị định 133/2015/NĐ-CP của Chính phủ tiếp tục được phát huy.

- Kinh tế- xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần cũng như ý thức cảnh giác của quần chúng Nhân dân không ngừng được nâng lên góp phần củng cố nền Quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân vững chắc; hạn chế nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm.

- Hạ tầng giao thông được đầu tư, nâng cấp giúp cho việc đi lại được thuận lợi, góp phần củng cố Quốc phòng - An ninh, giảm thiểu tai nạn giao thông.

b) Tác động tiêu cực và tồn tại, hạn chế

Khi nâng cấp từ các xã thành thị trấn, ngoài các yếu tố thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, sẽ có một số tác động khách quan theo xu hướng chung như: dân số tăng nhanh cơ học, số lượng dân nhập cư nhiều do làm việc ở các khu công nghiệp và các nhà máy – xí nghiệp – công ty nằm ngoài khu công nghiệp và nhân công các cơ sở dịch vụ - thương mại, tình hình lấn chiếm đất công, xây dựng trái phép, đầu tư sai quy định Pháp luật, các dịch vụ nhạy cảm v.v... sẽ gây khó khăn hơn trong công tác quản lý Nhà nước và duy trì các hoạt động thuần túy truyền thống. Bên cạnh đó, các loại tội phạm hình sự, các phần tử thoái hóa, biến chất, cơ hội, phản động đội lốt tôn giáo cũng sẽ tranh thủ để xâm nhập vào địa bàn, xây dựng thanh thế, tranh giành ảnh hưởng... làm phức tạp hơn khi có vấn đề nhạy cảm xảy ra trên địa bàn, làm ảnh hưởng không nhỏ trong quá trình lãnh đạo của Đảng - quản lý điều hành của chính quyền địa phương.

**5. Tác động đến sản xuất, kinh doanh, đời sống sinh hoạt của dân cư trên địa bàn**

a) Tác động tích cực

Phát triển đô thị theo hướng bền vững, có kế hoạch, lộ trình, theo chương trình phát triển đô thị của Tỉnh đã được phê duyệt, do đó không ảnh hưởng lớn đến đời sống Nhân dân; thành lập thị trấn Đa Phước với toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Đa Phước nên đời sống sinh hoạt của Nhân dân không có nhiều xáo trộn. Sau khi thành lập, các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế sẽ được đầu tư, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu xây dựng đô thị văn minh, từ đó đời sống tinh thần và phúc lợi xã hội của người dân sẽ tốt hơn; ý thức người dân được nâng cao, tạo chuyển biến về lối sống, nếp sống nông thôn sang đô thị cho người dân.

Bên cạnh đó với vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên và điều kiện hệ thống hạ tầng xã hội hiện hữu, cùng với sự phát triển sau khi thành lập, sẽ là điều kiện lý tưởng trong việc thu hút đầu tư, các nguồn lực, các thành phần kinh tế về địa phương phát triển các hoạt động thương mại - dịch vụ, du lịch; góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế của địa phương, nhờ đó giải quyết nhiều công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống của Nhân dân, giải quyết vấn đề người dân “ly nông không ly hương”, giữ nguồn nhân lực dồi dào tại địa phương phục vụ phát triển kinh tế ngay tại quê nhà.

b) Tác động tiêu cực và tồn tại, hạn chế

Tốc độ đô thị hóa nhanh, nhu cầu sử dụng đất của một số ngành công nghiệp, giao thông và các lĩnh vực phi nông nghiệp tăng nhanh khiến diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn sẽ giảm dần gây tác động xấu đến các hộ bị thu hồi. Vì vậy, cần xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ tạo việc làm tại chỗ cho người lao động; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái bền vững; khuyến khích phát triển mạnh các nghề thủ

công truyền thống, các nghề phi nông nghiệp để giải quyết triệt để và hiệu quả việc làm cho nông dân trên địa bàn.

## **6. Tác động nguồn vốn đầu tư**

### a) Tác động tích cực

Với vị trí, kinh tế quan trọng của mình, khi trở thành thị trấn sẽ có nhiều điều kiện hơn để thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm cả nguồn lực của Nhà nước, của doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, đồng thời củng cố cơ hội để tham gia chủ động hơn vào quá trình hợp tác, giao lưu phát triển. Sau khi thành lập, Thị trấn cần đầu tư xây dựng đầu mối giao thông như cầu cảng, bến xe tải, chợ, xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp, hoàn thiện hệ thống giao thông, cải tạo chỉnh trang khu dân cư theo quy hoạch... Từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, tiếp tục kêu gọi, thu hút, huy động vốn đầu tư và các nguồn lực sẵn có của địa phương.

### b) Tác động tiêu cực và tồn tại, hạn chế

Khi thành lập thị trấn, Nhà nước và Nhân dân cần phải tăng nguồn vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thị trấn tương xứng.

## **7. Kiến trúc đô thị cảnh quan**

### a) Tác động tích cực

Tạo điều kiện để rà soát, tổ chức hợp lý các khu chức năng công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, khuôn viên, cây xanh...; là tiền đề để đầu tư xây dựng mới các khu chức năng đô thị, từ đó có tác động đến việc thu hút, phân bố lại dân cư, cơ sở kinh doanh theo hướng mở rộng nơi có điều kiện tốt hơn về quỹ đất cũng như đã được đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật; tạo sự cân đối về mật độ xây dựng.

### b) Tác động tiêu cực và tồn tại, hạn chế

Quá trình xây dựng, phát triển chỉnh trang đô thị gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, tăng quy mô, mật độ dân số, tăng trưởng kinh tế. Môi trường đô thị sẽ ảnh hưởng dưới áp lực của phát triển đô thị, đất cây xanh (cây lâu năm), đất có mặt nước trong khu ở sẽ giảm do chuyển đổi sang đất ở và phi nông nghiệp nhường chỗ cho công trình xây dựng, mật độ xây dựng cao hơn. Mặt khác nếu công tác quy hoạch, quản lý đô thị không theo kịp tốc độ phát triển có thể dẫn đến sự thiếu đồng bộ, gây khó khăn cho bảo vệ môi trường và kiến trúc cảnh quan.

## **8. Tác động về mặt văn hóa**

### a) Tác động tích cực

Nhìn từ bình diện văn hoá, đô thị hoá cùng với sự phát triển hạ tầng văn hoá xã hội, mở rộng mạng lưới thông tin đại chúng, tăng cường quan hệ giao lưu, buôn bán giữa các vùng miền... đã làm cho diện mạo và đời sống tinh thần của cư dân ngày càng phong phú, đa dạng hơn. Những yếu tố văn hoá đô thị mới mẻ, hiện đại, sự truyền bá các sản phẩm văn hoá, các loại hình văn học, nghệ thuật có giá trị; sự du nhập lối sống, phong cách giao tiếp, ứng xử văn minh, tiến bộ... làm cho văn hoá có những sắc thái



mới. Mức sống văn hoá, trình độ hưởng thụ và tham gia sáng tạo văn hoá của người dân nhìn trên tổng thể, được nâng lên.

Quá trình đô thị hoá từng bước tác động làm thay đổi dần bộ mặt xã hội theo hướng hình thành, phát triển và mở rộng các quan hệ xã hội, các tổ chức xã hội của xã hội hiện đại. Vai trò giới trong gia đình và mức độ tích cực tham gia các tổ chức, đoàn thể xã hội của người dân sẽ mang tính chất cởi mở, quan hệ gia đình sẽ có chuyển biến phù hợp với vai trò người phụ nữ khi tham gia tích cực vào công tác xã hội và tạo ra sinh kế cho gia đình; người dân tích cực tham gia vào các tổ chức ít mang tính chất chính trị nhưng mang tính thiết thực cho cá nhân và gia đình (hội đồng môn, đồng ngũ, đồng tuổi, mang lại cho họ giá trị văn hóa, tinh thần tốt hơn...

#### b) Tác động tiêu cực và những tồn tại, hạn chế

Cơ chế thị trường, quá trình đô thị hóa, hội nhập, mạng internet, bùng nổ thông tin,... cấu trúc văn hóa làng xã trước đây cũng sẽ có thay đổi nhất định, diện mạo khu đô thị ngày càng khởi sắc; một số yếu tố dần thay đổi, một số yếu tố khác sẽ tiếp tục được duy trì hoặc chuyên hoá để hội nhập với môi trường đô thị mới, đây cũng là tính tất yếu của quá trình đô thị hoá. Tuy vậy, đây là quá trình biến đổi nội tại hay biến đổi tại chỗ, sự chuyển dịch đã và đang diễn ra, nên tác động tiêu cực không lớn. Mặt khác, công tác phát huy những giá trị truyền thống được các cấp có thẩm quyền quan tâm để thúc đẩy phát triển văn hóa của địa phương, hoàn thành nhiệm vụ chính trị theo Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về "Xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước" cũng như mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC**

### **1. Quan điểm phát triển**

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế một cách bền vững, dựa trên nền tảng, lợi thế cửa ngõ giao thông về đường bộ và đường thủy thông thương với Khu kinh tế cửa khẩu của tỉnh An Giang và tiếp giáp với đô thị Châu Đốc là trung tâm tiêu vùng phát triển phía Tây tỉnh An Giang, với động lực phát triển cần phát triển trên địa bàn là công nghiệp chế biến, công nghiệp đóng tàu sông; phát triển dịch vụ vận tải, du lịch văn hóa tín ngưỡng, du lịch sinh thái, du lịch tham quan mua sắm; phát triển sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản... Đồng thời, từng bước nâng cao chất lượng tăng trưởng; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng nhanh tỷ trọng khu vực thương mại, dịch vụ, du lịch và công nghiệp - xây dựng; tiếp tục thực hiện hiện đại hóa, thương mại hóa nền nông nghiệp theo hướng "tăng giá trị, giảm đầu vào". Nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, ứng dụng mạnh khoa học và công nghệ, tiếp cận trình độ công nghệ tiên tiến. Phát triển văn hóa, xã hội đi đôi với tăng trưởng kinh tế, không ngừng cải thiện nâng cao đời sống Nhân dân, thực hiện giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, đẩy lùi các tệ nạn xã hội; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tiếp tục khơi dậy và huy động tối đa các nguồn nội lực, tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài cho đầu tư phát triển. Đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, tập trung đúng mức vốn Ngân sách cho xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu, nền tảng, gắn kết vào mạng lưới hạ tầng của Trung ương,

của tỉnh trên địa bàn. Tranh thủ sự tài trợ, ưu đãi thông qua các Chương trình mục tiêu để phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội.

Tiếp tục khai thác lợi thế về vị trí địa lý, tận dụng tối đa lợi thế cửa ngõ giao thương của Vùng đến các cửa khẩu trên địa bàn huyện như cửa khẩu quốc gia Khánh Bình, cửa khẩu chính Vĩnh Hội Đông và cửa khẩu Tịnh Biên của tỉnh, thị trấn Đa Phước góp phần đưa huyện An Phú trở thành điểm trung chuyển hàng hóa của tỉnh An Giang thông thương giữa các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long với nước bạn Campuchia. Phát triển kinh tế gắn với với bảo vệ tài nguyên và môi trường, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu và phát triển cơ sở hạ tầng; kết hợp chặt chẽ với quốc phòng - an ninh để đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

## **2. Mục tiêu phát triển**

### **2.1. Mục tiêu:**

Trở thành đô thị trong hệ thống đô thị của tỉnh An Giang, là trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ và các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao; đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng, tích cực chăm lo sự nghiệp văn hóa - xã hội, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, cải thiện đời sống Nhân dân, bảo vệ và cải thiện môi trường, tăng cường An ninh Quốc phòng, giữ vững ổn định trật tự xã hội.

Xây dựng chương trình chính trang phát triển đô thị cụ thể, rõ ràng để nâng cao các tiêu chí đã đạt được nhằm xây dựng thị trấn Đa Phước cơ bản đạt được các tiêu chuẩn đô thị loại IV; đề ra nhiệm vụ và các giải pháp để phát triển. Việc lập và tổ chức thực hiện chính trang phát triển đô thị tổng thể, toàn diện cho thị trấn Đa Phước là cần thiết, nhằm hoạch định kế hoạch và các giải pháp để phát triển đô thị giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030, góp phần tăng nhanh năng suất nhân tố tổng hợp<sup>3</sup>; từng bước xây dựng phát triển đô thị bền vững đảm bảo tương xứng với vị thế và vai trò của thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Phát triển nhanh, toàn diện và bền vững các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội và bảo đảm vững chắc Quốc phòng, An ninh; nền kinh tế phát triển toàn diện, bền vững, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh. Tập trung thu hút các dự án đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án công nghệ cao, công nghiệp phục vụ tại chỗ và xuất khẩu, dự án thân thiện với môi trường; trung tâm thương mại - dịch vụ, du lịch sinh thái nông nghiệp, du lịch văn hóa - lịch sử.

### **2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu:**

Trong giai đoạn 2021-2025:

- *Về kinh tế:* Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt khoảng 6,9 – 7,1%/năm. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 bằng 0,95 lần bình quân

---

<sup>3</sup>TFP được tính từ phương pháp ước lượng nguồn tăng trưởng từ hàm sản xuất. Sau khi trừ đi các yếu tố đóng góp về lượng (lao động và vốn) cho tăng trưởng, phần còn lại của tăng trưởng là do đóng góp về sự gia tăng hiệu quả của nền kinh tế, gọi là TFP. Hệ số này càng cao chứng tỏ nền kinh tế càng hiệu quả và ngược lại...

cả nước. Thương mại – dịch vụ chiếm 49-50% trong cơ cấu kinh tế, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp chiếm 25-27%.

- *Về xã hội*: Thực hiện các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, tạo sức hút tăng dân số cơ học cho toàn đô thị, tỷ lệ tăng dân số 1,0-1,2%/năm. Đến năm 2025, tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động có việc làm còn khoảng 20-23%; tỉ lệ lao động qua đào tạo là 70-71%; tỉ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm thường xuyên đạt 97,8%; tỉ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm bình quân 0,30-0,35% hằng năm; tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số trở lên.

- *Về môi trường*: Đến năm 2025, tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100%; tỉ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; tỷ lệ nước bẩn được xử lý 70%; tỉ lệ cơ sở công nghiệp – TTCN mới có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 100%; tỉ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.

### 3. Định hướng phát triển

- Huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ Ngân sách, đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư phát triển nhằm thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trên địa bàn. Tập trung mọi nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực về y tế, văn hóa, giáo dục; sắp xếp dân cư, chỉnh trang đô thị... phù hợp với tốc độ phát triển của Thị trấn. Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Chuyển dịch kinh tế gắn với giải quyết việc làm thường xuyên cho người lao động; đẩy mạnh đào tạo nghề, chuyển đổi nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động. Đồng thời xây dựng các doanh nghiệp có năng lực hoạt động cao làm mũi nhọn đột phá, động lực của quá trình đô thị hóa và phát triển bền vững.

- Khai thác các thế mạnh về tài nguyên, đất đai, lao động... tích cực thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng, mở rộng phát triển công nghiệp, dịch vụ, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu lao động, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa.

- Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng: Đầu mối giao thông, hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; chợ, cơ sở thương mại có quy mô lớn, xã hội hóa đầu tư các công trình phúc lợi công cộng để nâng cao đời sống Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng đô thị đạt tiêu chuẩn loại IV; xây dựng mạng lưới giao thông đồng bộ với mạng lưới cấp thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh đô thị. Xây dựng hạ tầng các khu đô thị theo quy hoạch và không gian giải trí, thể dục thể thao.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, tiếp tục duy trì chuẩn Quốc gia về phổ cập tiểu học, trung học cơ sở. Thực hiện tốt công tác đền ơn, đáp nghĩa, chăm lo cho các đối tượng chính sách, các gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng; tích cực thực hiện các biện pháp giảm nghèo, tạo điều kiện cho số lao động trong độ tuổi có việc làm, hỗ trợ vốn tạo việc làm đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả.

- Tiếp tục đảm bảo ổn định tình hình Quốc phòng- An ninh trên địa bàn. Tập trung công tác nắm tình hình, nắm hộ, nắm người; theo dõi, quản lý tốt các đối tượng; quản lý chặt chẽ các cơ sở kinh doanh có điều kiện và xây dựng, củng cố phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự. Xây dựng lực lượng Công an vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; lực lượng Quân sự dự bị theo yêu cầu.

- Quan tâm phát triển đồng bộ, giảm dần chênh lệch khoảng cách giàu - nghèo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. Xây dựng bộ máy trong hệ thống chính trị năng động, gọn nhẹ, có đủ năng lực điều hành chính quyền đô thị và mục tiêu là phục vụ Nhân dân tốt hơn.

### **III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN SAU KHI THÀNH LẬP THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC**

#### **1. Kinh tế**

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thương mại - dịch vụ, công nghiệp-TTCN, nông nghiệp có liên kết với chặt chẽ với công nghiệp chế biến và thương mại; nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, tăng thu nhập bình quân hàng năm; giải quyết tốt việc làm thường xuyên cho người lao động; đồng thời xây dựng cơ sở kinh tế sản xuất, dịch vụ đầy đủ, có năng lực hoạt động cao làm động lực của quá trình đô thị hóa và phát triển bền vững. Thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu Huyện giao hàng năm gắn với chi ngân sách đảm bảo cân đối tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện công khai dân chủ trong việc lập, chấp hành và quyết toán Ngân sách. Tăng cường công tác kiểm tra kịp thời chấn chỉnh chế độ thu, chi ngân sách theo luật Ngân sách Nhà nước và Thông tư quy định về quản lý ngân sách và các hoạt động tài chính khác của xã.

- Thương mại - dịch vụ, du lịch

Phát triển hệ thống phân phối rộng khắp trên địa bàn, phát triển chợ truyền thống và hệ thống siêu thị, cơ sở lưu trú đa dạng, ứng dụng và phát triển thương mại điện tử tạo điều kiện thuận lợi về môi trường kinh doanh. Xây dựng thị trấn Đa Phước trở thành trung tâm thương mại – dịch vụ chia sẻ chức năng với thành phố Châu Đốc, đồng thời phát huy lợi thế địa lý và cạnh tranh về chi phí cơ sở hạ tầng thương mại – dịch vụ cũng như quỹ đất để phát triển nhanh thị phần; phát triển hệ thống dịch vụ mua sắm du lịch.

Thực hiện Quyết định 1236/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh An Giang về Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện An Phú, xây dựng 02 chợ trên địa bàn bao gồm chợ Cồn Tiên và chợ Hà Bao 1 với định hướng 01 chợ dân sinh và 01 chợ phục vụ phát triển du lịch kết hợp phát triển làng nghề dệt thổ cẩm của đồng bào dân tộc Chăm.

Khai thác tiềm năng về cảnh quan sông nước, quỹ đất và văn hóa kiến trúc độc đáo của Làng Chăm để phát triển các dịch vụ lưu trú phục vụ đa dạng nhu cầu khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan địa bàn, ngoài các khách sạn truyền thống cần nghiên cứu phát triển Khách sạn nội; những khách sạn thấp tầng và gần đường giao thông, gắn liền với dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện

vận chuyển của khách; nhà nghỉ kinh doanh du lịch; biệt thự kinh doanh du lịch; làng du lịch. Phát triển đa dạng hình thức kinh doanh du lịch như doanh nghiệp, hộ kinh doanh để đáp ứng nhu cầu đa dạng. Kết hợp du lịch với tiêu thụ và tạo động lực cho phát triển các loại nông sản, thủy sản có lợi thế như các loại cây ăn quả, cá sông trên địa bàn.

Dịch vụ vận tải: Khai thác thế mạnh là cửa ngõ giao thông đến các cửa khẩu của vùng, hình thành một số doanh nghiệp vận tải hàng hoá đa phương thức kết hợp đường bộ đường thủy với dịch vụ kho, bãi và bảo quản cùng với phương thức quản lý tiên tiến nhằm đẩy nhanh lưu thông hàng hóa trên thị trường cũng như nhu cầu đi lại. Đặc biệt phát triển dịch vụ bốc xếp hàng hóa với kết cấu hạ tầng hiện đại nhằm tăng năng lực cạnh tranh.

Chú trọng phát triển các loại hình dịch vụ quan trọng cho nhu cầu phát triển như: Dịch vụ thông tin, dịch vụ xây dựng và kỹ thuật, dịch vụ đào tạo, dịch vụ môi trường, dịch vụ tài chính, dịch vụ liên quan đến sức khỏe và xã hội, dịch vụ du lịch và các hoạt động có liên quan, dịch vụ giải trí, văn hóa, thể thao.

#### - Xây dựng, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

Mở rộng quy mô và nâng cao công nghệ các cơ sở công nghiệp, TTCN hiện có trên địa bàn; đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp phát triển những sản phẩm có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ lớn; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, quản lý môi trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Triển khai xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Đa Phước theo Quyết định 1236/QĐ-UBND của UBND tỉnh phù hợp với nhu cầu phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, kết hợp với phát triển hệ thống đầu mối giao thông của địa phương. Thu hút các ngành công nghiệp, TTCN phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ sản phẩm và phục vụ sản xuất của địa phương như chế biến nông sản, sản xuất sản phẩm đầu vào của quá trình sản xuất trong khu vực và xuất khẩu. Hỗ trợ việc di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không phù hợp với quy hoạch đô thị, để ổn định sản xuất.

Khôi phục và phát triển nghề dệt thổ cẩm của đồng bào dân tộc Chăm, Kơ-Me đảm bảo khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước; triển khai các ngành nghề mới phù hợp với điều kiện của địa phương nơi có điều kiện về nguyên liệu, lao động và cơ sở hạ tầng có khả năng phát triển. Chú trọng các nghề có khả năng thu hút lao động, vốn đầu tư công nghệ và kỹ thuật phù hợp, trong đó quan tâm đến thị hiếu và thị trường tiêu thụ. Tạo điều kiện từng bước đưa các tiến bộ KHKT vào sản xuất đối với các làng nghề thủ công, truyền thống, để cải tiến, nâng khả năng sáng tạo, nâng cao chất lượng, tăng năng suất lao động, hạ giá thành, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Tăng cường phát huy hiệu quả của mô hình kinh tế tập thể (tổ hợp tác, HTX...); củng cố hoạt động và tạo điều kiện để phát triển mô hình này. Giữ gìn nét văn hóa truyền thống của làng nghề, ngành nghề thủ công. Để tạo đầu ra cho sản phẩm cần kết hợp với du lịch làng nghề và phát triển tuyến dân cư dân tộc Chăm trên địa bàn; đào tạo nhân lực, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản

phẩm; chỉnh trang mọi mặt cho phù hợp với yêu cầu của làng nghề truyền thống gắn với du lịch.

#### - Nông nghiệp

Tiếp tục tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo định hướng phát triển của tỉnh An Giang (Quyết định 929/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang) và huyện An Phú, nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua năng suất, chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng và đẩy mạnh xuất khẩu. Chuyển dịch kinh tế nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng ngành thủy sản; giảm tỷ trọng kinh tế ngành trồng trọt. Phát triển các ngành nghề dịch vụ nông thôn.

Tăng diện tích sản xuất lúa có tham gia thực hiện mô hình liên kết phù hợp với tình hình năng lực thu mua của các doanh nghiệp. Tiếp tục sản xuất lúa chất lượng cao có áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất lúa như "3 giảm 3 tăng", "1 phải 5 giảm" để nâng cao chất lượng gạo đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu truyền thống.

Áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất cây ăn quả, nâng cao chất lượng sản phẩm, đặc biệt quan tâm tới an toàn, vệ sinh thực phẩm và tạo dựng thương hiệu phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước nói chung, khách du lịch nói riêng và xuất khẩu; đảm bảo kiểm soát chất lượng giống và truy xuất nguồn gốc để phục vụ nhu cầu cây giống trong và ngoài tỉnh và phục vụ xuất khẩu.

Khai thác nguồn lợi thủy sản tự nhiên một cách hợp lý, hạn chế tối đa đánh bắt mang tính hủy diệt, khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản tự nhiên; sử dụng an toàn hệ sinh thái và môi trường nước mặt, chú ý đưa nước vào các vùng đê bao để phát triển các loài thủy sinh; tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về khai thác, đánh bắt thủy sản. Có kế hoạch phát triển vùng sản xuất giống để đầu tư cơ sở hạ tầng phù hợp phục vụ nhu cầu sản xuất nội địa và xuất khẩu. Hình thành khu vực chuyên canh nuôi trồng thủy sản hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao vào nuôi trồng. Tiến hành nghiên cứu đánh giá hiệu quả nuôi cá bè và nuôi cá hầm để định hướng phát triển ngành thủy sản trên địa bàn. Quản lý tốt phát triển nuôi cá bè nhằm đảm bảo luồng lạch và an toàn giao thông thủy cũng như quản lý dịch bệnh, tránh lây lan theo dòng nước.

Đẩy mạnh phát triển dịch vụ trong nông nghiệp, chú trọng các hoạt động dịch vụ trồng trọt như: xử lý cây trồng, phun thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống sâu bệnh cho cây trồng, bảo hiểm cây trồng; cắt, xén, tía cây lâu năm; làm đất, gieo, sạ, thu hoạch; cho thuê máy nông nghiệp có người điều khiển; hoạt động tưới, tiêu phục vụ trồng trọt và các hoạt động dịch vụ sau thu hoạch để chuyên môn hóa cao các khâu trong hoạt động sản xuất nhằm tăng hiệu quả và giảm giá thành, tăng năng suất lao động.

Tiếp tục nghiên cứu mở rộng diện tích cây trồng ứng dụng kỹ thuật cao với các loại cây trồng cho sản phẩm giá trị cao nhằm tránh tác động thời tiết bất lợi, từng bước tự động hóa việc cung cấp nước và chất dinh dưỡng cho cây trồng, đặc biệt là giảm thiểu tác hại của sâu bệnh và giảm tối đa lượng thuốc bảo vệ thực vật; tạo ra sản phẩm chất lượng cao.

## 2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

- *Về phát triển y tế:* Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 33/2015/TT-BYT là cung cấp, thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân trên địa bàn thị trấn. Bao gồm các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng; khám, chữa bệnh, thực hiện sơ cứu, cấp cứu ban đầu, phục hồi chức năng theo phân tuyến kỹ thuật; chăm sóc sức khỏe sinh sản; cung ứng thuốc thiết yếu; quản lý sức khỏe cộng đồng; truyền thông, giáo dục sức khỏe; hướng dẫn về chuyên môn và hoạt động đối với đội ngũ nhân viên y tế thôn, ấp.

Từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các công trình y tế đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu, đồng thời tăng cường trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế, để người dân tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng; giảm chi phí khám, chữa bệnh; chi phí bảo hiểm y tế và chi phí tiền túi, sự hài lòng của người dân.

- *Về phát triển giáo dục:*

+ Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quán triệt và triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước kịp thời, nghiêm túc; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh; đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" gắn với các cuộc vận động và phong trào thi đua khác trong toàn ngành. Tạo sự chuyển biến sâu sắc về ý thức, trách nhiệm, đạo đức, lối sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và sinh hoạt hàng ngày; xây dựng khối đoàn kết, thống nhất, đồng sức, đồng lòng trong mỗi cơ quan trường học, tạo sức mạnh tổng hợp và quyết tâm cao để hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị.

+ Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, thực hiện tốt phân cấp quản lý, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị trường học và các cơ sở giáo dục; tạo động lực để cán bộ giáo viên tự giác, tự chủ đối với các hoạt động chuyên môn thông qua một cơ chế khoa học, chặt chẽ, lấy hiệu quả chuyên môn làm thước đo để đánh giá sự cống hiến và phân phối lợi ích. Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện cơ chế "một cửa" trong các cơ sở giáo dục nhằm tạo ra một cơ chế quản lý gọn nhẹ, hiệu quả. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông nhằm "tin học hóa" quản lý giáo dục các cấp. Thực hiện tốt các chủ trương về công khai chất lượng GD, nguồn lực cho GD, tài chính của các cơ sở GD, phát huy tác dụng của hoạt động giám sát xã hội đối với chất lượng, hiệu quả GD; thực hiện chế độ tài chính đúng quy định. Chống các hiện tượng lạm thu, thu sai quy định dưới các danh nghĩa, hình thức khác nhau. Tích cực đổi mới, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Kết hợp giữa kiểm tra có báo trước và kiểm tra đột xuất, tạo nề nếp chủ động trong dạy học và hoạt động thường xuyên ở cơ sở, hạn chế hiện tượng đối phó trong hoạt động chuyên môn. Quản lý tốt các hoạt động dạy thêm, học thêm. Xử lý nghiêm các hiện tượng dạy thêm, học thêm tràn lan. Thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng GD, công khai hóa kết quả kiểm định, thanh tra, kiểm tra đánh giá. Phát huy tốt vai trò của công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm định chất lượng trong hoạt động quản lý GD.

+ Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD đồng bộ và chất lượng; thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, nâng cao chất lượng dạy học. Tiến hành rà soát,

đánh giá lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để đề nghị cấp trên sắp xếp, bố trí lại đảm bảo yêu cầu đủ về số lượng, đồng bộ và đảm bảo về cơ cấu, chuẩn về trình độ, chấm dứt tình trạng dạy chéo môn. Xây dựng môi trường sư phạm dân chủ, bình đẳng, thúc đẩy sự nỗ lực phấn đấu và nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý. Từng bước thực hiện việc học sinh đánh giá giáo viên, giáo viên đánh giá cán bộ quản lý nhà trường. Đa dạng hóa hình thức bồi dưỡng đội ngũ để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Quan tâm tổ chức các cuộc giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm trong công tác quản lý, chỉ đạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ giữa các trường, giữa giáo dục Đa Phước với các xã thị trấn. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị - đồ dùng dạy học. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá kết quả học tập theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học, biến quá trình học tập thành quá trình tự học có hướng dẫn và quản lý của giáo viên.

+ Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất – thiết bị đảm bảo tốt yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học. củng cố và hoàn thiện hệ cơ sở vật chất Trung tâm học tập cộng đồng, tạo điều kiện để cho các trung tâm hoạt động có hiệu quả. Quan tâm đúng mức tới việc xây dựng khuôn viên, cảnh quan sư phạm theo hướng xanh - sạch - đẹp. Đặc biệt, đẩy mạnh phong trào "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" ở các trường học. Tích cực huy động các nguồn lực như nguồn ngân sách tỉnh, huyện, thị trấn, các nguồn tài trợ, nguồn đóng góp, nguồn huy động từ xã hội hóa, lồng ghép các chương trình... để tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, điện, nước, vệ sinh môi trường, cảnh quan... cho các trường học đồng bộ.

- Về văn hóa, thể dục thể thao:

+ Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học. Cần quan tâm đầu tư đúng mức thể dục, thể thao trường học, với vị trí là bộ phận quan trọng của phong trào thể dục, thể thao; là một mặt của giáo dục toàn diện nhân cách học sinh. Thực hiện tốt giáo dục thể chất theo chương trình nội khóa; phát triển mạnh các hoạt động thể thao của học sinh, bảo đảm mục tiêu phát triển thể lực toàn diện và kỹ năng vận động cơ bản của học sinh, góp phần đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao. Đổi mới chương trình và phương pháp giáo dục thể chất, gắn giáo dục thể chất với giáo dục ý chí, đạo đức, giáo dục quốc phòng, giáo dục sức khỏe và kỹ năng sống của học sinh. Đãi ngộ hợp lý và phát huy năng lực đội ngũ giáo viên thể dục hiện có; mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên thể dục cho trường học.

+ Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động thể dục, thể thao quần chúng. Duy trì và nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", vận động và thu hút đông đảo Nhân dân tham gia tập luyện thể dục, thể thao, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tập luyện thể dục, thể thao ở cơ sở. Gắn việc chỉ đạo phát triển phong trào thể dục, thể thao với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở" với Chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng khu đô thị văn minh; quan tâm phát triển phong trào thể dục, thể thao người cao tuổi, người khuyết tật và người lao động tại các khu công nghiệp. Bảo tồn, phát triển các môn thể thao dân tộc và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong các hoạt động thể dục, thể thao. Có các giải pháp để phát huy tính tích cực,



tính văn hóa, văn minh trong thể dục, thể thao. Chú trọng phát triển thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; phát huy vai trò của lực lượng vũ trang trong việc phát triển thể dục, thể thao của Nhân dân. Có quy hoạch dành đất cho thể dục, thể thao ở các trường học và thị trấn, khu công nghiệp, chú trọng xây dựng cơ sở vật chất thể dục, thể thao phục vụ việc tập luyện của Nhân dân; quan tâm xây dựng các khu vui chơi giải trí trong lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao.

+ Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cần quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về công tác thể dục, thể thao, trên cơ sở đó có chủ trương phù hợp để lãnh đạo, chỉ đạo công tác thể dục, thể thao ở từng ngành, địa phương, cơ sở. Quan tâm chỉ đạo công tác tuyên truyền đúng mức, giáo dục, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với công tác thể dục, thể thao.

- *Nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị*: Tiếp tục nghiên cứu và thực hiện Nghị quyết T.Ư 5 (khóa IX) về “Đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở”.

+ Củng cố tổ chức cơ sở đảng, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên; chống quan liêu, xa dân; nâng cao nhận thức chính trị, đạo đức lối sống, ý thức trách nhiệm của đảng viên. Cụ thể hóa chức năng nhiệm vụ của các loại hình cơ sở đảng để thật sự phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở, tích cực tạo nguồn kết nạp đảng viên. Chú trọng phát huy dân chủ trong Đảng và dân chủ xã hội. Các chủ trương, đường lối liên quan quyền lợi của đông đảo Nhân dân đều phải được đưa ra thảo luận bàn bạc với dân trước khi thực hiện.

+ Tập trung củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền. Chấn chỉnh và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Nhân dân, đẩy mạnh cải cách hành chính, kiện toàn, tinh giản bộ máy chính quyền. Công khai hóa các thủ tục hành chính, thực hiện đúng quy chế công chức phục vụ Nhân dân. Thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ cơ sở gắn với tăng cường giữ gìn kỷ cương pháp luật, xây dựng quy ước để Nhân dân tham gia bàn bạc, giám sát các vấn đề liên quan đến đất đai, xây dựng hạ tầng, vận động quyên góp các loại quỹ... Lãnh đạo, nhất là người đứng đầu, duy trì lịch đối thoại với dân, giải quyết những vấn đề bức xúc nảy sinh trong cuộc sống.

+ Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của UB Mặt trận Tổ quốc cấp xã và các đoàn thể chính trị-xã hội; tổ chức đảng phải quan tâm chỉ đạo công tác vận động quần chúng ở địa bàn dân cư; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng và bảo vệ chính quyền. Khắc phục tình trạng hành chính hóa trong hoạt động của mặt trận và các đoàn thể, tránh biểu hiện quan liêu, xa dân. Mặt trận phải thể hiện vai trò là người đại diện cho quyền làm chủ của Nhân dân về chính trị, văn hóa, xã hội ở cơ sở.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ về số lượng, nâng cao chất lượng và có cơ cấu hợp lý. Chủ động tạo nguồn đội ngũ cán bộ

ở cơ sở và các áp thông qua quy hoạch dự nguồn các chức danh chủ chốt, đồng thời chú trọng nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng như đào tạo tập trung, tại chức... cho các đối tượng này.

### **3. Định hướng xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội**

#### **3.1. Định hướng phát triển không gian xây dựng đô thị**

a) Hướng phát triển không gian: Lấy trục đường quốc lộ 91C, đường tỉnh 957, đường nối quốc lộ 91C và đường tỉnh 957 làm trục chính để phát triển thị trấn.

b) Các kết nối không gian phát triển kinh tế - xã hội:

- Các kết nối giao thông đường bộ liên vùng: Quốc lộ 91C và đường tỉnh 957, đường nối Quốc lộ 91C với đường tỉnh 957 hiện hữu liên kết chuỗi đô thị Châu Đốc, Đa Phước, An Phú, Long Bình. Các tuyến song song với Quốc lộ và đường tỉnh và các tuyến nối là khung phát triển đô thị.

- Các kết nối giao thông đường thủy liên vùng: Gắn kết trực tiếp với hệ thống đường thủy của sông Hậu và sông Châu Đốc là những tuyến đường thủy thông thương quan trọng của đồng bằng Sông Cửu Long và của khu vực. Hình thành hệ thống quảng trường, công viên cây xanh công cộng ven sông, thiết kế không gian mở kết nối giữa QL 91 với đường tỉnh 957 và mặt nước sông Hậu, sông Châu Đốc tại những khu vực còn quỹ đất để cảm nhận được sông nước khi hành khách đi trên đường bộ.

c) Phân khu chức năng phát triển đô thị

- Khu hành chính: Trung tâm hành chính bao gồm 01 cấp hành chính (cấp thị trấn). Tất cả những công trình hành chính gồm Trụ sở của Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, UBND; Ban Chỉ huy quân sự và các ban, ngành, đoàn thể của đô thị dự kiến sử dụng công trình hiện có, cơ sở vật chất đã được đầu tư khá khang trang, đảm bảo bố trí nơi làm việc cho các cơ quan, ban ngành của Thị trấn sau khi thành lập.

- Khu công trình dịch vụ: Bố trí quanh khu vực Khu đô thị Cồn Tiên, Khu dân cư Cồn Tiên; Khu Tái định cư, khu này có sự phân bố của các công trình thương mại dịch vụ kết hợp với loại hình nhà ở thương mại kinh doanh.

- Khu công trình văn hóa: Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng đã được xây dựng khang trang, hiện đại nằm gần trụ sở HĐND và UBND xã. Tại các ấp, bố trí các công trình văn hóa ấp, đảm bảo cho việc hội họp, sinh hoạt văn hóa ấp.

- Khu công trình giáo dục: Ổn định theo quy hoạch hiện nay, nâng cấp hoàn thiện các công trình đảm bảo giáo dục toàn diện cho học sinh.

- Khu công trình y tế: Nâng cấp các trang thiết bị, chú trọng số hóa để quản lý, nâng cao chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh ban đầu.

- Khu trung tâm TDTT: Khu trung tâm TDTT xã được bố trí tại khu vực ấp Phước Quản, gồm các sân thể thao cơ bản như cầu lông, bóng chuyền, sân bóng đá,... kết hợp với cây xanh, thảm cỏ. Tại các ấp, bố trí các công trình TDTT phục vụ các hoạt động TDTT hàng ngày cho người dân.

- Đất xây dựng công trình công viên cây xanh cách ly: 9,37 ha.

- Khu dân cư: Phần lớn khu dân cư được bố trí dọc theo đường quốc lộ 91C, đường tỉnh 957, khu đô thị Cồn Tiên, Khu dân cư Cồn Tiên; Khu tái định cư; Tuyến dân cư dân tộc Chăm. Nhà ở được tổ chức nhiều dạng như: nhà phố biệt lập, liền kề, liền lập,... nhằm mục đích tạo sự đa dạng về mặt cảnh quan đô thị.

### **3.2. Định hướng xây dựng hạ tầng kỹ thuật**

- **Giao thông:** Xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới giao thông đối ngoại, đối nội; tạo thành các kết nối giao thông đường bộ liên vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho Thị trấn.

*Quốc lộ 91C hiện hữu:* Nằm phía Đông thị trấn Đa Phước, song song và kề cận với sông Hậu, liên kết chuỗi đô thị Châu Đốc, Đa Phước, An Phú, Long Bình. Tuyến qua địa bàn Thị trấn khoảng 7,8km, sẽ là đường trục chính đô thị và hoàn chỉnh hệ thống thoát nước.

*Đường tỉnh 957:* Nằm phía Nam và phía Tây thị trấn Đa Phước, song song và kề sông Châu Đốc, liên kết chuỗi đô thị Đa Phước, An Phú, Long Bình. đoạn qua địa bàn xã Đa Phước dài 7,1 km. Sẽ là đường trục chính đô thị và hoàn chỉnh hệ thống thoát nước.

*Các tuyến đường nội bộ:* Xây dựng các tuyến song song và vuông góc với các đường trục chính đô thị. Xây dựng mới và cải tạo hệ thống cấp nước và thoát nước.

*Đường thủy:* Theo Quyết định 149/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh An Giang về phê duyệt Dự án Điều chỉnh bổ sung quy hoạch giao thông tỉnh An Giang:

+ Sông Hậu: Cấp kỹ thuật đạt cấp I, chiều rộng đáy >125m, chiều sâu luồng >4,0m.

+ Sông Châu Đốc: Cấp kỹ thuật đạt cấp III, chiều rộng đáy >50m, chiều sâu luồng >2,8m.

*Đầu mối giao thông:* Theo Quyết định 149/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh An Giang:

+ Bến xe tải Cồn Tiên: Trên QL.91C nhằm phục vụ cảng hàng hóa Châu Đốc. Bến được xây dựng với diện tích 1,3ha.

+ Cảng Châu Đốc: Gần ngã 3 sông Hậu và sông Châu Đốc, thuộc xã Đa Phước, huyện An Phú. Xây mới đảm bảo hoạt động của tàu có trọng tải đến 1.000T, công suất đạt 300.000T/năm.

*Giao thông công cộng bằng xe buýt:* Duy trì Tuyến 4 Bến xe Châu Đốc - Nội ô thành phố Châu Đốc - cầu Cồn Tiên – QL91C- Cửa khẩu Khánh Bình. Lập mới Tuyến 18 (Thành phố Châu Đốc-cửa khẩu Khánh Bình): Dài 37,0km, lý trình: Bến xe Châu Đốc - Nội ô thành phố Châu Đốc - cầu Cồn Tiên - ĐT.957-Cửa khẩu Khánh Bình.

#### **- Hệ thống thoát nước mưa:**

+ Nguyên tắc: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với thoát nước thải sinh hoạt; đảm bảo thoát nước mưa tự chảy; phân chia thành các khu vực nhỏ.

Thoát nước phối hợp ra sông (sông Hậu, sông Châu Đốc) và kênh mương trong khu vực đê bao, để khi cần thiết thực hiện ứng phó khi lũ xảy ra.

+ Hướng thoát chính: Có thể phân ra 02 lưu vực chính

Lưu vực 1: Khu vực phía trong đê bao, không chịu tác động trực tiếp lũ sông Hậu và sông Châu Đốc.

Lưu vực 2: Phía ngoài đê bao, chịu tác động trực tiếp lũ sông Hậu và sông Châu Đốc.

+ Kết cấu cống:

Đọc theo các trục đường trong khu đô thị, chọn kết cấu cống BTCT đúc sẵn, đường kính ống từ  $\varnothing 600$  ÷  $\varnothing 1500$ , tùy theo vị trí lắp đặt; hố ga BTCT đúc sẵn, kích thước tùy thuộc vào vị trí lắp đặt;

Trong khuôn viên các khu chức năng, bố trí mương gạch hoặc đá xây dầy nắp dale để thu gom và thoát nước vào hệ thống thoát nước chung trên các trục đường.

- **Cấp nước:** Theo tính toán nhu cầu sử dụng nước của thị trấn Đa Phước đến năm 2025 khoảng 5.000 m<sup>3</sup>/ng.đ. Giữ nguyên công suất nhà máy nước hiện tại Đồng thời, tổ chức mạng lưới đường ống từ 02 trạm cấp nước tới toàn bộ các ấp trên địa bàn Thị trấn, đảm bảo cấp nước đầy đủ cho nhu cầu dùng nước của các khu dân cư, với mạng lưới đường ống kết hợp mạng vòng và mạng nhánh, đường kính ống từ  $\varnothing 100$ - $\varnothing 300$ , sử dụng ống HDPE. Hạng cứu hỏa bố trí ở ngã ba, ngã tư đường phố và trên tuyến ống có đường kính từ  $\varnothing 100$  trở lên.

- **Cấp điện:**

+ Nguồn điện cấp cho khu quy hoạch từ lưới điện quốc gia của trạm biến thế 220kV-2x40kVA Châu Đốc thông qua trạm biến thế trung gian Đa Phước 35/12,7/22kV.

+ Lưới điện trung áp trong khu vực được thiết kế sử dụng điện áp 22kV để chuẩn hóa thiết bị toàn quốc. Nâng cấp, cải tạo lưới điện hiện trạng phù hợp với quy hoạch đồng thời xây dựng mới hệ thống lưới điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Dự kiến lưới điện trung áp khu vực sẽ sử dụng chủ yếu là đường dây trên không dạng đi nổi trên các cột BTCT cao 14,0m đi trên vỉa hè các trục lộ giao thông (cao hơn cây xanh ven đường). Dây dẫn sử dụng chủ yếu là cáp nhôm bọc nhựa cách điện. Mật độ tuyến trục sẽ theo mật độ phụ tải nhưng yêu cầu phải đấu nối mạch vòng cho tất cả các tuyến, hạn chế nhánh cụt. Trạm hạ thế sử dụng chủ yếu là trạm kín kiểu xây, kiểu kiost. Hạn chế các trạm biến áp treo gây thiếu thẩm mỹ cho đô thị được định hướng phát triển kinh tế du lịch. Bán kính cấp điện của các trạm hạ thế trong thị trấn trung bình 300 – 500m.

+ Điện chiếu sáng: Lưới điện hạ thế (cung cấp và chiếu sáng) sử dụng cáp ngầm, trong giai đoạn trước mắt do điều kiện kinh tế chưa cho phép có thể sử dụng đường dây nổi, dùng cáp vặn xoắn (cáp ABC) hoặc các bọc nhựa đi trên trụ BTLT cao 8.50m. Đường được chiếu sáng bằng đèn cao áp Solium 150W/100W (2 cấp công suất), ánh sáng vàng; tranfo, kích thước cố định trên trụ BTLT hiện hữu, sử dụng cần đèn đơn STK  $\varnothing 60$  + Collier L=3m (cao 1m, vương 2m).

### **- Quy hoạch thoát nước thải:**

Xây dựng hệ thống công riêng hoàn toàn để thoát nước thải cho khu vực thị trấn.

Đối với các công trình đều phải có bể tự hoại 3 ngăn xây đúng theo quy cách để phân hủy và lắng sơ bộ nước thải trước khi hòa vào cống và dẫn về khu xử lý nước thải tập trung; Các khu công nghiệp, thương mại tập trung đa ngành bao gồm nhiều loại hình, thành phần và tính chất nước thải rất khác nhau, nước thải cần được làm sạch theo hai bước:

+ Tất cả các nhà máy, cơ sở trong khu công nghiệp, thương mại phải có công trình XLNT cục bộ để làm sạch nước thải tới giới hạn C theo TCVN 5945-2005 mới được xả ra hệ thống cống của thị trấn;

+ Làm sạch lần 2 tại trạm XLNT tập trung của thị trấn đạt tới giới hạn B theo TCVN 5945-2005 trước khi xả thải môi trường.

Định hướng quy hoạch: Xây dựng các tuyến cống thải đồng bộ với hạ tầng dọc theo các tuyến đường trong khu xây dựng đợt đầu; xây dựng trạm xử lý nước thải tại vị trí thuận lợi và bảo vệ môi trường cảnh quan, công suất 1.800m<sup>3</sup>/ngày.

- Chất thải rắn: Tiếp tục mở rộng mạng lưới thu gom chất thải rắn đến tất cả các khu dân cư, các cơ sở sản xuất, công trình công cộng trên địa bàn đô thị.

- Nghĩa trang: Các nghĩa trang hiện có, khoanh vùng không mở rộng; di dời khi có nhu cầu sử dụng đất (tuy nhiên cần có chính sách đền bù thỏa đáng, đúng quy định hiện hành).

- Hệ thống thông tin liên lạc: Nâng cấp dung lượng các tuyến truyền dẫn viễn thông; đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng băng thông rộng và các dịch vụ 5G trong tương lai. Mạng thông tin di động sẽ phát triển theo hướng nâng cao chất lượng vùng phủ sóng và đa dạng hoá dịch vụ gia tăng. Xây dựng mới cột ăng ten bớt công kênh để đảm bảo mỹ quan đô thị. Cung cấp dịch vụ Internet 5G tới mọi người dân, tổ chức kinh tế - xã hội trong thị trấn. Về truyền hình: Ưu tiên phát triển dịch vụ có xu hướng hội tụ về công nghệ giữa truyền hình, internet và viễn thông.

## **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Huy động các nguồn vốn**

#### **1.1. Đầu tư vốn ngân sách**

##### **a) Vốn xây dựng cơ bản của thị trấn**

Là nguồn vốn chính để đầu tư cho phát triển hạ tầng kỹ thuật. Nguồn vốn này chủ yếu là nguồn vốn ngân sách TW bổ sung thông qua ngân sách Tỉnh. Để tranh thủ nguồn vốn này hàng năm Ban Quản lý Khu kinh tế An Giang và UBND huyện An Phú cần thực hiện tốt công tác quy hoạch và chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện. Cần phải có cơ chế thật tốt trong việc thực hiện nhanh, gọn đền bù, giải phóng mặt bằng, giới thiệu địa điểm, giao đất cho các công trình nhằm tranh thủ nguồn vốn đầu tư của các ngành trên địa bàn.

##### **b) Nguồn thu để lại**

Là nguồn thu quan trọng nhất cho ngân sách đô thị gồm nguồn thu sử dụng đất và thuê đất, thu thuế tài nguyên . . . ; Trong đó cần đặc biệt quan tâm đến nguồn

thu tiền sử dụng đất, thuê đất, thuê chuyển quyền sử dụng đất. Đây là nguồn thu có thể huy động được và được để lại để đầu tư.

Để tăng cường nguồn thu này cần phải tiến hành xúc tiến các giải pháp quy hoạch chi tiết xây dựng các khu vực thị trấn để hình thành các quỹ đất có thể đấu giá hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất. Ngoài ra chính quyền đô thị cần quản lý chặt chẽ về đất, giá đất và các quy trình, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

### c) Vốn huy động theo hình thức Nhà nước và Nhân dân cùng làm

Cần có cơ chế chính sách ưu tiên đầu tư cho các dự án có tỷ lệ vốn đóng góp của địa phương với một tỷ lệ thích đáng. Có thể là một tỷ lệ đóng góp của Nhân dân địa phương bằng vốn đối ứng, vốn tự có của địa phương, vốn của các doanh nghiệp góp vốn. Vốn đóng góp cũng có thể bằng hình thức giá trị quyền sử dụng đất.

## 1.2. Vốn đầu tư của Nhân dân

Khai thác quỹ đất để xây dựng cơ sở hạ tầng cho đô thị, cho các khu dân cư, cho những khu phố, sử dụng hình thức đổi đất để lấy cơ sở hạ tầng, coi đây là nguồn vốn lớn. Tuyên truyền Nhân dân tự giác đóng góp bằng giá trị khi xây dựng, mở rộng các tuyến giao thông đô thị.

## 1.3. Vốn từ các doanh nghiệp tự đầu tư

Lên danh mục các dự án cơ hội (về khai thác quỹ đất) với địa điểm và dự kiến nội dung đầu tư cụ thể, đăng ký với UBND, sau đó công khai kêu gọi các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, giao cho họ lập các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và khai thác quỹ đất để thu hồi vốn. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có lợi để họ mạnh dạn đầu tư. Có thể một doanh nghiệp đứng làm chủ đầu tư một dự án chung và kêu gọi nhiều doanh nghiệp khác ứng vốn trước để tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng, sau đó nhận lại mặt bằng để thực hiện đầu tư một số hạng mục trong dự án chung của khu vực đó.

Xây dựng các quy hoạch và lập các dự án đầu tư xây cơ sở hạ tầng khép kín để huy động vốn: Có thể giao cho một doanh nghiệp có chức năng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng lập dự án đầu tư một khu đô thị mới. Theo cơ chế vốn doanh nghiệp tự bỏ ra đầu tư xây dựng CSHT sau đó thu hồi theo phương thức chuyển quyền SDD trong khu vực đã đầu tư xây dựng CSHT. Để thực hiện vấn đề này cần phải mạnh dạn chấp nhận thị trường bất động sản với một phương thức vận hành phù hợp trong điều kiện của địa phương.

Thực hiện chính sách thu hút đầu tư theo cơ chế thu hút của Tỉnh: Trong phạm vi các dự án nằm trong danh mục ưu tiên khuyến khích đầu tư được hưởng cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật khuyến khích đầu tư trong nước và quy định của UBND tỉnh An Giang về cơ chế thu hút đầu tư áp dụng trong Tỉnh. Ngoài ra để tăng cường thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào địa bàn thị trấn; UBND Tỉnh, Huyện cần đề xuất các cơ chế thu hút đặc biệt, đặc biệt là các dự án đầu tư trên lĩnh vực kinh doanh (Cơ sở hạ tầng dịch vụ, thương mại, công nghiệp . . .).

Ngoài các vấn đề trên, Nhà nước cũng cần khuyến khích việc phát triển các hình thức hợp tác liên kết kinh tế giữa Nhà nước và các thành phần kinh tế khác nhằm huy động tối đa các nguồn lực tài chính còn nhàn rỗi trong dân. Nhà nước chủ động đầu tư

và gọi vốn các thành viên kinh tế khác xây dựng các doanh nghiệp hoặc mở rộng quy mô của các doanh nghiệp hiện có thông qua các hình thức góp vốn.

#### **1.4. Huy động vốn qua ngân hàng**

Các ngân hàng kinh doanh phải tìm các biện pháp huy động tối đa các nguồn vốn còn nhàn rỗi trong dân và các thành phần kinh tế; cũng như huy động từ các nguồn vốn nước ngoài; đồng thời thực hiện tốt việc cho vay lại trên cơ sở đổi mới thủ tục cho vay, thẩm định các dự án . . . nhằm đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển vào vay trung và dài hạn. Song song đó, Nhà nước có biện pháp xử lý rủi ro bất khả kháng và những vấn đề liên quan đến sự khác nhau giữa huy động vốn ngắn hạn nhưng cho vay trung và dài hạn.

Một số giải pháp huy động vốn đầu tư ngoài ngân sách để đầu tư: Phân loại danh mục các công trình có thể huy động theo phương thức kết hợp Nhà nước và Nhân dân cùng làm (đầu tư ngân sách kết hợp vay huy động 100% vốn huy động từ doanh nghiệp và Nhân dân): Giao thông đô thị, công viên cây xanh và các khu dịch vụ; Xây dựng chợ, trung tâm thương mại...

#### **1.5. Tạo vốn bằng cổ phiếu giá trị đất**

Để tạo vốn đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đề xuất phương án góp vốn bằng quyền SDD. Cụ thể, Ban Quản lý Khu kinh tế An Giang kết hợp với huyện An Phú thành lập Công ty cổ phần, sau đó, công ty sẽ xác định giá đất đã hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng trong tương lai ra thành giá trị cổ phiếu, mang ra đấu giá bán cho những doanh nghiệp có yêu cầu đầu tư để xây dựng nhằm mục đích huy động vốn phục vụ lại cho công tác đền bù, giải tỏa.

### **2. Về tổ chức bộ máy và cán bộ công chức**

Chỉ đạo kiện toàn bộ máy chính quyền mới của Thị trấn trên cơ sở số cán bộ, công chức của xã Đa Phước. Trong quá trình tổ chức, xây dựng bộ máy thị trấn, huyện An Phú sẽ tiếp tục chỉ đạo việc rà soát, điều động, luân chuyển cán bộ một cách khoa học, đảm bảo cân đối trong tổng biên chế hành chính giao hàng năm và hạn chế tăng biên chế không cần thiết.

Tiếp tục sắp xếp và củng cố, nâng cao chất lượng đại biểu HĐND, thành viên UBND; sắp xếp và củng cố số lượng cán bộ, công chức trong bộ máy chính quyền đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Số lượng đại biểu HĐND của Thị trấn nhiệm kỳ 2021 - 2026 là 29 đại biểu, số cán bộ 11 người, công chức 12 người và số người hoạt động không chuyên trách ở Thị trấn là 14 người, ở ấp 12 người. Sau khi được cấp có thẩm quyền công nhận thành lập Thị trấn sẽ nâng cao hiệu lực, hiệu quả chính quyền theo hướng chính quyền đô thị cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế ở địa phương.

Bên cạnh đó, để chuẩn bị cho việc thành lập mới Công an thị trấn, Công an tỉnh An Giang sẽ có kế hoạch điều động cán bộ chiến sỹ trong tỉnh theo quy định của ngành, đảm bảo 100% cán bộ chiến sỹ là công an chính quy.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập như: Trạm y tế, các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở,.. sẽ vẫn giữ nguyên số người làm việc theo từng đơn vị đã được giao. Đảm bảo không tăng biên chế viên chức khi thành lập Thị trấn.

### **3. Giải pháp khác**

#### **3.1. Về lãnh đạo, chỉ đạo**

Tập trung nâng cao sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền, sự phối kết hợp của UB Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, Nhân dân cho nhiệm vụ xây dựng và phát triển Thị trấn; phát động phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp cán bộ và Nhân dân, nhằm phấn đấu đẩy nhanh quá trình xây dựng Đảng, Chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể vững mạnh, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chính trị đề ra.

Củng cố tăng cường hiệu quả quản lý, điều hành của Chính quyền các cấp, đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý đô thị theo quy hoạch, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục của các cấp uỷ Đảng và Chính quyền địa phương.

#### **3.2. Nâng cao năng lực quản lý**

Đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, nhất là đối với đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt của Thị trấn trên cơ sở xác định đúng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; áp dụng hình thức và phương pháp phù hợp, kết hợp hình thức đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, bậc với hình thức đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm và theo chức danh để khắc phục tình trạng đào tạo hình thức; coi trọng hình thức tự đào tạo; nâng cao năng lực cho các nhà quản lý tại nơi làm việc; trao quyền quyết định cho cấp dưới để nâng cao năng lực làm việc và tạo động lực học tập để nâng cao năng lực.

Ban hành Quy chế làm việc cụ thể, theo đó yêu cầu các bộ phận chức năng phải phát huy vai trò tham mưu chuyên môn cho UBND Thị trấn; phải nghiên cứu đề xuất, dự thảo văn bản trình UBND và chịu trách nhiệm chính về văn bản đó. Văn phòng UBND chỉ xem xét về trình tự, thể thức, các yêu cầu của văn bản; hàng tháng, các ban ngành phải có báo cáo để VP UBND theo dõi tổng hợp các công việc đã thực hiện và còn tồn đọng, đề xuất các biện pháp giải quyết báo cáo Chủ tịch.

Công khai các thủ tục hành chính. Công bố thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc để đảm bảo thực hiện đầy đủ, chính xác, đồng bộ, thống nhất, minh bạch và kịp thời các quy định thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Nhân dân kiểm tra, giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đưa ứng dụng công nghệ thông tin thành công cụ hữu hiệu hỗ trợ, thúc đẩy cải cách hành chính, hướng tới mục tiêu xây dựng thành công nền hành chính điện tử ở địa phương.



## **Phần thứ năm** **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN**

Sự phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa của đô thị Đa Phước đã tác động đến nhiều mặt của xã và các khu vực lân cận, làm cho việc tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền theo mô hình xã như hiện nay không còn phù hợp, cần thiết phải thành lập thị trấn để đáp ứng yêu cầu phát triển và quản lý đô thị. Thành lập thị trấn Đa Phước trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng diện tích tự nhiên và dân số xã Đa Phước cơ bản không làm tăng chi ngân sách mà còn sắp xếp hợp lý nguồn lao động, tạo ra động lực mới cho sự phát triển, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước, đảm bảo An ninh - Quốc phòng.

Đa Phước là đô thị phát triển của huyện An Phú, có tầm quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội huyện, được định hướng là đầu mối giao thông quan trọng của Huyện và Tỉnh là một trong những điều kiện quyết định để nằm trong Hệ thống Logistics của tỉnh. Việc thành lập thị trấn Đa Phước trực thuộc huyện là phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời cùng tạo điều kiện thuận lợi cho Đa Phước có cơ hội tăng cường thu hút đầu tư, tiếp tục cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nâng cao hơn nữa đời sống Nhân dân, đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân huyện An Phú nói chung và Nhân dân xã Đa Phước nói riêng.

### **II. KIẾN NGHỊ**

Từ thực trạng và tiềm năng phát triển, căn cứ theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019 và các quy định liên quan, Ủy ban nhân dân huyện An Phú xây dựng “Đề án thành lập thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang” kính trình các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu VT, NV (\*10b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

## **THUYẾT MINH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THỊ TRẤN ĐA PHƯỚC**

### **1. Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và xã Vĩnh Trường**

Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nằm trên 03 mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5.000 Hệ VN-2000 do Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập năm 2010, có các phiên hiệu sau:

C-48-31-(116)      C-48-31-(117)      C-48-31-(133).

Tuyến ĐGHC khởi đầu từ ngã ba địa giới 3 xã, thị trấn: xã Vĩnh Trường, thị trấn Đa Phước và thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang (giao điểm giữa sông Hậu và hướng bờ ruộng kéo dài), được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 3 mặt cấp xã có số hiệu: (VT-ĐP-TT.AP)03X.12 (mốc cắm trên đất bà Lê Ngọc Phượng, ấp Hà Bao 1, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 152,5 m về phía Tây nam). Theo hướng chính là hướng Đông nam, đường địa giới đi giữa sông Hậu và kết thúc tại ngã ba địa giới 3 xã, thị trấn, phường: xã Châu Phong, thị xã Tân Châu và thị trấn Đa Phước, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang (tại ngã ba sông Hậu), được đánh dấu trên bản đồ bằng điểm đặc trưng có ký hiệu: (CP-ĐP-VT) và đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 2 mặt cấp huyện có số hiệu: (TC-AP)02H.7 (mốc cắm phía Đông đường nhựa, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 302,4 m về phía Đông bắc).

Tổng chiều dài của tuyến địa giới là 4.611,3 m, gồm có 02 mốc địa giới, không chia đoạn; chiều dài của tuyến được đo từ dữ liệu số của bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5.000 và được mô tả như trên.

### **2. Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và xã Châu Phong, thị xã Tân Châu**

Tuyến ĐGHC giữa xã Châu Phong và thị trấn Đa Phước trùng với đoạn ĐGHC cấp huyện giữa thị xã Tân Châu và huyện An Phú, tỉnh An Giang nằm trên 03 mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5.000 Hệ VN-2000 do Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập năm 2010, có các phiên hiệu sau:

C-48-31-(132)      C-48-31-(133)      C-48-31-(148)

Tuyến ĐGHC khởi đầu từ ngã ba địa giới 3 xã, thị trấn: xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, thị trấn Đa Phước và xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang (tại ngã ba Sông Hậu), được đánh dấu trên bản đồ bằng điểm đặc trưng có ký hiệu: (CP-ĐP-VT) và đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 2 mặt cấp huyện có số hiệu: (TC-AP)02H.7 (mốc cắm phía Đông đường nhựa, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 302,4 m về phía Đông bắc). Theo hướng Tây nam đường địa giới đi giữa Sông Hậu và kết thúc tại ngã ba địa giới 3 xã, thị trấn, phường đồng thời là ngã ba địa giới 3 huyện, thị xã, thành phố: thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu và phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (tại ngã ba Sông Hậu và sông Châu Đốc), được đánh dấu trên bản đồ bằng điểm đặc trưng có ký hiệu: (AP-TC-CD) và đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 3 mặt cấp huyện có số hiệu: (AP-TC-CD)03H.2 (mốc cắm trên

đất bà May Muol, ấp Hòa Long, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 269,1 m về phía Đông bắc).

Tổng chiều dài của tuyến địa giới là 3.967,3 m, gồm có 02 mốc địa giới, không chia đoạn; chiều dài tuyến được đo từ dữ liệu số của bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5.000 và được mô tả như trên.

### **3. Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và phường Châu Phú B, TP Châu Đốc**

Tuyến ĐGHC giữa phường Châu Phú B và thị trấn Đa Phước, trùng với đoạn ĐGHC giữa thành phố Châu Đốc và huyện An Phú, tỉnh An Giang, nằm trên 01 mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5.000 Hệ VN-2000 do Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập năm 2010, có phiên hiệu sau:

C-48-31-(148)

Tuyến ĐGHC khởi đầu từ ngã ba địa giới 3 xã, thị trấn, phường, đồng thời là ngã ba địa giới 3 huyện, thị xã và thành phố: Thị trấn Đa Phước, huyện An Phú; xã Châu Phong, thị xã Tân Châu và phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (tại ngã ba sông Châu Đốc và sông Hậu), được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 3 mặt cấp huyện có số hiệu: (AP-TC-CD)03H.2 (mốc cắm trên đất bà May Muol, ấp Hòa Long, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 269,1 m về phía Đông bắc). Theo hướng Tây bắc, đường địa giới đi giữa sông Hậu và kết thúc tại ngã ba địa giới 3 thị trấn, phường: Thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, phường Châu Phú B và phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (tại ngã ba địa giới 3 thị trấn, phường: Thị trấn Đa Phước, huyện An Phú và phường Châu Phú B và phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang), được đánh dấu trên bản đồ bằng điểm đặc trưng có ký hiệu: (ĐP-CPB-CPA), được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 2 mặt cấp huyện có số hiệu: (AP-CD)02H.1 (mốc cắm tại mép bờ kè công viên 30 Tháng 4, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 103,2 m về phía Tây nam).

Tổng chiều dài của tuyến địa giới là 397,1 m, gồm 02 mốc địa giới và không chia đoạn; chiều dài tuyến được đo từ dữ liệu số của bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5.000 và được mô tả như trên.

### **4. Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc**

Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và phường Châu Phú A, trùng với đoạn ĐGHC giữa huyện An Phú và thành Phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, nằm trên 02 mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5.000 Hệ VN-2000 do Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập năm 2010, có các phiên hiệu sau:

C-48-31-(132)

C-48-31-(148)

Tuyến ĐGHC khởi đầu từ ngã ba địa giới 3 thị trấn, phường: Thị trấn Đa Phước, huyện An Phú và phường Châu Phú B và phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; được đánh dấu trên bản đồ là điểm đặc trưng có ký hiệu: (ĐP-CPB-CPA), được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 2 mặt cấp huyện có số hiệu: (AP-CD)02H.1 (mốc cắm tại mép bờ kè công viên 30 Tháng 4, phường Châu

Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 103,2 m về phía Tây nam), theo hướng Tây bắc đường địa giới đi giữa sông Châu Đốc và kết thúc tại ngã ba địa giới 3 thị trấn, phường: Thị trấn Đa Phước, huyện An Phú và phường Châu Phú A và phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (tại ngã ba kênh Vĩnh Tế và Sông Châu Đốc), được đánh dấu trên bản đồ là điểm đặc trưng có ký hiệu: (ĐP-CPA-VN), được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 2 mặt cấp huyện có số hiệu: (AP-CD)02H.2 (mốc cắm phía Tây đường ĐT- 957, ấp Phước Thọ, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 274,5 m về phía Đông bắc).

Tổng chiều dài của tuyến địa giới là 1.167,3 m, gồm 02 mốc địa giới, không chia đoạn; Chiều dài các đoạn đo từ dữ liệu số của bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5.000.

### **5. Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc**

Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và phường Vĩnh Ngươn, trùng với đoạn ĐGHC giữa huyện An Phú và thành Phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, nằm trên 02 mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5.000 Hệ VN-2000 do Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập năm 2010, có các phiên hiệu sau:

C-48-31-(116)

C-48-31-(132)

Tuyến ĐGHC khởi đầu từ ngã ba địa giới 3 thị trấn, phường: thị trấn Đa Phước, huyện An Phú và phường Châu Phú A và phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (tại ngã ba kênh Vĩnh Tế và Sông Châu Đốc), được đánh dấu trên bản đồ là điểm đặc trưng có ký hiệu: (ĐP-CPA-VN), được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 2 mặt cấp huyện có số hiệu: (AP-CD)02H.2 (mốc cắm phía Tây đường ĐT- 957, ấp Phước Thọ, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 274,5 m về phía Đông bắc), theo hướng Bắc-Tây bắc đường địa giới đi giữa sông Châu Đốc và kết thúc tại ngã ba địa giới 3 xã, thị trấn, phường: xã Vĩnh Hội Đông, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú và phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, được đánh dấu trên bản đồ là điểm đặc trưng có ký hiệu: (VHĐ-ĐP-VN), được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 2 mặt cấp huyện có số hiệu: (AP-CD)02H.3 (mốc cắm trên lề đường ĐT 957, ấp Phước Quản, thị trấn Đa Phước huyện An Phú, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 144,1 m về phía Đông-Đông nam).

Tổng chiều dài của tuyến địa giới là 5.427,1 m, gồm 02 mốc địa giới, không chia đoạn; chiều dài các đoạn đo từ dữ liệu số của bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5.000.

### **6. Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú**

Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nằm trên 02 mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5.000 Hệ VN-2000 do Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập năm 2010, có phiên hiệu sau:

C-48-31-(115)

C-48-31-(116)

Tuyến ĐGHC khởi đầu từ ngã ba địa giới 3 xã, thị trấn, phường: Xã Vĩnh Hội Đông, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú và phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, được đánh dấu trên bản đồ là điểm đặc trưng có ký hiệu: (VHĐ-ĐP-VN),

được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 2 mặt cấp huyện có số hiệu: (AP-CD)02H.3 (mốc cắm trên lề đường ĐT 957, ấp Phước Quán, thị trấn Đa Phước huyện An Phú, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 144,1 m về phía Đông-Đông nam). Theo hướng Tây bắc, đường địa giới đi giữa sông Châu Đốc và kết thúc tại ngã ba địa giới 3 xã, thị trấn: thị trấn An Phú, thị trấn Đa Phước và xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang, được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 3 mặt cấp xã có số hiệu: (TT.AP-ĐP-VHĐ)03X.13 (mốc cắm trên mép đường ĐT 957, phía Đông, ấp Phước Quán, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 153,7 m về phía Đông-Đông bắc).

Tổng chiều dài của tuyến địa giới là 612,5 m, gồm 02 mốc địa giới và không chia đoạn; chiều dài tuyến được đo từ dữ liệu số của bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5.000 và được mô tả như trên.

### **7. Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và thị trấn An Phú, huyện An Phú**

Tuyến ĐGHC giữa thị trấn Đa Phước và thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nằm trên 02 mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5.000 Hệ VN-2000 do Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập năm 2010, có phiên hiệu sau:

C-48-31-(115)

C-48-31-(116)

Tuyến ĐGHC khởi đầu từ ngã ba địa giới 3 xã, thị trấn: Thị trấn An Phú, thị trấn Đa Phước và xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang, được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 3 mặt cấp xã có số hiệu: (TT.AP-ĐP-VHĐ)03X.13 (mốc cắm trên mép đường ĐT 957, phía Đông, ấp Phước Quán, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 153,7 m về phía Đông-Đông bắc). Theo hướng chính là hướng Đông bắc đường địa giới đi theo kênh, bờ ruộng và kết thúc tại ngã ba địa giới 3 xã, thị trấn: xã Vĩnh Trường, thị trấn Đa Phước và thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang (tại giao điểm giữa sông Hậu và hướng bờ ruộng kéo dài), được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 3 mặt cấp xã có số hiệu: (VT-ĐP-TT.AP)03X.12 (mốc cắm trên đất bà Lê Ngọc Phượng, ấp Hà Bao 1, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 152,5 m về phía Tây nam).

Tổng chiều dài của tuyến địa giới là 1.745,3 m, gồm 03 mốc địa giới, chia làm 03 đoạn; chiều dài các đoạn đo từ dữ liệu số của bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5.000 và được mô tả cụ thể như sau:

Đoạn 1: Khởi đầu từ ngã ba địa giới 3 xã, thị trấn: thị trấn An Phú, thị trấn Đa Phước và xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang, được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 3 mặt cấp xã có số hiệu: (TT.AP-ĐP-VHĐ)03X.13 (mốc cắm trên mép đường ĐT 957, phía Đông, ấp Phước Quán, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 153,7 m về phía Đông-Đông bắc), theo hướng Đông bắc, đường địa giới đi giữa đường đất, đến điểm phân định địa giới giữa 2 thị trấn, được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 2 mặt cấp xã có số hiệu: (TT.AP-ĐP)02X.12 (mốc cắm trên đất bờ đê phía Nam kênh Chà, ấp An Thạnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang, cách điểm phân định địa giới địa giới 6,2 m về phía Bắc-Tây bắc). Đoạn địa giới này dài 778,5 m

Đoạn 2: Từ điểm phân định địa giới giữa 2 thị trấn, được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 2 mặt cấp xã có số hiệu: (TT.AP-ĐP)02X.12 (mốc cắm trên đất bờ đê phía Nam kênh Chà, ấp An Thạnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang, cách điểm phân định địa giới địa giới 6,2 m về phía Bắc-Tây bắc), theo hướng Đông bắc đường địa giới đi giữa đường đất, đến điểm đặc trưng số 1 (giao điểm giữa đường đất và hướng bờ ruộng kéo dài). Đoạn địa giới này dài 627,8 m

Đoạn 3: Từ điểm đặc trưng số 1, theo hướng Nam-Đông nam rồi Đông bắc đường địa giới đi giữa bờ ruộng, đến ngã ba địa giới 3 xã, thị trấn: xã Vĩnh Trường, thị trấn Đa Phước và thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang (tại giao điểm giữa sông Hậu và hướng bờ ruộng kéo dài), được đánh dấu trên thực địa bằng mốc bê tông 3 mặt cấp xã có số hiệu: (VT-ĐP-TT.AP)03X.12 (mốc cắm trên đất bà Lê Ngọc Phượng, ấp Hà Bao 1, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang, cách ngã ba địa giới 152,5 m về phía Tây nam). Đoạn địa giới này dài 338,9 m./.